

SỐ 106 - NGÀY 1-6-1961

BACH KHOA

trong số này

THANH THUYỀN *thử bàn về nhận-vị trong phật giáo* •
HOÀNG MINH TUYNH *satyagraha nghệ-thuật sống và chết* • PHẠM HOÀNG *hành-dộng* • BÙI HỮU SÙNG *văn học nước pháp trong năm 1960* • VÕ QUANG YẾN *chuyến bay ra vũ trụ đầu tiên của mỹ* • ĐOÀN THÈM *thử tìm hiểu hội-họa* • PHAN VĂN TẠO *hồng-kông* • PHẠM TRỌNG NHÂN *phố* • MINH ĐỨC *lá thư maroc* • QUÁCH GIAO *quỳnh hoa* • KIM LƯƠNG *thi-xã, dịch lâm ngữ đường* • HOÀI HƯƠNG *con nước phù-sa* • XUÂN TÙNG *trận banh đầu* • MAI TRÚC DIỄN *tiêu dai nguyên* • TUYẾT HƯƠNG *phấn đầu* • ĐOÀN THÈM *bài ca cảm giác* • VÕ HỒNG - THẾ PHONG - LÊ VĂN TRƯƠNG *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách-khoa* • NHÂN THẾ *lại trả lời ông thụ-giang Nguyễn-Duy-Cần* • PHẠM TĂNG *trình bày về minh họa* •

Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "D.C."**

* Rượu Rum **CARAVELLE**

lần năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Quí vị thường thích dùng **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**

135 Pateur Saigon. ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Tích Thọ Tuần"

. DẤM ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°



Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TAT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc-Gia Việt-Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

213 - D TỰ - DO SAIGON

Bao An



BÁN SỈ VÀ LẺ MỸ PHẨM :

★ *Elizabeth Arden*

★ *Guerlain*

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI - TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MÂY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIÊN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANGKOK & HONGKONG

Đường bay "THANH-LONG"

bảng phi cơ

phản lực

VISCOUNT

PROP-JET

của VIỆT-NAM HÀNG KHÔNG

- o Nhanh chóng
- o Êm ái
- o Trang trí tối-tân, đầy đủ tiện-nghi.



XIN TIẾP-XÚC VỚI CÁC HẰNG DU-LỊCH
hay

Air Viet Nam

16, NGUYỄN-HUỆ - SAIGON
TEL. 21.624 - 21.625 - 21.626



VIETNAM EXPRESS, 60

Một nhân viên thành thạo

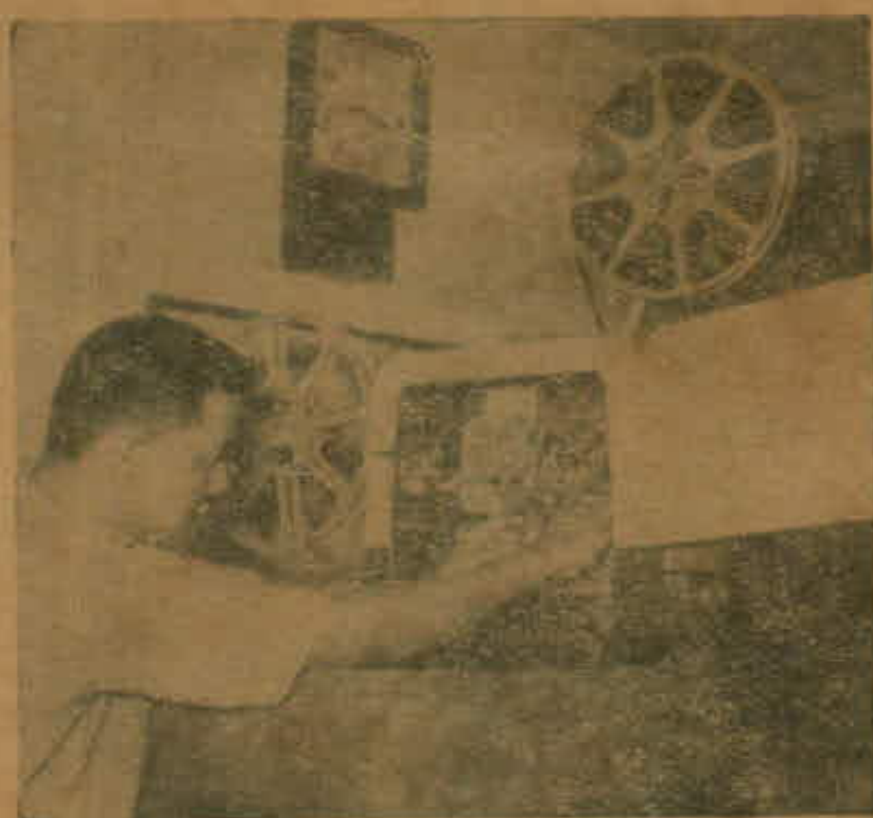
Muốn thành thạo, nhân viên phải được trau dồi kiến thức. Vì thế Hãng Dầu Stanvac vẫn thường tổ chức những khóa huấn luyện, những lớp hội thảo ở trong nước và gửi nhân viên đi ngoại quốc tu nghiệp về các ngành chuyên môn.



Ông Nguyễn-vân-Thân thợ điện của hãng

Một nhiệm vụ hữu ích

Nhờ những cơ hội huấn luyện trên, nhân viên làm việc đặc lực hơn và dần dần được giao phó những trách nhiệm quan trọng hơn. Như thế nhân viên trở thành những công dân hữu ích hơn trong công cuộc mở mang xứ sở.



Ông Thân phụ trách chiếu phim huấn luyện

Một quốc gia phú cường

Một quốc gia có nhiều công dân hữu ích như thế là một quốc gia hùng mạnh, nơi mà tài năng và nhân vị của cá nhân được tôn trọng. Nhân viên Stanvac đang cùng hàng triệu đồng bào trong nước góp phần xây dựng một quốc gia phú cường.



Gia-dình ông Thân đầm ấm và vui vẻ

Hãng Dầu Stanvac

Phụng-Sự Nhân-Dân Việt-Nam

BÁCH-KHOA

Số 106 — Ngày 1 - 6 - 1961

	Trang
THANH-THUYỀN	<i>Vấn-đề nhân-vị trong Phật-giáo.</i> . . 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Satyagraha, nghệ-thuật sống và chết.</i> 15
PHẠM-HOÀNG	<i>Hành động.</i> 20
BÙI-HỮU-SÙNG	<i>Văn-học nước Pháp trong năm 1960</i> 21
VÕ-QUANG-YẾN	<i>Chuyến bay ra vũ-trụ đầu tiên của Mỹ</i> 29
ĐOÀN-THÊM	<i>Thử tìm hiểu hội họa.</i> 35
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Hồng-Kông.</i> 53
PHẠM-TRỌNG-NHÂN	<i>Phở</i> 61
MINH-ĐỨC	<i>Lá thư Maroo.</i> 68
QUÁCH-GIAO	<i>Quỳnh hoa.</i> 71
HOÀI-HƯƠNG	<i>Con nước Phù-sa</i> 72
KIM-LƯƠNG (dịch Lâm-Ngũ-Đường)	<i>Thi xã</i> 73
MAI-TRÚC-DIÊN	<i>Tiểu Đài Nguyên.</i> 82
XUÂN-TÙNG	<i>Trận banh đầu</i> 83
TUYẾT-HƯƠNG	<i>Phấn đầu</i> 91
ĐOÀN-THÊM	<i>Bài ca cảm giác.</i> 100

PHỎNG-VẤN — SINH-HOẠT

VÕ-HỒNG — THẾ-PHONG — LÊ-VĂN-TRƯƠNG	<i>Trả lời cuộc phỏng-vấn của Bách-Khoa.</i> 101
NHÂN-THẾ	<i>Lại trả lời ông Thu-Giang.</i> 110

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Jean-Paul-Sartre.*
- ĐOÀN-THÊM : *Thử tìm hiểu hội họa : Các họa phát
thể-hiện*
- BỬU-KẾ : *Thuận-An thất thủ*
- NGUYỄN-HỮU-PHIẾM : *Thi đậu thi rớt.*
- THIẾU-SƠN : *Ông Phan - Khôi đã phê - bình ông
Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?*
- NGUYỄN BẠT-TUY : *Nghề mình ở Tam-Quan.*
- VÕ-QUANG-YẾN : *Câu chuyện biển nước.*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ : *Danh nhân IBN-SÉOUD người đã tạo
nên một quốc gia phú cường giữa vùng
sa mạc.*
- NGUYỄN-ANH-LINH : *Ludwig Feuerbach : người cha thiêng-
liêng của nhân-bản vô-thần*
- DOÃN-VĂN : *Nếu thế-giới đạt-chiến thứ ba bùng nổ...*
- PHAN-VĂN-TẠO : *Day dứt*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lá thư Ba-Tư*
- VÂN-TRANG : *Trước tờ giấy trắng.*
- KIM-LƯƠNG : *Thi-xã.*
- VŨ-HẠNH : *Người thầy thuốc*
- VÕ-HỒNG : *Tại họa cuối cùng (truyện ngắn).*
- NGUYỄN : *Cứ điềm quan sát (truyện dịch)*
- THẠCH-HÀ : *Một chuyến xuất hành*

VẤN - ĐỀ NHÂN - VỊ

* THANH-THUYỀN

TRONG PHẬT-GIÁO

NHÂN ngày lễ kỷ-niệm Phật-Đản, chúng tôi muốn xét lại vấn-đề đã được nhiều người nêu lên : vấn-đề nhân-vị trong Phật-giáo.

Nhiều học-giả Tây-Phương sau khi nghiên-cứu giáo-lý Tiểu-thừa (Phái Nguyên-thủy) vội-vã xác-nhận : « Tam tạng kinh Phật giáo chủ-trương hiện-tượng chủ nghĩa » (Phénoménisme). Ngoài hiện-tượng ra không còn có gì hết cả. Ngũ-uẩn của con người (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) chỉ là một mớ hiện-tượng kết-hợp và đột-biến. Không có một bản ngã thường còn, hoặc không có một cái gì ngoài ngũ-uẩn.

Một số người khác, chẳng hạn L. M. Trần-thái-Đĩnh, trong các bài về thuyết Vô-ngã trong Phật-giáo, có quan-niệm ngược lại, cho rằng ý-kiến trên của giáo-sư La Vallée Poussin

không được vững - vàng. Quả thật Phật-giáo có chủ - trương vô - ngã. Nhưng triết-lý vô-ngã đó chỉ đánh đổ Thần-ngã của Bà-la-môn mà thôi. Phật luôn luôn đả phá vấn-đề chấp linh-hồn thường còn và linh-hồn đoạn diệt. Chết không phải là hết. Và theo ý linh-mục : « Phật đã dạy chúng sinh là mỗi cá-vị, mỗi chúng sinh phải hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về hành-vi của mình... ».

Một số người khác nữa khi nhìn qua giáo-lý Đại-Thừa, bản - khoán : hay Phật - giáo chủ - trương vô-ngã thật sự ? Hay Phật-giáo cũng chẳng khác gì Bà-la-môn ? Nhập Niết-Bàn là trở về cái Đại-Ngã rộng lớn (Universel) trong đó cá-vị của mình (Personnel) bị tiêu-tan. Nhưng đã vô-ngã thì ai nhập Niết-Bàn mới được chứ ?

VĂN-ĐỀ NHÂN-VỊ TRONG PHẬT-GIÁO

Văn-đề trở nên rắc-rối, khó-khăn cho những người tìm hiểu giáo-lý Phật-Đà. Phật-giáo quả rắc-rối thật. Ông Cao-xuân-Hà kêu lên rằng: Phật-giáo nhiều tông-phái quá (Đại-học số 8). Chẳng biết những người con Phật sẽ nghĩ sao trước văn-đề đó. Cho rằng Phật-giáo chủ-trương vô-ngã thì ai tu, ai chứng, ai nhập Niết-Bàn? (thắc mắc của Ô. Nguyễn-văn-Trung — Đại-học, Huế). Nếu bảo còn có một « thần thức », hóa ra Phật-giáo chủ-trương hữu-ngã, có một linh hồn thường còn bất biến. Nếu trở về cái Đại-đồng, Đại-ngã Rộng Lớn thì Phật-giáo chẳng khác gì Bà-la-môn chủ-trương có một thần-ngã chu-biến khắp nơi? Giải-quyết được văn-đề đó tức là giải-quyết được văn-đề nhân-vị trong Phật-giáo vậy.

*
* *

Trước khi đi vào giáo-điển nhà Phật, chúng ta thử đặt nên câu hỏi: các tông phái Phật-giáo có đòi lập hoàn toàn về phương diện triết lý căn-bản không? Hay các tông phái Phật-giáo đều đồng nhất về yếu tính của Phật-giáo. Chúng tôi cho rằng, vì thiên kiến và bảo thủ, cho nên một số Phật-tử chỉ giữ những giáo-lý trong tông phái của mình, không chịu đưa mắt nhìn bao quát toàn bộ giáo-lý nhà Phật. Do đó, những điểm dị biệt trong chi tiết trở nên quan trọng. Những Phật-tử hoặc những người yêu mến cả hai loại kinh-điển Phật-giáo viết bằng Phạn-ngữ Sanskrit và Pali, chắc rằng sẽ có một nhận thức toàn bộ tổng quát hơn, và chắc sẽ

thấy rằng những quan-niệm khác biệt nhau của hai giáo hệ Nguyên thủy và Đại thừa chỉ ở phần giáo-lý khai-triển chứ không khác nhau ở phần giáo-lý căn-bản.

Nghiên-cứu kinh-điển Phật-giáo để rút tía những nhận định hợp lý về quan-niệm nhân-vị trong Phật-giáo, chúng tôi nghĩ rằng công việc nghiên-cứu không nên đặt mình vào một trong hai giáo-hệ đó. Chỉ lấy một trong hai giáo-hệ để nghiên-cứu, văn đề tìm hiểu dễ trở nên thiếu sót và phiến diện. Hiện giờ, Phật-giáo có hai giáo-hệ chính: giáo-hệ nguyên thủy, dùng ba tạng kinh-điển viết bằng tiếng Pali và giáo-hệ Đại-thừa dùng ba tạng kinh-điển viết bằng tiếng Sanskrit. Hai loại kinh-điển đó, trong các kỳ kiết-tập, người ta chưa có một bằng chứng gì xác-nhận ba tạng nào (Pali hay Sanskrit) xuất hiện trước. Và chẳng gần 10.000 quyển kinh hiện lưu hành trên thế giới của hai giáo-hệ, kinh-điển Bắc phương Đại thừa chiếm hết hai phần. Về phương diện giáo-lý, kinh-điển Pali không thấy ghi chép những điều có ở kinh-điển Sanskrit. Trái lại, kinh-điển Sanskrit vẫn có nói đến những văn-đề trọng yếu như Tứ-thánh-đề, Thập-nhị nhân-duyên v.v... trong kinh-điển Pali. Hơn nữa, giáo-hệ Đại thừa vẫn xác-nhận tầm quan trọng của kinh-điển Pali (vì thuyết ngôn của Phật cả) và dùng các kinh-điển đó cho hạng trí cơ còn thấp.

Vậy thì để có một quan niệm tổng quát và toàn bộ về Phật giáo trong việc giải quyết văn-đề đã nêu, chúng

ta sẽ lần lượt đi vào hai giáo-hệ, để từ trong phần triết-lý căn bản đến phần áo nghĩa tế nhị, ta có thể rút ra những nhận định hợp lý.

... Trái với kinh-diễn Vệ-Đà (Veda) cho rằng Thần ngã là chân thật, chu-biên khắp nơi. Ngã là Brahman, Brahman là Ngã, Ngã thường tồn, bất biến, toàn thiện, Phật-giáo chủ-trương rằng con người không có bản-ngã, một thực thể duy nhất, thường tồn. Sinh - mệnh của con người chỉ kết hợp bởi ngũ quan, tứ đại và tâm thức. Hay nói khác hơn con người chỉ kết hợp bởi đời sống vật-lý và tâm-lý. Đời sống vật-lý là Sắc uẩn. Đời sống tâm-lý gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn. Gộp chung là Ngũ uẩn (hay Ngũ âm).

Ngã là thân thể ư? Vật-chất luôn biến đổi. Ngã là ý-thức ư? Ý-thức

cũng luôn luôn biến đổi. « Nếu do mắt nhìn mà có ý-thức thì gọi là nhãn-thức; nếu do âm-thanh mà có ý-thức thì gọi là nhĩ-thức... Nếu do ý-tưởng mà có ý-thức thì gọi là ý-thức (conscience mentale) ».

Trong các bộ kinh của Nguyên-thủy Phật-giáo như Digha Nikaya (trường A-Hàm), Khuddhaka-Nikaya (tiểu A-Hàm) và trong các luận tạng như bộ Abhidharmakosa (Câu-xá) của Đại-đức Vasubandhu (Thề-thân Bồ-Tát) luôn luôn đề cập đến vấn-đề vô ngã và vô thường. Về không-gian, vạn-vật vốn giả hiệp. Về thời-gian, vạn-vật vốn sinh diệt không ngừng. Ngũ uẩn tạm có thì gọi là một sinh mệnh. Ngũ uẩn tan rã thì sinh mệnh dứt.

Không ai không biết câu chuyện vua Milinda hỏi tỷ kheo Nagasena trong kinh Milinda (1).

(1) — Thưa đại-đức. quý danh là gì?

— Người ta gọi Nagasena, nhưng không có thật tôi.

— Nếu không có thật Ngã thì ai cúng dường, ai truyền giáo, ai tham thiền, ai thật hành giáo-lý, ai tu chứng Niết-Bàn? Vậy cái gì mới thật là Nagasena? Hay tóc trên đầu là Nagasena chăng?

— Thưa bề-hạ, không phải tóc là ta?

— Lông nơi thân là ta chăng?

— Không, bề-hạ.

— Móng tay, da thịt, gan óc là ta chăng?

— Cũng không, bề-hạ.

— Vậy thì sự cảm xúc, sự nhận biết vui buồn là Nagasena chăng?

— Cũng không.

— Vậy thân ngũ-uẩn, tứ-đại là ta chăng?

— Toàn thể ngũ-uẩn, tứ-đại cũng không, thưa bề-hạ.

— Như thế, ngoài thân còn có cái ta nào khác?

— Cũng không có cái thân nào khác ngoài ta.

Vua Milinda hỏi xong, Nagasena hỏi:

— Vậy thưa bề-hạ, Ngài đến đây bằng gì?

— Thưa đại-đức, Trẫm đến đây bằng xe.

— Vậy bề-hạ có thể giải thích xe là gì chăng? Có phải chăng gọng là xe?

— Không phải thế.

— Cái trục lăn có phải là xe chăng?

— Thưa đại-đức, không.

— Hai cái bánh có phải là xe chăng?

— Cũng không.

— Vậy ngoài các thứ đó, vậy có gì là xe không?

— Cũng không.

Ta thấy rằng trong cái mà ta gọi là xe, không cần có một bản-thể chính yếu. Và ngoài các bộ phận như gong, bánh, xe không thành hình được. Xe chỉ là một danh-từ để chỉ sự kết-hợp của các bộ phận ấy mà thôi.

Aristote cho rằng nếu có sự biến đổi thì sự biến đổi phải dựa trên một cái gì làm nền tảng, làm căn-bản, làm bản-chất. Nhưng dưới luật vô thường và vô ngã thì biến đổi chỉ là một ý-niệm và ý-niệm cũng biến đổi.

Thực-tại luôn luôn liên tục, diễn biến như một dòng thác. Không bao giờ có hai điểm cố-định trong dòng thác đó. Kinh Paṇḍita có bản đền sự mê lầm về thời gian vì ý niệm « Trước » và ý niệm « Sau ». Trong kinh Milinda, vua hỏi Nagasena rằng :
— Thưa Đại đức, nguyên nhân của thời gian là gì ?

Nagasena đáp :

— Thưa Bệ hạ, mê muội là nguyên nhân của thời gian.

Ý niệm biến đổi đã đưa người ta đến ý niệm cần có một bản-ngã bất biến. Nhưng làm sao ta có thể tìm được một bản-chất cho cái ghê thường-tồn và đồng-nhất trong khi chân ghê gãy, mặt ghê hư. Nhưng nếu vậy, thì cái gì giữ gìn, nối liền hai sinh-mệnh của kiếp sau và kiếp trước? Nagasena đã đáp câu hỏi của vua Milinda rằng :

« Kiếp sau và trước cũng không phải là một người mà chẳng phải hai người ». Nagasena cho ví dụ :

— Tàu Bệ-hạ, có phải ngọn lửa đèn ở cạnh một là ngọn lửa đèn cạnh hai chăng ?

— Không phải cùng một ngọn.

— Như vậy mỗi cạnh thấp một cây đèn chăng ?

— Không phải, qua các cạnh ấy, ánh sáng cháy liên-tục thôi.

Dòng sinh mệnh chỉ là một sự liên-tục gồm các giai-đoạn kế tiếp. Cho nên suốt đời không phải cùng một người mà cũng không phải là hai người. Ý-thức mê lầm tự tạo nên một cái Ta hấu như chân thật. Và chính mọi sự đau khổ sinh ra là bởi vì cái ta ấy. Sở dĩ có Sinh, có Thọ, có Cảm-Xúc, có Luyện-Ai vì nhận thấy có mình, có ta. Muốn thoát khỏi đau khổ, là phải sáng suốt thấy mình không có một thực-thể duy - nhất, bất - biến. Nói khác hơn, phải thấy mình Vô-Ngã. Khi đã loại bỏ ý-thức về Ta, đoạn trừ mọi sự Tham Đắm, con người thấy mình Vô-Ngã và ở trạng-thái Niết-Bàn. Và sau giai-đoạn chót của sinh mệnh, người ta không tái sinh nữa.

Chúng ta cần phải dừng ở đây để nêu vài ý nghĩa về Niết-Bàn. Sự lầm lẫn của một số người khi nghiên cứu Phật-giáo Nguyên-thủy (không phải Đại-Thừa) cho rằng Niết-Bàn là một cảnh-giới thực-sự như một Thiên-đường hoặc một Tây-Phương Cực-Lạc và đặt vấn-đề « Ai » vào cảnh-giới đó. Thật ra chẳng có ai vào cả. Đã vô - ngã thì làm gì còn có một linh hồn, một « thần-thức » để nhập Niết Bàn nữa ? Nói rằng nhập Niết-Bàn, đó chỉ là một lời diễn-tả như người ta diễn tả thực tại vậy. VÔ NGÃ LÀ NIẾT-BÀN. Vì vô ngã nên

không bị ràng buộc bởi vui, buồn, giận, ghét, mến, yêu, đau khổ. Mà thoát khỏi ràng buộc thì gọi là Niết-Bàn vậy. Niết-Bàn trong kinh điển Nguyên-thủy không diễn tả kỹ, vì rằng ý thức không suy lường đến được. Vấn đề kẻ cũng dễ hiểu. Vậy Niết Bàn chỉ là sự chấm dứt dòng sinh mệnh, vĩnh viễn không còn sự kết hợp của Danh-Sắc và Tâm-thức.

Vậy thì Niết Bàn là hủy ngã chăng? Đối với Phật giáo đã không có Ngã thì làm gì có hủy. Chỉ là một sự loại bỏ mê lầm về ý thức bản ngã mà thôi, vì từ xưa con người đã là vô ngã. Nếu có cái ta thực đi nữa thì lại càng không hủy được vì rằng có vật gì ta hủy được đến cùng, dù đó là một hạt bụi, một giọt nước? Khi bánh xe không còn lăn thì dừng lại; khi sinh mệnh không tiếp tục thì dừng nghỉ. Không có nhân tạo tác thì không có quả lãnh thọ.

Vậy Niết Bàn là KHÔNG chăng? Đa số học giả Tây Phương cho Nguyên thủy Phật giáo chủ trương Hiện-tượng chủ nghĩa, đều nghĩ về Niết Bàn như vậy. Nhưng « Không » là gì đã chứ? « Không » chỉ là ý niệm đối lập với « Có ». Nếu không CÓ thì chắc chắn sẽ không KHÔNG. Vậy ý niệm « không » chỉ vì do đối lập với ý-niệm có mà sinh. Sống, suy nghĩ, tư duy, lý luận cho nên mới sinh ý niệm không với có. Nếu đã vô ngã, thì ý niệm có hoặc không cũng không thành lập được và không thành vấn đề nữa.

Do đó, bảo rằng Niết Bàn là vĩnh viễn, thường còn, hạnh-phúc cũng

không đúng nốt. Đối với Phật giáo, chẳng có gì là thường còn, vĩnh viễn. Thường còn, vĩnh viễn cũng chỉ là Ý NIÊM. Gọi THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH là tạm dùng ngôn ngữ để phân biệt với cuộc sống VÔ THƯỜNG, ĐAU KHỔ... mà thôi.

Như thế, qua giáo-lý của Nguyên thủy Phật giáo, ta thấy rằng con người vốn mê lầm nên nhận có bản ngã và phải lãnh chịu đau khổ. Nhận có bản ngã nên hành động, mua lấy nghiệp quả, tạo nên các đợt sinh-mệnh kẻ tiếp. Nếu thấy được vô ngã, ta sẽ loại bỏ hành động, loại bỏ ham muốn, loại bỏ tư duy, để được vô ngã mãi mãi tức là Niết Bàn. Vậy thì, qua kinh điển Phật giáo Nguyên thủy, đại diện giáo lý căn bản cho tất cả các tông phái Phật giáo khác, ta xác định lại quan niệm Vô ngã của Phật-giáo: Phật-giáo không xác nhận một bản ngã thường còn. Gán ép cho Phật giáo vô ngã trong giai đoạn sống, còn hữu ngã trong giai đoạn « nhập Niết Bàn » tức là đi ngược và làm sai lệch giáo-nghĩa Phật-đà vậy.

Đại-thừa Phật-giáo từ hiện-tượng thuyết-minh dần đến bản-thể, tuy áo nghĩa tinh-tế, sâu xa, vấn đề vô ngã vẫn không khác gì Phật-giáo nguyên-thủy.

Ta hãy nghe một đoạn trong kinh Gandavyāha Tathagataguṇajñāna (Kinh Viên-giác): « Phải thường nhớ nghĩ như vậy: cái thân của ta này đây là do bốn chất: đất, nước, gió, lửa hòa hiệp. Như da, thịt, gân,

xương, răng, tóc, móng tay v. v... là thuộc về chất đất. Nước mắt, nước mũi, mồ hôi, máu, mủ, đờm, dãi, tiểu tiện v. v... là thuộc về chất nước. Nhiệt-độ trong người là thuộc về lửa. Phổi hô-hấp, tim đập, mạch nháy, các động-chuyển trong người là thuộc về gió. Bốn chất rã-rời, không còn hòa hợp nữa, thì thân ta ở chỗ nào ? ».

Đây mới là phần thể xác, đời sống vật-lý. Kinh thuyết-ngôn thêm về đời sống tâm-lý : « Do bốn duyên (đất, nước, gió, lửa) và sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) hòa hợp, vọng khởi ra các vọng tưởng phân biệt in hình có tướng « năng duyên », duyên theo bóng dáng trần-cảnh, nên giả gọi là Tâm. Nầy thiện nam ! Cái tâm hư vọng nầy rời trần-cảnh ra thì không còn phân-biệt gì được cả. Lại nữa, khi tứ đại rã-rời, vọng niệm phân-biệt cũng bị phân tán. Rốt cuộc chẳng có cái gì gọi là Tâm cả ». Và « những kẻ mê muội chấp rằng thân, tâm huyền-câu nầy là thật có, không thể xa rời được, nên ta gọi đó là chúng sanh ».

Điểm khác biệt quan-trọng giữa Nguyên-thủy và Đại-Thừa là vấn-đề tu chứng giải thoát. Chính ngộ nhận ở điểm này, người ta cho rằng Phật giáo (Đại thừa) chủ-trương có một bản thể thường tồn, bất biến, có tánh cách đại đồng, trong đó cá-vị bị tan lẫn như giọt nước tan trong biển cả, và chẳng khác gì Thần ngã bất biến của Balamôn.

Nguyên thủy Phật giáo tìm cách đoạn trừ đau khổ, thoát luân hồi,

bằng cách phá trừ thân-tâm để đạt đến sự dừng nghỉ (mà người thường cho đó là đoạn diệt, trống rỗng) Đại thừa Phật giáo đi xa hơn, thuyết minh tự tính của vạn pháp vốn không sinh, không diệt, không còn, không mất, vắng lặng hỗng nhiên. Nếu miêu tả, tạm dùng danh từ Chân-tâm hay Viên - giác. « Không phải phá hoại làm cho các pháp mất đi mà kêu là không. Chính bản tính các pháp tự nó không một cách hỗng nhiên vậy. »

Một bên Nguyên thủy thấy mình vô ngã, nhưng quan niệm thế giới khách quan đơn giản. Đại thừa Phật giáo phá sự mê lầm bản thân và mê lầm sự vật : « chấp cái vọng niệm sanh diệt cho đó là tâm mình như người lòa mắt thấy trong hư không có hoa đốm hoặc mặt trăng thứ hai. Nầy thiện - nam ! cái vô-minh không có thực-thể. Như người ngủ chiêm bao thấy các cảnh vật, đến khi thức dậy cảnh vật không còn ; và như người hết nhệm lòa, thì hoa đốm trong hư không tự diệt. Lúc bấy giờ không thể nói « thật có chỗ hoa diệt » vì không thật có chỗ hoa sanh vậy ». (Viên-giác)

Thế nên, đoạn trừ Ngã của Đại thừa kèm luôn sự đoạn trừ ý niệm sai lầm về sự vật :

« Nầy thiện nam ! Cần phải xa lìa các việc như sau :

— Xa lìa các cảnh giới huyền hóa hư vọng Nhưng còn cái « Tâm biệt xa lìa »

— Cái « tâm biệt xa lìa » đó cũng huyền, nên cũng phải xa lìa luôn.

— Cái « xa lìa » đó cũng huyền, nên cũng phải xa lìa nốt.

— Phải không còn gì để « xa lìa » như thế mới gọi là trừ được các huyền.

Khi huyền diệt hết rồi thì không cần phải đoạn diệt, Viên giác tự hiện bày.

Vậy thì, Vô ngã đã đành, nhưng quan niệm Niết Bàn của Đại thừa ra sao ? Có phải là một thế giới bản chất cho thế giới hiện tượng này không ? Ngoài ý thức chủ quan, có còn một thế giới khách quan tồn tại ?

Theo các bộ luận về duy thức của Đại thừa Phật giáo, thì khi ta nhìn một sự vật ta không bao giờ đạt được bản thể của sự vật ấy, chẳng qua chỉ nhận được các ảnh tượng do giác quan thu lượm được mà thôi. Khi ta nói tờ giấy trắng, mong là ta kết hợp từng cảm giác « trắng » và « mỏng » lại của thị giác hoặc của xúc giác, chứ ta không trực nhận được « bản thể » giấy. Sự vật xung quanh mà ta nhận biết đó, Đại thừa Phật giáo (Pháp tướng tông) gọi là Đối-chất cảnh. Nếu ta không cảm giác, ta không vọng khởi ý niệm, thì cảnh đối-chất đó cũng tan biến theo. Và chính vì ta mê lầm chạy theo bóng dáng của đối-chất cảnh nên ta đau khổ. Tồi thiểu, ta phải tìm đến một thế giới thật-chất làm bản

chất cho thế giới đối-chất. Thế giới đó Phật - giáo gọi là thế - giới Tánh-cảnh. Đạt đến thế-giới Tánh-cảnh tức là khỏi sự ràng buộc của ngoại-giới, của hiện - tượng hàng ngày. Vậy thì ngoài ý-thức chủ-quan, Phật-giáo xác nhận có một thế-giới khách-quan tồn tại. Tuy nhiên thế-giới Tánh-cảnh đó không phải Thần-ngã, cũng không phải cái mà Kant gọi là « la chose en soi », hay là cái « élan vital » của Bergson. Đạt được đến bản-chất sự vật tức là xa lìa cuộc sống bằng cảm giác, tri giác, tư duy, hạn cuộc chật hẹp, tức là đạt đến giải thoát. Nhưng cao hơn thế nữa, Phật-giáo Đại-thừa cho rằng thế-giới bản-chất tồn tại ngoài ý-thức ấy, chỉ là cảnh sở-biên của một tâm thức khác gọi là Alaya. Phải cần vận dụng Alaya loại trừ biến tướng của nó mới là chân giải thoát.

Cứu cánh chung là giải thoát, là Niết-Bàn, nhưng thứ Niết-Bàn tốt cùng hơn hết là đạt đến quả vị Phật-Đà, thoát ly danh ngôn, thoát ly ý niệm, thoát ly cảnh giới, thoát ly chủ thể, khách thể, thoát ly năng sở, thoát ly không, có, tự tại hốn nhiên, tạm gọi là chân như vậy.

Vậy Niết-Bàn — hay Chân-như — chưa phải là một thế-giới tồn tại ngoài ý-thức, cũng không phải là Thần-ngã chu biến khắp nơi, trong đó cá-vị bị tan biến, hòa đồng. Thế nên khi nói đến Niết-Bàn không còn có thể đặt vấn-đề cá vị hay Đại-ngã. Cá vị hay Đại-ngã chỉ là bóng dáng dao động của Tâm thức. Niết-Bàn cũng ở trong cá vị, trong Đại-ngã mà cũng thoát ly ra ngoài cá vị, Đại-ngã.

Ta hãy nghe Phật bác ý nghĩ của Ông A-nan về Niết-Bàn thường còn, tự nhiên hoặc không tự nhiên.

« A-nan, cái thấy cùng với cảnh vật bị thấy đều là chơn-tâm, vì vọng động mà có thấy nghe và cảnh vật. Nó cũng như mặt trăng thứ hai, đâu có gì mà nói « phải » hay « không phải ». Ông nay thấy « cái thấy » và « cảnh vật bị thấy » đó là vọng tưởng ; còn đối với thể tánh chơn tâm thì không còn nói phải hay không phải được ». (Kinh Lăng Nghiêm)

Tu chứng không phải là tiêu diệt cá-vị vì có cá-vị đâu để mà tiêu diệt. Kinh Suvarna-prabhasa (Kim-cang) có đoạn Phật dạy trưởng-lão Tu-bồ-Đề : « Diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh như thể, mà thật chẳng có chúng sanh nào được diệt độ. Vì sao ? Tu-bồ-đề ! Nếu Bồ - Tát có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì chẳng phải bồ tát »

hoặc :

— Tu-bồ-đề ! Ý ông thế nào ? Từ Đà Hàm có thể nghĩ rằng : Ta đã đắc quả Từ-đà Hàm chăng ?

— Bạch thế tôn ! Không. Bởi vì sao ? Vì Từ-đà Hàm gọi là nhứt-vãng-lai, mà thật không có nhứt-vãng-lai thì gọi là Từ-đà Hàm.

Cũng trong ý nghĩa cao-diệu đó, Thích-Ca đã bảo đồ đệ : « Trong 49 năm thuyết pháp, ta chưa hề nói một chữ ».

Không có cá-vị (personnel) để tiêu diệt nên không có văn-đề tiêu diệt.

Không có cá-vị để hòa đồng với đại thể nên không có văn-đề hòa đồng. Không có một « đại-thể » nào đối lập với hiện hữu, cũng không phải đại thể là hiện hữu.

Cảnh-giới nào do ta nghĩ đến đều là sản-phẩm của ý-thức. Ý-thức lại giả-hợp, không có bản-ngã thường tồn, thì cảnh giới do ý-thức biến hiện sẽ tiêu diệt theo. Khi ngã đã không còn, thì mọi văn-đề liên-quan với ngã cũng không thành văn đề nữa. Chúng tôi muốn trích những câu sau đây trong Luận Đại thừa khởi-tín (Mahayanas' raddhoipada) của Asa-ghosa (Mã Minh) :

« Tất cả các pháp chỉ do vọng niệm mà có sai biệt, nếu rời vọng niệm đi thì không có tất cả cảnh giới. Thế nên tất cả các pháp vô thi đến giờ thoát ly ngôn-thuyết, thoát ly danh-tự, thoát ly tâm duyên, cứu-kính bình đẳng, không có biên dị, không thể phá hoại, gọi là Chân-như. Danh từ Chân-như cũng không thật, vì đó là cùng cực của ngôn thuyết : dùng ngôn thuyết để trừ bỏ ngôn thuyết... ».

Hay là : « Bất giác nghĩa là không như thật giác ngộ Chân như. Cũng như người mê do phương hướng nên mê lầm, nếu không phương hướng thì đâu có mê lầm. Chúng sinh cũng vậy, nương giác nên mê, nếu rời Giác thì không có bất giác, nếu rời tâm bất giác thì thiết cũng không có tự-tướng chân-giác có thể nói được ».

Vì thế, kinh Viên-giác nói : « Này thiện nam ! Tất cả các pháp, có thủy, chung, sinh, diệt, tiến, hậu, hữu, vô...

đều là luân hồi cả. Người chưa ra khỏi luân hồi mà nghĩ bàn đến Viên giác, thì Viên giác đó cũng trở nên luân hồi...

Nầy thiện-nam ! Vì như con mắt nháy mà thấy nước dợn sóng ; vì mắt xem không kịp mà thấy thành vòng lửa ; như mây bay mà thấy mặt trăng chạy ; vì thuyền đi mà thấy bờ trôi. Trong lúc các vật động như mắt nháy, mây bay thuyền chạy v.v... mà khiến cho các vật vốn tĩnh kia như nước đứng, lửa đóm, trăng đứng trở nên chuyển động thay, huống chi ông dùng tâm cầu nhiệm sanh tử luân hồi mà quan sát tánh viên giác, thì tánh viên giác nầy làm sao chẳng cầu nhiệm » !

Hai quan - niệm về Niết-bàn của hai phái Nguyên thủy và Đại thừa tuy có cao, thấp khác nhau, một bên tiền đề quả vị A-la-Hán, một bên tiền đề quả vị Phật-Đà, một bên trở về vô ngã bằng cách loại bỏ thân tâm để được không-tịch, một bên trở về vô ngã bằng cách ly niệm, rời khỏi mọi kiến chấp, mọi ràng buộc để được tự tại giải thoát, nhưng cả hai đều đồng một cứu cánh giải thoát : vô ngã. Bởi vì một khi còn ngã thì không thể nào giải thoát được.

Vì thấy nặng phần giải quyết hiện-tượng, nên người ta thường cho rằng Niết - bàn của Nguyên - thủy Phật-giáo là KHÔNG và nầy sinh ý-tưởng Phật-giáo chủ - trương đoạn-diệt. Vì thấy nặng phần miêu tả bản thể (tạm gọi là bản thể), nên người

ta thường cho rằng Niết - Bàn của Đại Thừa Phật giáo là CÓ, đồng nhất, chu biến khắp nơi trong đó cá vị bị tan biến, hòa đồng và Phật giáo là một Triết học Đại-đồng duy-linh (Universalisme spirituel). Thật ra, trong Phật giáo không có vấn đề KHÔNG và cái Như-lai tính không phải là thần thể (esprit). Không có một tổng - thể của các cá-vị, vì không có cá vị, không có tổng thể. Ý-thức chỉ là hoa đóm chợt hiện giữa hư không, nên không thể bảo hoa đóm là không hay có, cũng không thể bảo hoa đóm sinh ra bởi hư không, hoặc hư không kết thành bởi hoa đóm. Hoa đóm do lóa mắt mà *hình như* hiện có giữa hư không. Hoa đóm không có thực thể.

* *

Nếu xem nhân vị là một linh tính siêu việt, tồn tại riêng biệt, là một bản-vị tự tri, tự tồn không bị đồng hóa vào một đại đồng nào khác, thì Phật-giáo bản lai vẫn thông-nhất qua các tông phái : không có nhân-vị.

Phật-giáo cũng không hẳn là một tôn giáo phi-nhân-bản (nếu hiểu theo tinh-thần Phật giáo) vì Phật-giáo đâu phải bắt người diệt « nhân loại tính », bắt ngựa từ bỏ đặc tính ngựa, bắt chim cá từ bỏ đặc tính chim cá để hoàn thành một Phật-tính siêu-việt. Phật giáo cho rằng khi ta mê lầm ta mới sinh ra ý niệm về đặc tính người hay đặc tính ngựa. Mọi ý niệm đó do sự đối đãi của hình tượng, của danh sắc, của ý niệm, của tư tưởng

ta. Do « tự tướng » và « cộng tướng » mà thế-giới có đủ hình thái, danh ngôn, chủng loại. Nếu rời « tự biên » và « cộng biên » của tâm thức, thì nào đâu có đặc tính. Cũng không có một Như-lai tính làm « chỗ tựa » cho mọi đặc tính kia khi được giải-phóng. Cũng không có sự giải-phóng. Vì chỉ khi nào CỐ TA mới có GIẢI-PHÓNG. Còn đã « vô ngã » thì đâu có người để giải - phóng. Đã « vô pháp » (vạn vật là bóng dáng của tâm thức hiện) thì đâu có chỗ để quay về. Làm gì có một bản-chất tồn tại ngoài tâm thức (xin nhớ không phải là ý thức). Như-lai-tính hay chân-như chỉ là cùng cực của ngôn thuyết tạm thời diễn tả.

Để nhắm vào mục đích ly khổ cho tất cả mọi người, Phật Thích-Ca đã dùng nhiều phương-tiện khác nhau.

Chẳng hạn đối với hạng người nghi ngờ hương vị giải thoát, Phật-giáo thuyết minh những điều gần gũi với họ vì họ « ham mê cuộc sống », vì họ còn nhận thấy họ có Ngã. Vì vậy, giáo lý nhà Phật phải xây dựng cơ sở trên con Người — lẽ dĩ nhiên là một thứ Ngã giả hợp — và do đó, tự nhiên, nó có tính cách Nhân-bản.

Vì ta còn tin có Ngã, nên Phật-giáo thuyết-minh Luân - Hồi, Nhân-Quả, Nghiệp-Báo. Do đó có kẻ làm các việc thiện, đoạn trừ tà dâm, trộm cướp, vọng ngữ v.v., theo con đường tám nhánh (Bát chánh đạo) : chánh ngữ, chánh kiến, chánh tư

duy v.v... Đại Thừa Phật-giáo, tin rằng, mọi cảnh-giới đều có Thức biên hiện, và do đó, trước khi đi đến cảnh giới giải thoát — lẽ dĩ nhiên khó khăn — vẫn kiên-tạo những cảnh-giới tương đối tốt đẹp hơn. Vì còn khư khư với cái Ngã giả-hợp, nên còn có tự nghiệp và cộng-nghiệp, tự biên và cộng biên. Do đó, cái ta giả-hợp có quyền biên hiện những xã-hội tùy theo nghiệp dụng của mình. Vì vậy, nếu còn thấy ta, thấy người thì vẫn có thương, ghét, giận, hờn và cũng vì thế có Từ-Bi, Bác-Ái.

Tương đối và tuyệt đối là hai mặt của tự tánh. Chưa đạt được tuyệt đối thì còn trong tương đối vậy ! (Phật-giáo gọi là tục-đề và chơn-đề).

Trong tương đối hướng đến tuyệt đối là triết-lý vô-ngã. Vô-ngã chỉ là một nhịp cầu nối liền tương đối đến tuyệt đối. Đó chỉ là một « chặng đường » trong toàn bộ triết - lý Phật giáo. Đó là giáo-lý cho hạng người cần sự giải thoát. Nhưng Vô-ngã là bởi chấp Ngã. Khi nói đến Vô-ngã tức là còn có một cái Ngã giả-hợp để nói Vô ngã. Giáo-lý cho hạng người này gồm b'í Tứ-diệu đề, Thập-nhị nhân duyên, Nhân duyên Sanh, Vô thường, v.v... Phật thuyết ngôn : Khổ là thật. Vô ngã là thật. Đạo-đề giải thoát là thật. Vậy các phương-tiện để giải-thoát là Tứ niệm xứ, Giới-định-Huệ v.v.,

Nhưng cho hạng Đại Thừa cao hơn, giáo-lý Phật-Đà thuyết minh tự-tính bản lai vốn thoát-ly ý-niệm, Ngã, Vô ngã cũng là hai ý niệm của tư-duy.

Luân Hối, Niết Bàn cũng là hai ý niệm của tư duy. Còn, Mất cũng là hai ý niệm của tư duy. Giải thoát là ly niệm. Ly niệm là giải thoát. Ly niệm là tự tánh. Tự tánh là ly niệm. Không có cá vị trong bản thể, không có bản thể của cá vị.

Vậy, nếu xác nhận giá-trị trong Tương đối — hay Tục Đề — thì Phật giáo vẫn lấy con Người làm cứu cánh, hướng đến Nhân bản. Nhưng trên quan niệm Vô-ngã của Phật - giáo, ta quả quyết xác nhận : Phật-giáo không hề công - nhận có một cá-vị tự tồn hoặc cá-vị bị Đại thể đồng hóa (vì không có cá-vị lẫn Đại thể).

Tuy nhiên, nếu ta còn thấy có ta, thì ta muốn phân chia, xếp loại, mệnh danh nhân-bản hay phi nhân-bản, Duy-tâm hay Duy-vật là bởi theo ý ta. Nhưng nếu vô ngã, không có ý thức để suy luận thì ta không còn

có danh-từ nào để kêu gọi và cũng không có gì để kêu gọi, vì ly ý niệm thì không có gì được kiến lập. Thế nên kinh Lăng - nghiêm bảo : « Không phải NHƠN, không phải DUYÊN, không phải TỰ NHIÊN, không phải KHÔNG TỰ NHIÊN, không cái PHI, không cái BẤT PHI, không cái THỊ không phải cái PHI THỊ ».

Vậy vẫn để Nhân-vị hay phi nhân-vị chỉ dùng đối chiếu với thuyết Vô-ngã (lẽ dĩ nhiên Phật-giáo không xác nhận HỮU NGÃ), còn lên cao hơn nữa, thì đối với Phật-giáo, vẫn để trở nên vô nghĩa vì nằm trong phạm-vi của tư duy ý niệm; khách thể và chủ thể đều là thức biến ; không cá-vị ; không bản thể ; tự tánh vốn ly niệm ; ly niệm là giải thoát.

THANH-THUYỀN

Đổi đáp

Daniel O' Connel một nhà cách-mạng Ái-nhĩ-lan, có chân trong Quốc-hội Westminster trong một bài diễn văn đọc tại Dublin, có nói nhiều câu xúc phạm tới nguồn gốc Do-thái của Benjamin Disraeli. Ông này liền đáp lại :

— Phải, tôi là người Do - thái và giữa khi ông cha vị địch thù rất đáng tôn trọng của tôi sống man rợ trong một hải đảo hoang-vu thì ông cha tôi làm thầy tế lễ trong đền thờ vua Salomon.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiến Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc đ. Ấn-Chiến năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C. 2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamak



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu



SAIYAGRAHA,
NGHỆ-THUẬT
SỐNG VÀ CHẾT

★ HOÀNG-MINH-TUYNH

CHÚNG ta đã biết tất cả tinh túy thuyết giải thoát của Găng-đi nằm trong quan-niệm chủ yếu của ông về Chân-Như — Thượng-Đế vốn biểu lộ ra với nhân-loại bằng « tiếng nội tâm » và chỉ dẫn những điều kiện cần thiết để đạt tới Chân-Như. Những điều kiện này gồm những qui tắc đạo đức và những khấn nguyện phải giữ đối với Thượng-Đế và bản thân, thu tóm thành một chính cương, gọi là *tapasya*, cam khổ. Tiếng này không chỉ diễn tả những ý tưởng trừu tượng giới, khổ hạnh có tính-chất tôn-giáo mà còn chỉ dẫn ý nghĩa sâu xa về đời sống của một tín đồ, một satyagrahi chân chính. Sự vong kỷ,

hy-sinh phải đem ra thi hành trong đời sống phiền toái thường ngày, như phải gắng gò giữ hình thần cho thật thanh tịnh, diêm mặc, không thể qui về mục đích phòng vệ nguyên cho bản thân người tín đồ. Satyagrahi không phải là một kẻ ẩn tu, lánh tục, bỏ mặc trần gian với số phận bạo hành và tử vong của nó. Thuyết vong kỷ, hy-sinh của Găng-đi dẫn tới *yajna*, thí xả. « Yajna » chỉ một hành vi làm vì lợi ích tha nhân, không hy-vọng một tưởng thưởng nào, dù vật chất hay tinh thần ». Cách phục vụ tha nhân, là kết quả của lòng nhân ái đó, phải thực hành trong đời sống dung tục, buồn tẻ

CHỦ-THUYẾT « CHÂN-DŨNG » CỦA GĂNG-ĐI

thường ngày và cũng không nên sợ nó dẫn mình tới chỗ tận cùng, tới chỗ có thể bỏ mình vì nó. « Không nên hiểu thí xả một cách máy móc. Thí xả là một nhân đức khả kinh khả úy, mà vô cùng nguy hiểm cho kẻ nào dùng nó với một tinh thần tài-tử. Nó đòi hỏi người ta phải lọc luyện mình triệt để, một sự lọc luyện còn sâu xa, khắc khổ hơn sự lọc luyện của kẻ đứng trước cái chết, nhưng với ý tưởng phục thù. Chỉ một hành vi thí xả hoàn toàn như thế là đủ cho toàn thể thế-giới, và gương của Chúa Giêsu đã được người ta liệt vào loại gương cao quý đó vậy ». Nhắc lại câu nói của Găng-đi thốt ra hồi tháng mười 1946 này, người ta không thể không nghĩ tới những lời ông đã ngỏ trước khi chết, ngày 29 tháng giêng 1948, với một bà bạn tỏ ra lo âu về số mệnh của ông : « Nếu tôi phải chết do tay một người điên thì tôi lấy làm vui mừng mà chết, và tôi hy vọng không có một chút căm phẫn trong lòng. Xin Thượng-Đế hãy ngự trong lòng và trên môi tôi khi đó ». Thượng-Đế quả đã tới chỗ ước hẹn với ông, Ngài đã đến ngự « trong lòng Mahatma và trên môi ông », vì tiếng nói cuối cùng của ông là *Rama*, Thượng-Đế. Yajna hoàn toàn, thí xả tinh thuần, Găng-đi đòi hỏi các Satyagrahis phải có, ông đã thực hiện để giải phóng « Mother India », để cứu vãn hòa bình giữa Ấn-Độ và Hồi-quốc.

Chính khi đi dự hội cầu nguyện thường nhật, Găng-đi đã nhận được năm phát súng bắn trúng giữa ngực, khiến ông sau đó qua đời. Có điểm đáng lưu tâm là Mahatma bị ám sát trong lúc ông đang làm một công việc ông cho là chủ yếu, một công việc ông coi có phận sự,

có nhiệm vụ phải làm, đó là cầu nguyện. Găng-đi, con người vốn trọng suy ngẫm, mặc tưởng, đã nhiều phen tha thiết nhấn mạnh về sự cần yếu phải cầu nguyện để giữ mình trong đường ngay nẻo chính và để cho công việc phát sinh nhiều hiệu quả. Năm 1946, ông viết : « Cầu nguyện không phải là thú khiển hưng của bà già vô công rồi nghề. Nếu được am hiểu và thi hành đúng cách, cầu nguyện trở thành khí dụng hành động mãnh liệt và đặc lực nhất. » Chỉ cầu nguyện mới khiến người ta khám phá ra được cái nội dung thâm áo của thuyết bất bạo động. « Cuộc đời thật phiến toái và các vấn đề hiện tại phát sinh do Chân-Như và bất bạo động, khiến người ta khó lòng dùng cách phân tích và suy luận mà thấu triệt được. Người ta chỉ có thể khám phá ra Chân-Như cùng những phương pháp áp dụng Chân-Như, nghĩa là thuyết Satyagraha, Chân-Dũng, bằng cách nỗ lực kiên trì nguyện gắm trong trầm mặc. »

Và cũng chỉ trong không khí nguyện gắm, trầm mặc, người ta mới hiểu được chủ trương trai-giới của Găng-đi. Trước khi trở thành một kỹ-thuật, một áp lực chống đối với một điều sai lầm hay một sự bất công (chứ không phải chống đối với một cá nhân hay một sự việc nào) để làm cho nó mất đi, trai giới là một cách phó thác thân mình cho Thượng-Đế trong tịch nhiên, trong yên tĩnh, và trong trường hợp này, trai giới là vô khí cuối cùng trong « toàn bộ vô khí của Satyagrahi. » « Thâm cảm thấy mình bất lực, tôi gục đầu vào đầu gối của Thượng-Đế. Đó là ý nghĩa thâm sâu chủ trương trai giới của tôi. » (1)

(1) Theo bà Drevet, người đã từng nghiên cứu chủ trương trai giới của Găng-đi khá đầy công thì : « cách trai giới này chỉ những người đã hãm mình ép xác tới một độ cao mới đương nổi »

Khi đời sống của người Satyagrahi được hoàn toàn chi phối bên ngoài cũng như bên trong, *intus et in cute*, dưới áp lực vừa mạnh mẽ vừa êm dịu của chân lý và cả của nhân ái, khi cái « tiếng nội tâm » nói lên và được nghe theo, khi Thượng - Đế được mời gọi tới bằng lời cầu nguyện và Ngài dùng mãnh lực ân sủng của Ngài mà đáp ứng lại, bấy giờ, chỉ bấy giờ, *Dũng Lực* của Chân-Như, Satyagraha, mới hiển lộ, mới bột phát như nước vỡ bờ, nhờ sức dồn ép của tà gian, hư nguy. Cho nên ta có thể nói : bất bạo động trước hết là cái sức hợp thành của cả một mớ dũng lực tâm linh và tinh thần, một trạng thái quân bình trác tuyệt của con người vừa tỏ ra làm chủ được mình vừa tỏ ra khiêm nhượng trước Chân-Như vượt quá tầm mình. Cổ nhiên trong những cuộc đấu tranh, biểu diễn tinh thần thuần lương bất khuất, người ta có thể đặc biệt lưu tâm tới hiệu năng bên ngoài của bất bạo động, song đó là điều khó khăn, vì sinh hoạt của người satyagrahi theo thuyết Găng-đi, trước hết phải là sinh hoạt trong bí mật của nội tâm, và khi có đấu tranh thì đấu tranh ấy chỉ diễn biến hoàn toàn trong phạm vi nội tâm mà thôi. Bất bạo động vì vậy, rút cuộc, ở ngoài và ở trên những hành động, hành vi khuôn định, vắn tắt, còn là cả một « nghệ thuật sống và chết » như Găng-đi đã từng tuyên bố trước một đám khán giả đông vô số trong buổi họp công khai tại Shivaji Park năm 1946.

Quan-niệm của Găng-Đi về bất-bạo-động rất bao la, rất mệnh-mông, lại đòi hỏi người ta những điều kiện tu-luyện rất ngặt-nghèo về tinh-thần và về tôn-giáo, đúng như linh-mục Pegamey đã diễn giải trong cuốn sách có giá-trị dưới nhan-đề

Bất-bạo-động và lương-tâm 'Ky-tô-giáo' (Non-violence et conscience chrétienne) : « Mỗi hành-vi bất-bạo-động rộng-rãi, mãnh-liệt và bền vững một chút đòi hỏi kẻ thi-hành nó phải có một trình-độ tinh-thần khá cao ». Nói vậy, không phải là bảo Găng-Đi chỉ biết sùng thượng tinh-thần mà lơ là với thực-tế. Găng-Đi đã minh xác thái-độ của ông trong câu nói : « Tôi không phải là một nhà tư-tưởng huyền không, ảo-mộng. Tôi là một nhà lý-tưởng thực-hành, thiết-thực. Tôn-giáo bất-bạo-động không phải là tôn giáo dành riêng cho hạng *rishis* (chỉ hạng người có linh quan về Chân-Như tuyệt-đối) hay cho hạng thánh-thiện. Tôn-giáo ấy cũng là tôn-giáo của hạng trung-nhân. Bất-bạo-động là định-luật của loài người cũng như bạo-động là định-luật của loài thú. Tinh-thần nằm yên, nằm dí trong con thú vốn không biết luật lệ là gì mà chỉ biết có uy lực của hình chất. Phẩm giá con người đòi hỏi con người phải tuân phục một luật lệ cao thượng hơn, đó là uy lực của tinh-thần ».

Thuyết Satyagraha có phải là giáo đường đặt ra cho một thiểu số khổ tu, chuyên lo tập luyện sự hy-sinh, vong kỷ, hay là một phong-trào rộng lớn mở ra cho tất cả chúng nhân. Mâu thuẫn giữa hai khuynh hướng có thể khiến người ta nhận thức lầm và áp-dụng sai thuyết bất bạo động của Găng-đi. Ta không nên quên điều này là : đối với Mahatma, Chân-Như — Thượng-Đế chỉ hiển lộ ra với kẻ nào biết dùng hành-động mà khám phá ra Ngài lần lần và chỉ kẻ nào biết tuân phục một cách cụ thể « tiếng nội tâm » mới có được dũng lực để cải tiến tư tưởng và củng cố ý chí trong đường lối bất bạo động. Nói tóm lại,

CHỦ-THUYẾT « CHÂN-DŨNG » CỦA GANDHI

Satyagraha không phải là một chủ-thuyết gồm một toàn bộ nguyên-tắc, cũng không phải là một kiến-trúc hình nhi thượng học có khả năng lôi cuốn người ta tham-gia một cách trí-thức, mà là một phương-tiện cấu thành tuần tự cho người ta một sinh-hoạt kết nên bằng hành-dộng. Satyagraha là một quá-trình thụ-giáo, một phương-pháp giáo-dục con người và quần-chúng. « Satyagraha là một sách lược giáo-dục dư luận quần chúng, làm sao để cho nó thu hồi được hết yếu tố tạo nên sinh-hoạt xã-hội và để cuối cùng nó trở nên một sức thu hút không ai cưỡng lại nổi ».

Do đây, ta có thể thấy rõ ràng thu-ết Satyagraha không phải chỉ là « một nghệ-thuật sống và chết » mà còn là một kỹ-thuật hành-dộng trực tiếp, thực hành để làm cho tinh-thần được toàn thắng trong xã-hội nhân-quần.

HỒ ANH-MINH-TUYNH

KỶ TÔI : Satyagraha, phương-pháp đấu-tranh trực-tiếp.

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— Các tiệm tạp-hóa

— Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**

193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn

Đ.T. số 24.454

— Kho 6 Bến Ván-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Hành - động

Tứ chi không được sử-dụng sẽ sinh ra suy-nhược mòn-mỏi lần.

Con người không hành - động chẳng những không tăng tiến mà còn lụn bại mãi.

Cho nên có hành-động mới thành-toàn được con người.

Nhưng hành-động không phải là bon-chen, xô đẩy, không phải là ba-hoa, liến-láu, không phải là phản-đối không cùng. Hành-động là tập-trung khí-lực vào điểm trung-tâm, quyết đem trọng-lượng của tinh-thần mà thực-hiện cho bằng được mục-tiêu theo đuổi.

Kẻ biết hành - động cần ít thì giờ, ít hơi sức mà việc vẫn thành.

Kẻ không biết hành-động phí nhiều thì giờ, nhiều hơi sức và việc vẫn hỏng.

Tất cả điểm khác nhau nằm ở giá-trị tinh - thần của người hành-động, biết hay không biết dùng trí điều - động khiến việc được tiến-hành đúng theo ý định.

PHẠM - HOÀNG

BÁCH KHOA CVI

* BÙI-HỮU-SÙNG

VĂN-HỌC NƯỚC PHÁP TRONG NĂM 1960

(tiếp theo B.K. số 104)

Phần IV. — Sách biên khảo.

Danh từ « sách biên khảo » ở đây chỉ những loại sách phê-bình văn học, triết học, hồi ký. Tôi sẽ không nói tới những sách khảo cứu hay những sách chuyên môn. Vì bài này nhằm mục-đích giới thiệu sách Pháp cho một số độc-giả trí thức trung bình (homme cultivé), không phải viết cho các vị học-giả hay các nhà chuyên khảo.

Ở Pháp, trong mấy năm gần đây loại sách biên khảo có hai tính chất chính. Một là loại này xuất bản nhiều hơn hẳn loại văn sáng tác (thơ và tiểu thuyết). Hai là, hình như ở Pháp, ngày nay, có cái « mốt » (mode) lập ra từng thư (collection). Chắc ai, cũng biết, những từng thư « Que sais-je ? » của nhà sách Presses universitaires de France, — từng thư Armand Colin —

từng thư Connaissance des lettres của nhà Hatier — từng thư Classiques Larousse — từng thư Classiques illustrés Vaubourdolle của nhà Hachette — từng thư « Classiques du XX^e siècle, của Editions universitaires — từng thư « Ecrivains de toujours » trong đó có những tác-phẩm khảo luận về Camus, Sartre, Proust, Kafka v. v... Từng-thư nào cũng sản xuất rất nhiều, những độc-giả hiếu học tha hồ lựa chọn tùy theo túi tiền của mình. Dưới đây, xin giới thiệu mấy bộ sách mà, theo thiện-ý rất bổ ích cho độc-giả Việt-Nam.

Mấy bộ Bách-Khoa.

Từ thời Diderot (thế-kỷ 18), các nhà xuất-bản và các soạn-giả uyên thâm Pháp vẫn hợp tác để giữ vững truyền thống này. Năm 1932, Anatole de Monzie có một dự định đại quy-mô, khởi thảo một

bộ Bách-Khoa (encyclopédie française) gồm 20 quyển (20 tomes). Năm 1960 đã phát hành quyển thứ IX nhan đề là *L'univers économique et social* (thế giới kinh tế và xã hội) do giáo sư François Perroux phụ trách việc biên khảo. Tuy là quyển thứ IX, nhưng 10 quyển khác đã xong trước và còn quyển cuối cùng, nhan đề là *Industrie et Agriculture* sẽ in năm tới và thế là trọn bộ. Theo ý tôi, trong bộ này, có quyển *Le monde en devenir* (xuất bản năm 1959) rất hữu ích. Sau khi dành một phần lớn nói về lịch-sử, quyển này nêu ra những đặc tính của thời đại này: thế-kỷ này tiến-hóa quá nhanh, vậy chúng ta phải dự định tương-lai ra sao. Như về giáo-dục thanh niên, chúng ta phải luyện cho con cháu những đức tính gì để chúng thích nghi với nhu cầu của đời mới, trong 10 hay 20 năm nữa. Nói khác đi, đáng lẽ quay về quá khứ, các tác-giả mời ta nhìn thẳng về tương lai và trù tính cách đối phó với thời cuộc tuy xa mà đến trước mắt rồi.

Nhà sách Larousse vẫn có tiếng về những bộ tự điển gọi là *Petit Dictionnaire Larousse*. Nhà này cũng đang soạn một bộ Bách-Khoa: *Grand Larousse encyclopédique* en 10 tomes, và đã in xong quyển I, quyển II, quyển III. Xin độc-giả đừng nhầm với hai bộ cũ mà người Việt - Nam thường biết: *Larousse du XX^e siècle* (6 volumes) và *Encyclopédie Larousse méthodique*.

Đã nói tới nhưng bộ bách-khoa, cũng nên nhắc đến hai bộ *Encyclopédie de la Pléiade* của nhà Gallimard: 1/ bộ *Histoire universelle* à 3 tomes trong ấy, quyển thứ ba có phần nói về Đông-Nam

Á, do Lê-Thanh-Khôi viết. 2/ Bộ *Histoire des littératures* à 3 tomes, trong ấy quyển I có phần nói về văn - học sử Việt - Nam, Lào, Cam - bốt, Nhật - bản, Trung-hoa. Phần văn-học-sử Việt-Nam do M. Durand viết, ông này trước làm trong viện Viễn-Đông Bác-Cổ Hanoi. Phần này đã được tạp chí Văn-hóa nguyệt-san Saigon dịch ra Việt-ngữ. Ông Durand phân ra: văn-học sử Hán-Việt (viết bằng Hán - văn); văn-học sử Việt-Nam bằng Việt-văn (nghĩa là chữ nôm và chữ quốc ngữ) và văn-học sử Việt-Nam bằng tiếng Pháp như *Legendes des Terres sereines* của Phạm-Duy-Khiêm. Cách chia như vậy không ổn vì dân tộc Việt-Nam không thừa nhận những tác-phẩm của người Việt viết bằng tiếng Pháp, hay một thứ ngoại-ngữ nào khác.

Nhà Gallimard còn một loại sách rất bổ ích cho những người hiểu học nhưng ít thì giờ mà muốn hiểu tổng quát về các nghệ thuật, âm nhạc, điện-ảnh, kịch, họa, văn-học, tư-tưởng. v.v. Từng thư này không mang tên *Encyclopédie* nhưng có tính bao quát như một bộ bách khoa, và đều mang tên là *Panorama* (toàn cảnh):

a/ *Panorama de la littérature contemporaine aux Etats - Unis* (Nhìn tổng quát văn-học Mỹ hiện đại) của John Brown, đoạt giải thưởng *Prix de la Critique* năm 1954.

b/ *Panorama de la nouvelle littérature française* (Nhìn tổng quát nền văn-học mới đây của Pháp) của giáo-sư G. Picon, in năm 1949, năm nay (1960) sửa và thêm vào, trước khi tái bản.

c/ Panorama des Arts plastiques contemporains, soạn giả là họa-sĩ Jean Cassou (1960)

d/ Panorama de spectacle contemporain của Louis Chavance.

e/ Panorama de l'art musical contemporain.

f/ Panorama des idées contemporaines của G. Picon.

Trong các sách kể trên, quyển cuối cùng trình bày các dòng tư tưởng ở Âu-châu từ thế-giới đại-chiến thứ hai đến nay. Nếu ai muốn tìm hiểu các trường hội họa nhất là văn và tư tưởng của họa sĩ như Picasso, Henri Matisse,... hãy đọc những đoạn trích trong cuốn do Jean Cassou viết. Riêng tôi, tôi ưa thích nhất hai quyển đầu. Nhờ hai cuốn này, tôi hiểu được các xu hướng văn-học của Mỹ, của Pháp và nhất là Camus, Sartre, đã chịu ảnh hưởng nào của Faulkner, của Dos Passos; ngược lại, nhóm tả-chân ở Mỹ đã vay - mượn gì của E. Zola, Flaubert. Do đó tôi thấy văn-học dần dần mang tính chất quốc-tế và chúng ta người Việt phải cần mở rộng chân trời và dịch hay đọc thêm sách kim cổ của ngoại quốc, để tiếp một luồng sinh khí vào văn-chương nước mình.

Phê bình văn-học.

G. Picon, là một cây bút phê-bình văn-học rất thâm-thuý và uyên bác ở Pháp. Hiện nay G. Picon làm chủ bút tờ báo Arts et lettres. Trước kia ông đã cho in tập I về bộ lý-luận phê - bình (L'écrivain et son ombre, người ta đang mong chờ tập II « L'écrivain et son oeuvre »).

Trong năm 1960, ông cho xuất bản quyển « L'usage de la lecture » có thể coi như một quyển dạy nghệ thuật đọc sách vì chính ông đã « lắng nghe » sách từ Retz đến Pierre Reverdy, từ Tolstoi đến St John Perse. Về tác-giả cuốn « La guerre et la paix », ông viết : « Bộ La comédie humaine của H. Balzac kể sự nghiệp của cá-nhân còn đối với Tolstoi, chiến tranh cũng như tất cả hiện tượng xã-hội khác đều biểu lộ sự chi-phối của số-mệnh mà cá-nhân chỉ biết cúi đầu tuân theo. »

Mấy năm gần đây, phê-bình văn - học Pháp đã mất nhiều cây bút già dặn : René Lalou (1889-1960) xưa kia làm giáo-sư Anh - văn tại các trường trung - học, sau chuyên về phê - bình. Ông để lại nhiều bộ văn-học sử rất có giá trị như Histoire de la littérature française, Le roman français, Panorama de la littérature française contemporaine. Bình-sinh, ông viết rất đều, cho tới ngày mất, ông còn viết giúp cho báo Les Annales, Les Nouvelles littéraires.

Làng phê-bình văn-học Pháp cũng vừa (1961) chịu một cái tang nữa ; E. Henriot đã viết mấy bộ văn-học sử Neuf siècles de littérature, Le courrier littéraire 17^e et 18^e siècle. Ông đã từng giữ mục phê-bình cho báo Temps trong 25 năm, rồi viết cho báo Le Monde v.v. Trước khi mất, ông cho in (1960) hai quyển On n'est pas perdu sur la terre, Au bord du temps. Ông có một sức sản xuất phong phú và một bộ óc phê-bình sâu-sắc. Đọc ông, tôi có cảm tưởng như đọc St^h Beuve sống lại và phê-bình những sách hiện đại.

Bên cạnh tang tóc làng phê - bình văn-học Pháp cũng thấy nẩy ra nhiều tay trẻ, hăng hái, mang lại những ý kiến tân - kỳ về tác - phẩm cổ hay về nghệ thuật. Butor vừa viết tiểu thuyết đột mới, vừa phê-bình văn-học. Quyển Répertoire của ông vừa đoạt giải thưởng phê-bình 1960, chỉ dẫn cho chúng ta đọc các nhà văn khó hiểu như Joyce (người Anh). Ông còn chủ trương dung hòa thơ và tiểu thuyết. Henri Guillemin, có tiếng là khám phá những tài liệu chưa ai biết và « lật tẩy » cái truy lạc, cái thói xấu, tật dờ của các nhà văn xưa. Năm 1960, ngược lại, ông viết cuốn Zola, légende ou vérité, và biên hộ cho E. Zola, sửa chữa những ý kiến bất công về tác giả « J'accuse ». Claude Roy vừa cho in quyển thứ năm trong pho phê-bình văn-học « Descriptions critiques » trong quyển mới này cũng như trong toàn bộ, ông chuyên phê-bình

cái hay của tác-giả ông tránh được cái tật « khoe chữ » của các nhà phê-bình khác. Ông có thiên tài ẩn mình sau các văn-gia và để cho các văn-gia tự giới thiệu, tự phê-bình với độc giả. Khi ông nói về Dostoievsky hay Tchekov, độc-giả tưởng như mình đọc trực tiếp vào văn của Dostoievsky hay Tchekov (văn-sĩ Nga). Dưới ngòi bút ông, ta bắt gặp những câu văn lý-thú : « Năm 18 tuổi, người ta đọc sách để tiên cảm đời mình ; năm 40 tuổi, để mình đối chất với chính mình và tới 80 tuổi, để lại bắt gặp mình » (À dix-huit ans, on lit pour se pressentir, à quarante pour se confronter, à quatre-vingts pour se retrouver).

Như đã nói ở trên, sách về loại phê-bình cũng xuất bản thành « từng thư » (collection). Từng thư « Écrivains de toujours » của « Aux éditions du seuil » đã cho ra hơn 50 cuốn phê-bình về các nhà văn Pháp hay ngoại quốc, đều dùng chữ

Tư tưởng phụ nữ

Một tư tưởng của nữ thi-sĩ Anh Elisabeth Barret Browning, trích trong cuốn tiểu thuyết Aurora Leigh :

— Có những cuốn sách đạo đức làm cho người ta đâm ghét đạo đức, những cuốn sách thú vị làm hạ phẩm giá con người, những cuốn sách vui làm cho người ta khóc giữa khi mặt trời mọc lên đẹp nhất, và cũng có những cuốn sách buồn làm cho người ta cười vì thấy giữa cái đời rối loạn này còn có kẻ ngồi than khóc bởi có thêm hay bớt một sự bất công.



André Maurois

par lui - même : Gorki par lui-même ; Hemingway par lui-même ; Goethe par lui - même ; Voltaire par lui - même v. v. Riêng năm 1960, có một cuốn đáng chú ý hơn hết, cuốn « Sartre par lui-même » của Francis Jeanson. Cuốn này bắt đầu bằng mấy trang kích thích sự tò mò của độc - giả : một tác - giả Mỹ mang khoa phân - tâm - học (la psychanalyse) để giải thích cái trường hợp mâu thuẫn của Sartre. Sartre là một người lành mạnh, giữ vững thăng bằng tâm hồn mà tại sao cứ tả những chuyện đời bại. Theo phân-tích gia, người Mỹ trên đây thì Sartre viết như vậy là để giải thoát mình khỏi một cái ám ảnh xấu : năm lên 2 tuổi, Sartre đã chứng kiến vụ ân-ái của cha và mẹ mình. Cổ nhiên

độc-giả chúng ta không chấp nhận sự giải thích một chiều như vậy. Một tùng thư khác có một số sách về phê-bình văn-học. Tùng thư « Collection tout le monde en parle » gồm những cuốn sách nhỏ, dễ đọc, rẻ tiền, của nhà Editions du Cerf. Tôi đã giới thiệu cuốn Camus le juste (1) của G. Hourdin và đã nói cuốn phê-bình này không khô khan như cuốn A. Camus của Robert de Luppé trong tùng thư Editions universitaires.

Trong tạp-chí Bách - Khoa này, đã có lần, tôi giới thiệu cuốn A. Maurois tự phê-bình « Portrait d'un ami qui s'appelait moi » (2) cuốn ấy, chắc độc-giả còn nhớ, thuộc về tùng thư « Les auteurs juges de leurs œuvres ». Năm 1960, trong tùng thư này, xuất bản cuốn « L'amour de la terre et de la famille », trong đó H. Bordeaux tự phê-bình. Ông này năm nay đã 90 tuổi, vẫn yêu đời và bảo tồn tới cùng chủ nghĩa gia - đình. Ông không xa lạ lắm đối với các độc-giả cao-niên, xưa kia, đã đọc Nam-Phong, trong đó Phạm-Quỳnh giới thiệu Les Roquevillard của H. Bordeaux. Cuốn mới này vừa là sách tự phê-bình, vừa là một quyển hồi-ký của một bậc kỳ cựu trong làng văn và đã sống qua những cuộc tang thương lớn : chiến tranh Pháp Đức (1870) thế chiến 1914 - 1918, thế chiến 1939-1945.

Hồi ký.

Hồi-ký của H. Bordeaux, hay của Goncourt, của cô Simone de Beauvoir v.v. đều là một truyền thống văn-học của Pháp, kể

(1) Xem Bách-Khoa số 104

(2) Bách-Khoa số 99

từ bộ *Essais* của Montaigne (thế-kỷ 16), *Confessions* của J. J. Rousseau, *Mémoires d'outre-tombe* của Chateaubriand.

Cô Simone de Beauvoir là bạn chí thân, gần như là vợ của J. P. Sartre, năm nay hơn 50 tuổi. Cô đỗ thạc-sĩ về triết-học, sau bỏ nghề dạy học ra công-tác với Sartre, viết cho tạp chí « *Les Temps modernes* » và soạn nhiều tiểu-thuyết trứ danh: mấy quyển tiểu-thuyết *L'invitée*, *Le sang des autres*, *Les Mandarins* (đoạt giải thưởng Goncourt năm 1954) có tiếng là hay. Cô được người ta coi là nữ-thần của phái hiện-sinh. Cô viết hai tập hồi-ký, trước đã in « *Une jeune fille rangée* » (cô gái chín chắn) kể thời thơ ấu của mình. Năm nay (1960) cô cho ra đời tập thứ hai. « *La force de l'âge* » (đứng tuổi). Tập thứ hai chia ra làm hai phần: 1929-1939 và 1939-1948, thuật lại từ lúc đỗ thạc-sĩ, bỏ làm giáo sư ở Marseille, gặp Sartre, đôi bên ý hợp tâm đầu, sát cánh trên đường văn-ngệ. Sách không những kể lại một mối tình bền bỉ của đôi văn-sĩ mà còn làm nổi bật đời sống tinh-thần của một nhà văn Pháp như Nizan, Politzer v.v., và một giai-đoạn lịch-sử đầy biến cố của nước Pháp.

Nhật-ký (journal) của anh em Edmond và Jules de Goncourt đã được học-giới Pháp chờ đợi từ lâu, mặc dầu, từ 50 năm nay, quan-niệm nghệ thuật đã khác với thời anh em Goncourt, nhưng hàng năm giải thưởng Goncourt vẫn nhắc tới tên. Nhật-ký này in chậm là vì, theo di-chức, sách phải in vài chục năm, sau khi các ông mất (Edmond mất năm 1896). Hai ông đã cả quyết rằng: « từ khi khai thiên lập địa, không bao giờ lại có hai người sinh sống & như anh em tôi, chỉ vùi

đầu đắm chìm trong văn-ngệ, lặn giở bới tìm sách báo tranh ảnh trong thư-viện, trong viện bảo-tàng, rồi quan-sát xã-hội biên chép thu thập tài-liệu tỉ mỉ thành nhà, thành núi về người ». « Chúng ta hãy tuyên bố lớn lên rằng: chỉ có tài-liệu về con người mới tạo nên sách hay (*Car disons-le bien haut, les documents humains font les grands livres*). Hai ông đã đặt ở đây vấn-đề nòng cốt của tiểu-thuyết: tài-liệu phong-phú, chính xác có làm ra tiểu-thuyết tốt hay nó bị biến thành một thiên phóng-sự, một bản chụp hình sự thực? Đêm nay, vấn-đề chưa được giải quyết dứt khoát.

Còn nhiều bộ hồi-ký và nhật-ký khác in trong năm 1960, nhưng trên đây tôi chỉ giới-thiệu ba tập (của H. Bordeaux, của S. de Beauvoir và của Goncour) để gọi là có vài tia sáng chiếu vào cuộc sinh-hoạt văn-ngệ Pháp trong tiền bán thế-kỷ XX.

Triết-học.

Nhưng một người trí-thức Việt-Nam cũng còn phải biết tới tư-tưởng triết-lý mấy năm gần đây ở ngoại-quốc và nhất là ở Pháp.

Trước hết, về dịch-phẩm, người ta bàn tán nhiều về cuốn « *His oire et conscience de classe* » (lịch-sử và ý-thức giai-cấp) của G. Lukacs. Sách này viết từ năm 1923, đến năm 1924 bị Đệ-tam quốc-tế kết án và cũng bị tác-giả từ bỏ nó, nguyên-tác bằng Đức-văn cũng bị thất lạc. Năm vừa qua (1960), nó được dịch ra Pháp-văn, do nhà Editions de Minuit xuất-bản ở Ba-Lê. Sau khi bản dịch ra đời, tác-giả viết thư từ Budapest sang phản đối. Nhưng sách đã in rồi, sách được mang bán. Sách này muốn xét lại tư-tưởng căn-bản của Marx,



J. P. Sartre và Simone de Beauvoir.

và phủ nhận biện-chứng pháp do đó những người Mác-xít bực mình về những lời phê-bình trong sách. Sách ấy lại còn chủ-trương rằng: dù tư-tưởng của Marx có đúng chăng nữa, thì cũng chỉ đúng trong một giai đoạn thôi, nay người ta cần xét lại vì lịch-sử đã vượt hơn lên rồi.

Nói đến sự vượt triết-lý Mác-xít, tôi xin giới-thiệu ngay một quyển sách triết-lý thiết dầy, đặc những chữ trong 755 trang, quyển « Critique de la raison dialectique » tome I của J. P. Sartre ». Sách này thuộc về tùng thư « Bibliothèque des idées » cũng của nhà Gallimard ở Pa-Lê. Ai cũng biết Sartre lập ra triết-lý hiện sinh, ông ngả sang Cộng-sản nhưng từ ngày Nga-sô đàn áp cuộc khởi nghĩa Hung-Gia-Li, ông chán ghét chính sách tàn bạo của Nga. Từ đây, người ta — trong đó có một số nhà tư-tưởng tiến bộ ở Việt-Nam — mong chờ Sartre sẽ xây dựng một lý-thuyết cho giai-cấp tiểu tư-sản trí-thức chống lại ý-thức hệ của Cộng-sản. Người ta chờ,

chờ hơn 10 năm và bây giờ người ta hơi thất vọng. Vì trong tác-phẩm mới này, ông vẫn gán ghép thuyết hiện sinh đứng vào dòng tư-tưởng Mác-xít, nhưng ông lại chê rằng ngày nay thuyết của Marx bị Cộng-sản công-thức hóa rồi, nghĩa là mất hết sinh khí. Nói khác đi, qua cuốn « Critique de la raison dialectique », ta thấy một sự mâu-thuẫn lớn ở Sartre. Sartre đi theo Mác-xít nhưng chống lại chính-sách của cộng-sản ngày nay. Một câu hỏi đặt ra: Sartre sẽ giải quyết được mâu-thuẫn ấy và tìm được lối thoát chăng? Ta hãy chờ Tome II của pho « Critique de la raison dialectique » để trả lời câu hỏi ấy.

— Về triết học, sau các cuộc đảo lộn lớn về chính-trị, xã-hội và kinh tế, người ta không những xét lại thuyết Mác-xít, người ta còn xét lại cả xem Nietzsche có bị người chỉ của ông ta xáo lộn bản thảo của triết-gia Đức một cách nguy hại để ghép tư tưởng của Nietzsche vào thuyết quốc-xã của Hitler không. Đến như Descartes, người sáng lập ra thuyết duy - lý (rationalisme) của Pháp, cũng bị thẩm vấn lại xem ông ta bảo thủ ở điểm nào, cách mạng ở điểm nào. Để hạ bệ triết-gia ấy, Pierre Frédéric, trong cuốn Monsieur Descartes en son temps, đã xô đẩy tất cả tư-tưởng mà giới trí-thức thu lượm từ trước đến giờ về Descartes đến nỗi nhiều học-giả phải suy nghĩ, ôn lại những điều sơ đẳng của mình.

Về triết - gia H. Bergson người ta cũng tìm thêm nhiều tài - liệu mới, Trong quyển La vocation de Bergson, thuộc tùng thư Vocations, Jean Guittou tả quê quán, cha mẹ của triết gia cùng

thời thơ ấu, học tập, tư tưởng, và những bài luận triết của Bergson trước khi dựng lên thuyết Bergsonisme. Nhất là sách này cho ta biết trực-giác của Bergson, đã nảy nở, thành hình và trở nên phong-phú nhờ những kinh-nghiệm nào. Đây là một khám phá mới mẻ về một thiên-tài trong triết-học. Một thí dụ cụ thể: ở trang 197, soạn-giả có kể một câu chuyện: sau thế chiến thứ nhất, một bà quả phụ, — chồng bà chết trận — đến kể với Bergson rằng, trước 1914, ngày đôi vợ chồng làm lễ thành hôn, bà tiên cảm chồng mình chết trong bùn giữa đám dây thép gai, nay cái ảo-ảnh (vision) thành sự thật, sao lại có thể biết trước như vậy? Việc trên này không làm Bergson ngạc nhiên, vì ông điềm tĩnh trả lời: Thừa bà, đời người là một điểm không thể phân chia nhỏ ra được (Madame, la vie humaine est un point indivisible). Theo tôi hiểu, quá khứ, hiện tại, tương lai là một; ba giai đoạn — chia ra một cách giả tạo như vậy — chỉ là ba trạng thái của một thực thể. Khi nào trí khôn minh mẫn, nó có thể nhìn thấy tương lai cũng như lúc sắp chết, sinh-lực tự lại, sáng lên như ngọn đèn trước khi tắt, người hấp hối trong giây phút thấy toàn cảnh của đời mình (une vision panoramique de sa vie.) Tuy là sách triết học, nhưng lời ý rất sáng, trong, đọc vừa vui, vừa dễ hiểu.

Ngoài việc thăm lại tư - tưởng cũ, triết - học Pháp năm 1960 có gì mới không? Thực ra chưa có gì. Từ Les Nouvelles littéraires số 1745 có báo một đợt sóng mới bắt đầu nổi lên ở chân trời triết-học. Clément Rosset, đồ đệ của triết-gia Jean Lacroix, vừa cho in (1960) cuốn

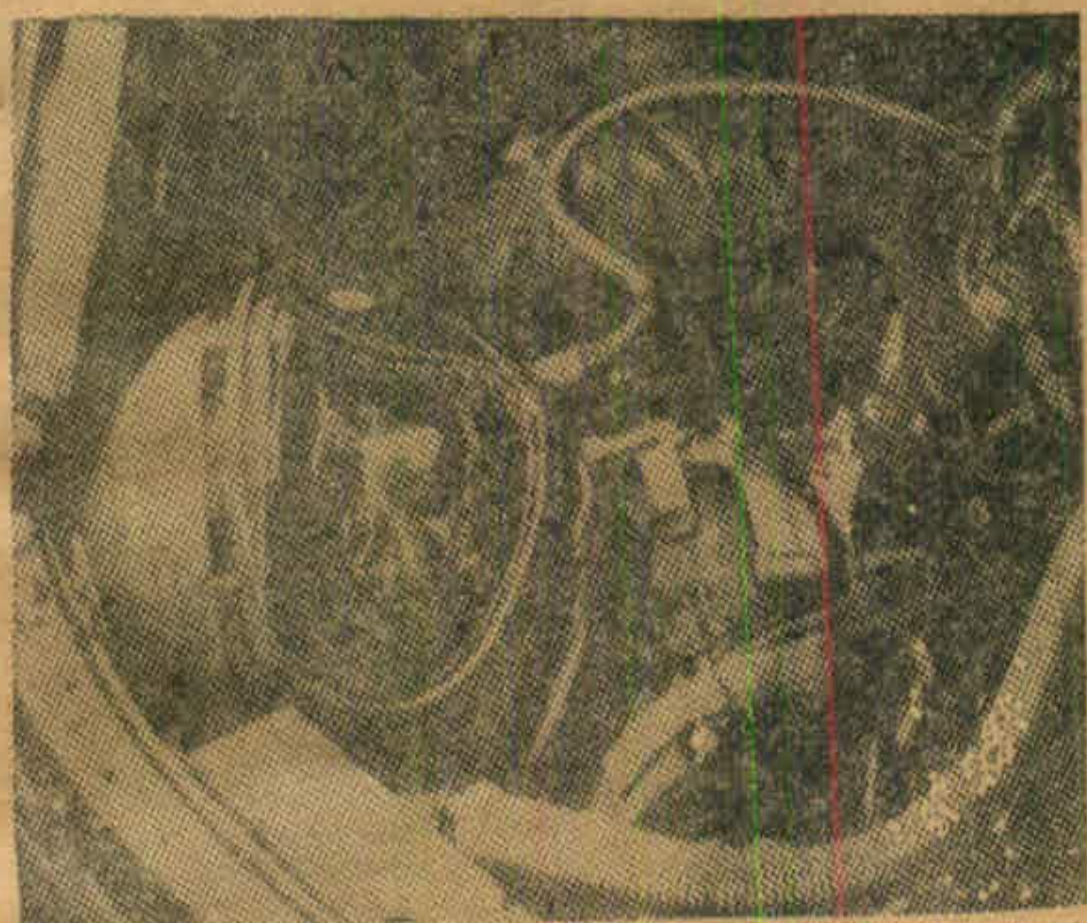


Triết lý, đợt sóng mới: Clément Rosset, 20 tuổi.

La philosophie tragique. Clément Rosset năm nay mới 20 tuổi, chủ trương rằng triết-lý là nhìn thẳng vào đời sống để mà phê phán nó. Triết - gia mầm non này chê tư-tưởng Camus là trẻ con (puérilité intellectuelle), rất ghét Alain, J. J. Rousseau và chịu ảnh hưởng của cuốn l'Origine de la tragédie của triết-gia Nietzsche (người Đức). Tin này viết theo bài của André Bourin phỏng vấn tân triết-gia Clément Rosset. Khi nào có được tác - phẩm « La philosophie tragique » trong tay và lĩnh hội nổi cái nghĩa bi đát tragique (??) về đời người nêu lên trong đó, tôi mới dám giới thiệu triết-lý ấy với độc-giả.

BÙI-HỮU-SÙNG

Đón coi phần V (phần chót): sách báo Pháp trong năm 1960 có liên quan tới Việt-Nam và vài nước lân cận.



CHUYẾN BAY RA VŨ TRỤ ĐẦU TIÊN CỦA MỸ

* VÕ-QUANG-YẾN

Alan Shepard nằm đợi giờ khởi hành trong cấp sựn.

SAU Yuri Gagarin với chiếc « Đông phương », nay đến lượt Alan Shepard với chiếc « Tự do 7 » hôm 5-5-61 đã vượt ra khỏi quả đất, thắng sức hấp dẫn của trọng lực và trong chốc lát đã trở nên nhà du hành vũ trụ. Như Gagarin, Shepard đã trở nên vị anh hùng của lịch sử nhân loại vì đã may mắn và vinh hạnh được dự vào những chuyến bay ra vũ trụ đầu tiên.

Tiểu sử Alan Shepard

Sinh ngày 18-4-23 tại East Derry (New Hampshire), trung tá hải quân Shepard là một lực sĩ đầy đủ, cao 1 thước 8, nặng 74 kilô. Con nhà binh (ông thân là một trung-tướng hưu trí), ông theo học tại trường thủy quân Annapolis. Trong trận đại chiến vừa qua, ông được bổ nhiệm trên khu trục hạm Gogswell hành binh trong Thái-bình-dương. Hết giặc, ông được sung dụng ở trường không

quân Corpus Chritis (Texas) rồi qua trường không quân Pensacola (Floride). Tại đây, tháng 3-47 ông đậu bằng phi công thử máy bay. Từ đây ông chuyên môn khảo cứu về vấn-đề hàng không và phụ giúp hoàn thành kỹ thuật tiếp tế trên không và hạ máy bay trên các hàng không mẫu hạm. Người ta bảo ông rất thông minh và thông hiểu khoa học khá nhiều, nhất là về các môn thiên văn học, thiên văn lý học, khí tượng học, địa dư và thuật hàng không giữa các thiên thể. Các nhiên liệu cũng như các máy móc khiển sử từ xa đối với ông không còn gì là bí mật. Mấy năm sau này, ông được bay thử ở cao độ để khảo sát cách truyền bá của ánh sáng và cách di chuyển khí trời trên lục địa Mỹ châu. Đến nay ông đã bay tới 3700 giờ, trong số ấy đã có 1800 giờ với phi cơ phản lực. Ông là một trong bảy phi công tình nguyện đi bay ra vũ trụ. Cả bảy người đều ăn lương như

CHUYỀN BAY RA VŨ TRỤ ĐẦU TIÊN CỦA MỸ

thường ngày, chỉ có được thêm phụ cấp những giờ bay với phi cơ phản lực. Tuy nhiên, tờ tuần báo Life chịu trả một số tiền 70.000 đôla Mỹ cho tất cả bảy người để dành độc quyền đăng bài tường thuật của nhà du hành vũ trụ Mỹ đầu tiên.

Trước giờ khởi hành

Tối hôm 4-5-61, sau khi xem vô tuyến truyền hình với hai bạn phi công đồng đội, Shepard phải vào giường lúc 22 giờ rưỡi. Sáng hôm sau, bác sĩ Douglas lại đánh thức ông dậy lúc 1 giờ 5 (giờ địa phương). Tắm rửa và cạo râu xong, ông ăn điểm tâm rất đầy đủ với thịt, trứng, bánh, mứt, nước cam (không có trà và cà phê) chứ không phải chỉ ăn sơ sài như người ta thường tưởng. Bác sĩ khám một lần cuối cùng vào khoảng 2 giờ 25. Ông vẫn bình tĩnh như thường ngày, thành thoi và rất lạc quan. 2 giờ 50, người ta bắt đầu mặc vào mình phi công những máy móc để có thể theo dõi tình hình sức khỏe trong lúc bay. Xong, ông mặc bộ áo quần bằng chất dẻo sơn bạc nặng độ 9 kilô. 3 giờ 59, ông rời phòng lên một chiếc xe sơn trắng đặc biệt để ra hỏa tiễn ở Cap Canaveral. Xe này trang bị như một cái nhà thương nhỏ, ngoài cửa đóng kín mít, ở trong có đủ máy móc để cứu sống phi công. Hai bác sĩ luôn ngồi cạnh Shepard để xem xét sức khỏe. Xe lại cạnh hỏa tiễn vào lúc 4 giờ 24, trước có xe của cảnh sát dọn đường, sau có thêm mười xe khác nữa. Hỏa tiễn Redstone như một cây bút khổng lồ được dựng đứng giữa một cái giàn có đèn chiếu sáng trung. Trên hỏa tiễn, 125 nhân viên, phần lớn là chuyên viên kỹ thuật, mặc áo quần trắng, đội mũ đủ màu sắc tùy theo

chuyên môn, chạy đi chạy lại. Thấy Shepard trèo lên hỏa tiễn, mọi người đều vỗ tay hoan hô. Nghiêm nghị, ông tiến thẳng, chỉ giờ tay nhẹ chào. Người ta đưa ông ta vào capsules, là phòng phi công sẽ rời hỏa tiễn lên vũ trụ, đặt nằm lên một chiếc ghế có bọc cao su rất êm để có thể chịu đựng các lực gia tốc và phản gia tốc lúc khởi hành và lúc trở về. Cửa capsules đóng lúc 6 giờ 10. Từ bảy giờ, Shepard chỉ còn liên-lạc được với bên ngoài với một trong ba máy vô tuyến điện đã đặt trong capsules. Đèn tắt dần. Và mặt trời cũng bắt đầu mọc. Trời trong sáng, đây đó chỉ có vài đám mây thưa. Kỳ này chắc sẽ chẳng có chi trở ngại như mấy lần trước.

6 giờ 20, hỏa tiễn được chính thức mang tên « Freedom 7 ». Freedom là tự do, 7: biểu hiệu số phi công được chọn đi bay. 7 giờ 9, còn 20 phút nữa là hỏa tiễn được phóng đi. Nhưng loa báo còn phải xét khí tượng lại một lần nữa, nghĩa là giờ bay phải chậm lại ít nhiều. Tuy nhiên tháp bắn cũng bắt đầu chuyển vận, rời hỏa tiễn, xe dịch qua một bên. Đồng thời một hộp đồ mặc vào đầu một cái máy cổ hạc được đưa lại gần capsules. Đây là một phương tiện cứu nạn để phi công có thể trốn thoát nếu có gì bất trắc trước lúc khởi hành. Các nhà chuyên môn gọi nó là « giỏ hái anh đào » (cherry picker). 7 giờ 47, lại có tin phải thay thế một máy biến thế điện, nghĩa là giờ khởi hành còn lại phải chậm lại nữa. Mọi người lo sợ, không biết rồi kỳ này hỏa tiễn có lên đường được không. Đến 8 giờ 35, tất cả đều xong xuôi. Còn một nửa giờ nữa và loa bắt đầu đếm thụt lùi. Cứ hai phút một

loa của hội hàng không các thiên thể NASA cho nghe số đếm. Còn 15 phút, kiểm tra lại một lần nữa những bộ phận cần yếu nếu có chuyện bất trắc ; đồng thời hệ thống trắc viễn capsules cũng được xem xét lại. Còn 6 phút, các nhân viên phụ trách đều phải có mặt ở cơ quan mình. Còn 3 phút, bác sĩ tuyên bố phi công sẵn sàng. Còn 2 phút, « giờ hái anh đào » rời khỏi hỏa tiễn. Không còn một ai trên hỏa tiễn nữa, trừ Shepard một mình ngự trị trên tháp cao, cách mặt đất 20 thước. Người ta đếm thụt lùi từng giây một. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Lo lắng hơn là các nhà đương sự, các nhà bác học như Werner Von Braun và các nghị viên « bí mật » theo dõi cuộc khởi hành trong tòa kiểm tra, sau cửa kính. Còn 25 giây, người phụ trách cuộc bắn hỏa tiễn nhận trên một cái nút đỏ truyền lệnh cho máy tự động điều khiển cuộc khởi hành.

Chương trình chuyến bay

9 giờ 34, hỏa tiễn Redstone thông thả rời mặt đất, phun lại đằng sau một tia lửa dữ dội bị lấp gần hẳn trong đám khói mịt mù trắng cam lẫn lộn. Trong luôn hai phút, máy của hỏa tiễn rầm rộ chạy mạnh và đẩy chiếc capsules Mercury lên tới tốc độ 7500 cây số / giờ. Capsuyn bắt đầu chạy thẳng đứng lên trời rồi nghiêng dần làm thành góc 40 độ với mặt đất.

9 giờ 38, Shepard nói về : Cảnh trông đẹp quá ! (What a beautiful view !) và sau đấy bảo trông thấy rõ bờ biển Hoa-kỳ.

9 giờ 40, capsules lên tới điểm tối cao : 184 cây số. Shepard tiếp tục báo tin

về, các chi tiết chuyên môn chen lẫn với giọng nói OK ! OK ! nghe rất rõ. Ông lại cho biết hỏa tiễn hồi tố thứ nhất bắt đầu vận chuyển để hãm dần tốc độ capsules. Trong khoảng hai phút sau, hai hỏa tiễn hồi tố khác cũng lần lượt được cho chạy.

9 giờ 43, máy điều khiển tự động thay thế phi công. Ở mặt đất, các đài thu thanh cho biết máy móc trên capsules đều chạy tốt.

9 giờ 45, capsules hạ dần xuống 6000 thước. Hai phút sau, chiếc dù thứ nhất tung ra trong gió. Ở chiếc hàng không mẫu hạm Lake Champlain người ta bắt đầu thấy.

9 giờ 48, chiếc dù thứ nhì đường kính 20 thước, sọc đỏ và trắng, lại hãm dần capsules. Capsuyn lúc ấy chỉ cách mặt nước có 2000 thước. Một phút sau, capsules rơi vào biển, cách chiếc hàng không mẫu hạm 4 cây số.

9 giờ 53, người ta vớt capsules ra khỏi nước và không đầy bốn phút sau, Shepard đã ra khỏi capsules lên helicôpte về chiếc Lake Champlain.

Shepard đã bay đúng 15 phút như đã định trước. Từ điểm bắn là Cocoa-Beach tới chỗ rơi đo được 483 cây số, cách xa độ dài tính trước cũng không bao lắm.

Vài chi tiết kỹ thuật

Chuyến bay của Shepard tuy ngắn nhưng đã rất hoàn hảo. Trong lúc mọi người ở mặt đất lo sợ cho người phi công của chuyến bay phi thường. Shepard đã hết sức bình tĩnh

CHUYỀN BAY RA VŨ TRỤ ĐẦU TIÊN CỦA MỸ

làm tròn nhiệm vụ của mình. Cứ nghe ông ta nói chuyện từ capsules với người bạn đồng đội ở đài kiểm tra, người ta tưởng như nghe hai người kỹ sư đang bàn bạc cùng nhau về một thí-nghiệm đang thử mà không hề một trong hai người đang bay với một tốc độ vô cùng lớn. Kiến trúc capsules đã là một sáng

điểm thăng bằng, như mình hết còn nặng. Thành thử trong khoảng vài phút Shepard đã là người vũ trụ. Nằm trên ghế dựa, tuy mặt xây về đằng sau, nhờ có máy tiềm vọng, ông đã ngắm được rõ ràng mặt đất.

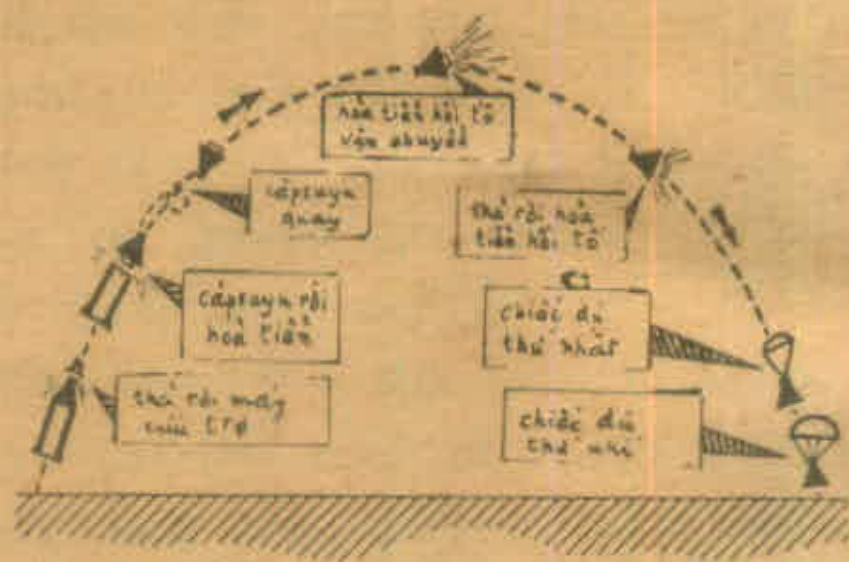
Trên đường về, sau khi các hỏa tiễn hồi tố đã được đốt, Shepard bỏ mặc tay lái cho máy tự động vì các lực phản-gia-tốc còn mạnh hơn cả lực gia-tốc. Thời



Hình trích trong báo Le Figaro.

gian bay ho. Capsuyn hình giống một cái phễu, lúc khởi hành miệng phễu dính vào hỏa tiễn. Phi công nằm dựa vào miệng phễu, mặt ngó về đằng trước. Các nhà chuyên môn tính với cách ngồi như vậy thì phi công dễ chịu đựng nhất lực gia tốc có thể lớn gấp 6 lần trọng lực. Nhưng rời hỏa tiễn xong thì capsules quay một vòng và phễu quay ra phía trước, phi công xây mặt lại đằng sau. Capsuyn vẫn nằm ở vị trí này lúc các hỏa tiễn hồi tố vận dụng, thành thử khi đi cũng như trên đường về, miệng phễu luôn xây về phía mặt đất.

Trong lúc bay, một đằng bị trọng lực kéo về mặt đất, một đằng bị lực ly tâm đẩy ra ngoài nên phi công nằm ở một



Hình trích trong báo Le Monde.

gian này cũng như thời gian khởi hành đối với các nhà bác học rất là quan trọng nên một máy quay phim tự động ghi chụp tất cả các cử động của phi công. Cũng may mấy cái dù đã mau hãm capsules lại, đồng thời một cái cửa sổ được mở ra để khí trời mặc sức tuôn vào capsules. Rơi xuống nước, capsules rải ra mặt biển một chất thuốc màu để mau dễ tìm ra.

Được vớt ra, đưa về chếc hàng không mẫu hạm, Shepard còn được giữ 48 giờ ở bệnh viện để các nhà bác học khảo sát tuy ông vẫn rất được khỏe mạnh.

Tương lai cuộc

khảo sát không gian của Mỹ

Tổng - thống Kennedy thân hành điện thoại ban khen trung tá Shepard « Toàn

quốc Hoa-kỳ đều thoả thích với công trạng của ông ». Sau đây, trong một cuộc nói chuyện báo-chí, ông nhấn mạnh Hoa - kỳ còn phải cố gắng thêm nhiều trong cuộc khảo sát không gian. Tuy nhiên, ông tuyên bố các tài liệu khoa học đã thu lượm được sẽ đem công bố cho tất cả các giới khoa học khắp hoàn cầu Hoa kỳ, cũng theo lời Tổng-thống Kennedy, không bao giờ có ý định giữ kín các thí nghiệm không gian mặc dầu tất cả nguy hiểm của một cuộc tuyên truyền nếu thí nghiệm bị hỏng. Ông tiếp thêm trong một xã-hội tự do, các thành công cũng như các thất bại cần phải được kiểm tra và công bố.

Bên cạnh các lời tuyên bố của tổng thống Kennedy, những lời của nhà bác học Von Braun cho ta thấy sơ lược chương trình khảo sát không gian của Mỹ. Ông bảo công tác vừa qua chỉ là một cuộc bắt đầu tầm thường trên đường vũ trụ. Giai đoạn sắp đến sẽ bắn một con người vệ tinh với hỏa tiễn Atlas-Mercury. Còn hỏa tiễn Saturne có thể đẩy được 1500 tấn (nghĩa là mạnh gấp đôi hỏa tiễn đã bắn vệ tinh Vostok của Gagarin) sẽ hoàn thành vào cuối 1964 đầu 1965. Hỏa tiễn này sẽ bắn một vệ tinh có thể đem theo một toán nhiều nhà du hành ra vũ trụ.

VÕ-QUANG-YỀN

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸 金字烟

Cigarettes **JOB** Surplus

COFAT

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

V. — CÁC HỌA-PHÁI THỂ-HIỆN

* ĐOÀN-THÊM

LỊCH-sử hội-họa phong phú chẳng kém gì văn-học-sử, và ở cả hai lãnh-vực, muốn tìm hiểu phải theo dõi sự tiến-triển của các môn-phái với kỹ-thuật khác nhau, các tác-phẩm và thân-thể sự-nghệp tác-giả, những ảnh-hưởng biến chuyển và những hoàn-cảnh sáng tác.

Việc này đòi hỏi rất nhiều công-phu nghiên-cứu, nhưng tài-liệu như rừng, từ những sách giản-lược phổ biến đại-cương đến những pho phê-bình khắc-khổ hoặc giải thích về triết-lý nghệ-thuật. Về phái Ấn-tượng Impressionnistes chẳng hạn, số sách tham-khảo của Jean Leymaire lên tới 53; riêng về họa-sỹ Matisse thuộc nhóm « Dã-Thú Fauvisme », Jacques Lassaigne đã phải tra cứu 31 bộ sách, ấy là chưa kể những bài bình-luận trên báo-chí và kê khai chỉ chút 4 trang chữ nhỏ cuốn SKIRA.

Sự súc-tích đó thoát tiên đã khiến tôi nản lòng, nhưng rồi lại kích thích, vì nghĩ cũng tủi cho sự nghèo nàn chồng rông của chúng ta sau ngót một thế-kỷ thâu thái văn-minh Âu Tây. Truyện hoang-đường Phi-Châu và tiểu-sử nữ tài-tử màn bạc Marilyn Monroe thì có người phỏng dịch, nghệ-thuật Léonard de Vinci hay Kandinsky thì chẳng ai cho biết. Tho

ngây ngô của Clément Marot thế-kỷ XVI thì người ta bắt học, còn ánh sắc Constable thế-kỷ XIX thì trông vẫn mịt mờ. Nhưng thôi... tất cả văn-đề cần giải quyết gấp, là làm thế nào đúc kết được những đặc-điểm cho dễ bao quát và tiện theo dõi, đủ cụ-thể để nhận ra mà xét từng loại tranh?

Trước hết, tôi thấy cần dè dặt đòi với sự phân biệt môn phái một cách cứng nhắc. Như ở văn-học, người ta xếp một số thi-nhân văn-hào vào nhóm Lãng-Mạn vì họ cảm xúc mạnh, buông phóng tưởng-tượng, tả tình, tả cảnh v.v... nhưng Musset so với Hugo có thể ví như khóm liễu cạnh đào là lướt cạnh gốc đại-thụ rườm rà sắc sỡ. Những điểm chung khiến họ bị liệt vào một hạng, chính các tác-giả ít khi quan tâm, chẳng qua các nhà nghiên-cứu nêu ra để nhận xét so sánh, nhưng tuy cùng loài hoà-thảo, lúa vẫn khác ngô.

Ở hội-họa cũng vậy: tranh Lập-thể của De la Fresnaye với những hình thực-tế vững vàng dễ nhận, không giống của Villon, Villon điêu-hoà tươi sáng khi Braque nghiêm-khắc khó hiểu. Chính vì có dị-điểm đặc-điểm, họa-sỹ cũng như thi-nhân

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

mới biểu lộ được cá-tính, sáng tạo với sắc-thái riêng để tới chỗ độc-đáo trong nghệ-thuật.

Ngoài ra, nếu Lập-thể có những bản tuyên - ngôn, những sách xác định lập-trường như của các họa-sỹ trong nhóm, Gleizes và Metzinger, thì phần đông họa-sỹ nhóm khác chỉ lảng lảng vẽ hoặc trưng bày tranh mà thôi, không tự xưng là thuộc môn phái với lý-thuyết nào hết: những «Ấn-Tượng Impressionisme», «Dã-Thú Fauvisme» v.v.. đều do các nhà báo, nhà phê-bình gán cho họ rồi chê bai hay tán tụng.

Giá có ai hỏi Picasso thuộc nhóm nào, chắc hẳn ông sẽ bật cười, vì trong hơn nửa thế kỷ nay, ông vẽ gần đủ các lối, bảo ông là Lập-thể thì ông sẽ đưa tranh Siêu-thực cho coi, gọi ông là Siêu-thực thì nói sao khi xem tranh Biểu-hiện của ông?... Và trước ông, Cézanne hay Van Gogh đã có thời-kỳ vẽ như Monet, nhưng không thể liệt các họa-sỹ này vào nhóm Ấn-Tượng, vì họ đã sớm thoát ly mọi ảnh-hưởng để tìm ở chính mình những nét, những màu, những ánh khiến Cézanne đã thành Cézanne và Van Gogh trở nên Van Gogh.

Bởi vậy, theo thiên-kiến, công việc cần nhứt để tìm hiểu, vẫn là xem xét riêng từng họa-sỹ và mỗi họa-phẩm cũng như học văn-chương phải đọc hẳn sách hay bài của các nhà văn nhà thơ, hơn là ý vào những soạn-giả văn-học-sử. Các vị này, và các đồng-nghiệp của họ bên phía hội-họa chỉ hướng dẫn được cho phần nào, vì mỗi vị thường nhìn vào một

vài khía cạnh và giúp cho ít nhiều ý - kiến mà thôi (1).

*
*
*

Xét sơ-lược và tổng-quát, thì hội-họa Âu-Châu trước thế-kỷ XIX đã qua lịch-trình sau :

Bắt đầu tiên từ thế-kỷ XIV, phát-triển mạnh tại Ý và lan rộng ra các nước ngoài, nhất là Hòa-Lan và Pháp, ở thế-kỷ XV — XVI (thời-kỳ Phục-Hưng, Renaissance), tới mức trưởng-thành giữa thế-kỷ XVII — XVIII, kém dần cho tới thế - kỷ XIX thì gặp những phản - lực phát động các phong-trào mới.

Trải qua bốn thế-kỷ, biết bao nhiêu môn-phái và nhân-tài đã nảy nở với sắc thái riêng. Tuy-nhiên, những khám-phá và kinh-nghiệm cùng sự hỗ-tương ảnh-hưởng, đã được hỗn hợp kết tinh thành những qui-tắc mà người sau gọi là Cổ-Điển.

Trước thế-kỷ XIV, họa-sỹ chỉ hay vẽ để phụng sự tôn-giáo, những hình diện thánh thần phẳng dẹt với những nét màu có ý - nghĩa tượng - trưng (Iconographie symbolique).

(1) Ngoài các tài - liệu đã kể ở các bài trước, xin giới-thiệu với các bạn nào muốn nghiên-cứu thêm :

De Van Eyck à Botticelli XV^e siècle (Collection Les Grands Siècles de la Peinture Skira)

De Léonard au Greco XVI^e siècle

De Caravage à Vermeer XVII^e siècle

De Watteau à Tiepolo XVIII^e siècle

De Goya à Gauguin XIX^e siècle

XX^e siècle, Bernard Dorival et Pierre Tisné
Sommets des Beaux-Arts R. Harstel et B. D. Swanenburg.

La Peinture — Parlons Peinture, André Lhote

La Peinture libérée André Lhote.

Từ đầu thế-kỷ XIV, nhiều họa-phái phát sinh ở các địa-phương Ý-Đại-Lợi, nhưng đều có xu-hướng chung là cổ theo sát thực-tế và mỗi sáng-kiến thường được phổ biến truyền thụ mau lẹ, vì hội-họa được nhiều giới ưa chuộng. (1)

Những hình tròn và nổi (*dessin en ronde-bosse*) những nét mặt có thần-sắc đã thấy rõ trên tranh Giotto (1266-1336) những đường uốn mềm mại, ở các thân thể quần áo, tranh Lorenzetti hay Duccio (1255-1319) — Vẽ không cần người làm mẫu, chuyên chú vào nét hơn vào màu, bắt chước điêu-khắc mà xoa tròn bôi bóng (*modelé*) lựa đường vẽ tắt khi bề gãy góc hay lượn khía cong (*raccourci*) đó là sáng-kiến của họa-phái thành Florence. — Viễn-họa (*perspective*) được thể-hiện trong những cảnh chiến-trận của Paolo Uccello (1397-1475), người chủ trương nhiệt-liệt vẽ bề sâu — Tỷ-lệ Vàng (*nombre d'or*) làm tiêu-chuẩn cân đối, đã được nghiên-cứu và áp-dụng trong sự phân-phối các hình và bố-cục bức tranh, do Piero Della Francesca (1416-1492) Alberti, Pacioli v.v... — Sự tương-phản sáng-tối (*clair-obscur*) khiến cho hình dẹt bóng, đáng sống động, nét lộ vẻ, tranh có hồn: biệt-tài vô-giá của Léonard de Vinci (1452-1519) — Rung động tâm tình cuồng-nhiệt, với những cử-chỉ tung-hoành mãnh-liệt như bão-tô, những thân hình nổi từng thớ thịt mà họa-sỹ đã quan sát tỉ mỉ theo giải-phẫu-học (*anatomie*) lại cho tung bay ở các mặt trần nhà, giữa khoảng không, theo những đường viễn-họa khó vẽ

khi nhìn từ dưới đất (*perspective déformante du plafond*), Michel-Ange (1475-1564) đã nâng cao nghệ-thuật lên hướng siêu-việt — Những màu sắc lộng lẫy, hồng, hoàng, thanh-thiên v.v... (*la couleur vénitienne*) được khéo sử dụng để tôn mỹ-lệ ở các cảnh vật của họa-phái thành Venise: Le Titien (1477-1576) Le Tintoret (1512-1594) Véronèse (1528-1588)...

Sự phát-huy rực-rỡ của hội-họa trong hai thế-kỷ đã đưa Ý-Đại-Lợi lên địa-vị lãnh-đạo nghệ-thuật; các họa-sỹ Âu-châu đua nhau tới học hỏi ở Florence, Venise, Rome, hay Bologne là nơi nhiều thầy giỏi đã kết hợp được những phương-pháp của nhiều họa-phái khác. Các du-học-sinh về nước, cũng nhiều người có thiên-bẩm, tìm ra được những đề-tài thích-hợp, hoặc chăm chú các giáo-điều để tiến mạnh về một vài phương-diện: như là thể hiện ánh sáng (*la lumière*) một cách linh-động, trường-hợp của Rubens (1577-1640) người xứ Flandre, Vermeer de Delft (1632-1676) người Hà-Lan, Velasquez (1599-1660) người Y-Pha-Nho, Poussin (1594-1665) người Pháp... Họ

(1) Họa-phái thành Padoue (*Ecole de Padoue*) với Cimabue, Giotto, Cavallini...

Họa-phái thành Sienne (*Ecole de Sienne*) với Duccio, Lorenzetti, Piero...

Họa-phái thành Florence (*Ecole Florentine*) với Masaccio, Uccello, Botticelli, Ghirlandajo, L. de Vinci...

Họa-phái thành Umbrie (*Ecole Ombrtène*) với Mantegna, Signorelli...

Họa-phái thành Venise (*Ecole Vénitienne*) với Le Tintoret, Le Titien, Véronèse...

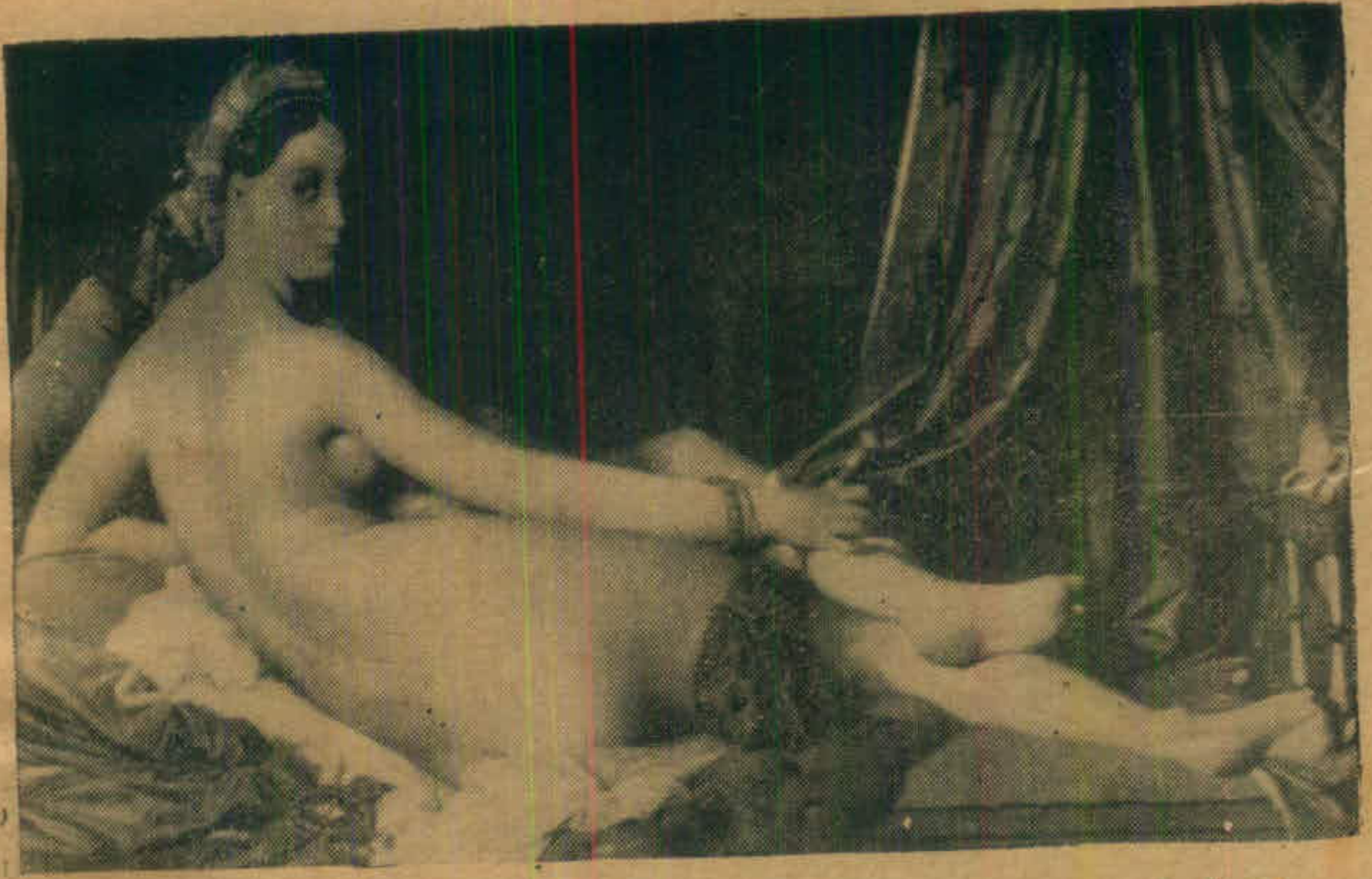


Brutus nhận xác các con — les licteurs rapportent à Brutus les corps de ses fils 1789 của Y. L. David — Cả một tấn tuồng với những cử chỉ đáng điệu dòng trô

đều nổi danh, và mặc dầu mỗi người có đường lối sáng tạo riêng biệt để thành công, kỹ-thuật của họ thường dựa trên những nguyên-tắc căn-bản mà các ông thầy Ý đã vạch : hơn nữa, bởi thiện-cảm và khâm - phục hay đưa tới suy-tôn, những lẽ lỗi của người đi trước, được đàn em nâng cao, thành những qui-lệ bất-khả vi-phạm, nhất là khi được sự ủng-hộ của những chính-thể ưa chuộng trật-tự cả ở lãnh-vực văn-hóa. Những cách - thức bố-cục, tỷ-lệ Vàng, sự chuyển bóng hay phân chia ánh sáng, viễn-họa... nghiêm-nhiên được qui-định với uy-thể chính - quyền, do những họa-sỹ được trọng-vọng : Nicolas Poussin và Charles Lebrun (1619-1690) thời bá-vương Lô-Y XIV, Jacques Louis David (1748-1825) thời hoàng-đế Nã-phá-Luân đệ-nhất, J. A.

Ingres (1780-1867) hoặc Bouguereau (1825-1905) thời Nã-phá-Luân đệ-tam.

Những qui-lệ Cổ-Điển (Classicisme) không phải đã ngăn cản sự phát-triển hội - họa, vì ở các thế - kỷ XVII — XVIII vẫn thấy nhân-tài xuất hiện : Le Nain (1607-1677) Watteau (1684 - 1721) Chardin (1699 - 1779) Corot (1796-1857) v.v.... Tuy - nhiên, đó chỉ là số ít, và cũng không có bề thế cao lớn như những Mantegna hay Le Titien thuở trước. Để củng lại những truyền - thống nghiêm - khắc, cũng nhiều họa - sỹ cổ thay đổi nét màu. Khôn thay, những cải-cách chỉ thành công nếu người chủ trương có biệt-tài xuất-chúng, nếu không, chỉ đưa đến kết - quả bóp méo các qui - mô cũ khiến cho Cổ-Điển mất tiếng suy-đổi, hoặc lại gặp những phản-ứng



Cung-lân Odalisque 1814 của Ingres. Nét vẽ thực tình vì ông chuốt, theo lẽ lối Cồ-Điền, nhưng nhiều vị phê-bình nệ cổ còn trách là thừa mất 2 xương sườn.

quyết-liệt hơn các giới bảo - thủ. Cồ-Điền ở thế-kỷ XVIII đã biến ra « Baroque » theo nghĩa xấu (1) với những thói tô-điểm cầu-kỳ, thiếu điều-độ và hòa-hợp, màu rực - rỡ của họa - phái Venise hóa ra loè loẹt, nét tung bay của Michel-Ange thành những cử-chỉ múa may ngông cuồng (kiểu *roccoco*, kiểu Louis XV) (2) hoặc bất chước tiền-bồi một cách vụng dại, xáo trộn các bút - pháp, phỏng theo phái này một ít, nhóm kia một chút (*maniérisme*) rút cuộc, dầu chẳng khô - khan tẻ ngắt với đề-tài luân-lý và mục-dịch khuyến thiện như Greuze (1725 - 1805) thì cũng màu mè riêm rúa với thân hình lẳng lơ buông thả như của Boucher

(1703-1770) hay Fragonnard (1762-1806) và các đệ-tử hai ông.

Dù sao, những sự thử thách kèn cựa với Cồ-Điền, đã bị chặn đứng; trước sự thấp kém của những nhóm vi-phạm mực-thước, các giá-trị cổ-truyền cũng dễ phục hưng, khi Cồ-Điền nhờ sức những danh-họa tôn trọng qui-củ như David và Ingres. Tới khi Ingres và David lại bị những tài-năng khác lần át đi, thì công-cuộc giải phóng mới mở rộng được chân trời nghệ - thuật: đó là sứ-mạng của 2 nhóm tiền-phong, Delacroix và phái Lãng-Mạn (Romantiques), Courbet, Millet, Daumier và các họa-sỹ Tả Chân (*Réalistes*). (1)

(1) (2) *Baroque* còn có nghĩa rộng, nói về cả nghệ-thuật sau thời Phục-Hưng và tới thế-kỷ XVII *Roccoco* hiện ra rõ rệt nhất ở kiến - trúc với những hình vẽ lổ lằng.

(Sommets des Beaux - Arts — *Petite Encyclopédie des Arts Plastiques* của R. Harteel và B. D. Swanenburg).

(1) Đồng-thời với phái Lãng-Mạn Hội-Họa, cũng xuất hiện phái Lãng-Mạn Văn-Chương: cả hai đều chống lại Cồ-Điền. Cũng dễ hiểu, vì khi đó, lý-tưởng tự-do càng ngày càng bành trướng, ở khắp các lãnh-vực.

Delacroix (1799-1863) Courbet (1819-1877)
Millet (1814-1875) Daumier (1809-1879)



Á-rập bị sư-tử vồ, Arabe attaqué par un lion 1850, với nét vẽ tung hoành của Delacroix.

Cả hai phái đều không chịu theo hướng đường Cổ-Điển, nghĩa là chọn những đề-tài coi như cao-quí, những tích lịch-sử, thần-thoại, những nhân-vật La-Mã Hy-Lạp, « thiên-triều » của nghệ-sỹ Cổ-Điển. Tại sao không tìm ở phương Đông, ở thời Trung-Cổ, hay trong thời-sự quốc-tê? Delacroix vẽ quân Thổ-Nhĩ-Kỳ tàn sát dân thành Scio (*Le Massacre de Scio*), quân Thập-Tự kéo vào thủ-đô Constantinople (*Entrée des Croisés à Constantinople*). Song hà-tất phải đi xa như thế trong không-gian hoặc thời-gian? Có gì chi tô điểm những cung đình, thần tiên và vua chúa? Chung quanh

ta, trong đời sống hàng ngày, thiếu chi cảnh rung động họa-sỹ? Courbet tả đám ma ở Ornans (*Enterrement à Ornans*) phu lục-lộ đập đá (*Casseurs de pierre*) thiếu-nữ trên sông Seine (*Les Demoiselles de la Seine*)... Millet chỉ thiết tha với người nghèo-khó hoặc vật tầm-thường, đàn bà đi nhặt lúa (*Les Glanneuses*) kẻ trồng khoai (*Planleurs de pommes de terre*) cừu bị vật lông (*La tonte des moutons*)... Daumier mở rộng đường cho bi-họa (caricature) đem những bộ mặt nhân nhố của thời-đại chơi với những thần tiên vóc ngọc da ngà dập diu quanh thi-bá Homère (*Apothéose d'Homère* của Ingres).



Một bi-họa của Daumier, 1834. Thầy thuốc bảo quan tòa: tù-nhân này có thể thả ra mà không hại gì. « Celui là, on peut le relâcher sans danger. » Cũng vì những tranh tương-lực mà có lần họa-sỹ ngồi tù 6 tháng.



Phu đập đá Les Casseurs de pierre 1849 của Courbet.

Theo những tiêu-chuẩn thẩm-mỹ của các triết-gia thượng - cổ Platon, Aristote, Xénocrate,... một họa-phẩm đẹp phải có tình - cách duy - nhất, nghĩa là một chủ-ý trọng-tâm nằm trong qui-mô nhất-định để có một thực-thể riêng biệt và sống động; được thể-hiện theo một thứ - tự nào đó, khiến mọi vẻ đẹp có thể phối bày, phải có kích - thước cân xứng và giữ tiết-độ cho mọi phần hòa-hợp. Bởi sự đẹp quan-niệm như vậy theo lý-trí hơn là tình - cảm, cần tả bằng nét vẽ, vì thể nét vẽ và tất cả các phương-pháp liên - hệ để hoàn bị nét vẽ (như cách chuyển bóng, sáng - tối, viễn - họa, tỷ-lệ Vàng v.v...) được coi là nòng cốt của kỹ-thuật, còn màu sắc chẳng qua chỉ để tô điểm cho tăng vẻ đẹp mà thôi. Những

giáo-sư, những ông Hàn-Lâm Mỹ-Thuật, những họa - sỹ tôn - cổ còn suy luận ra nhiều điều tiết khác, tỉ như muốn đẹp phải giống và muốn giống phải căn cứ vào người mẫu (le modèle) từng thớ thịt, từng dáng điệu, cử - chỉ của người đó. Thậm-chí Lebrun, Tổng - tài Viện Hàn-Lâm, đã viết cả một cuốn sách dạy vẽ từng vẻ buồn vui (Traité de l'expression); thân phải cong thế nào, bàn tay phải mở, đùi gối phải gấp ra sao ở mọi trường - hợp.... Đại-khái các phép tắc như thế, dạy nghệ-thuật thì ít, dạy thủ công và tiểu-xảo thì nhiều. (1)

(1) Tề vương Colbert thời Lô-Y XIV còn ra lệnh: mỗi khi các ông Hàn họp nhau để bàn cải về nghệ-thuật, thì phải lập biên - bản ghi những điều quyết-nghị đề rồi còn đứng mà giảng dạy cho học-sinh hội-họa tuân hành (La Critique d'Art - của André Richard).

THỬ TÌM HIỂU HỘI HỌA

Delacroix tuy cũng hiểu cổ, nhất định không nệ cổ. Theo ông, nghệ-thuật không phải là một số thể-lệ hay kinh-nghiệm do các trường các phái truyền lại, cũng không phải chỉ ý vào tạo-vật mà có thể phát sinh, sáng tác. Thực-tế tâm-thường và những chi-tiết sát thực, không cần-thiết: quan-trọng hơn cả là cảm-hứng cá-nhân, là chí tưởng-tượng với khả-năng thoát ly khỏi các « mẫu » mà tung hoành, không gò ép đề-tài vào trong khuôn-khổ chật hẹp, song liệu bề khoáng đại để kéo dài cảm giác cho rung động lâu hơn, bằng tất cả mọi cách « d'amplifier, s'il se peut, de prolonger la sensation et par tous les moyens ». Cách đó, có thể là một vài nét chính, khỏi cần những chi-tiết, chi tiết cho chìm vào bóng để làm nổi bật phần trọng-yếu; có thể là những đường lệch-lạc không giống (déformations) nhưng biểu lộ rõ hơn đáng vẽ: nói một cách khác, không hề chi phải bắt chước những nét tinh-vi tề-nhị của Ingres, cứ cho nét mơ hồ hay chạy mạnh mới sống động hơn, và sống động hay không, còn tùy phần lớn ở màu sắc chứ không ở nét vẽ rõ ràng, và màu sắc phải lộng ánh mới rung cảm, không xăm đậm nghiêm khắc như ở tranh Cồ-Điền.

Thành-trì Cồ-điền sừng sững bốn thế-kỷ, chưa bao giờ bị tấn công mạnh mẽ như vậy; và tuy được vài giới bảo-thủ nâng đỡ, cũng không đứng vững, nhất là sau David và

Ingres, chẳng còn họa-sỹ đại-tài nào chống giữ.

Hội-họa được giải phóng về hướng nhiều triển-vọng, các họa-sỹ đua nhau tìm đường mới, họa-phái mọc ra liên-tiếp trong khoảng một thế-kỷ nay, nhiều đến nỗi chẳng mấy ai thuộc hết được những nhóm những đoàn mang danh-hiệu tận cùng bằng « isme » (impressionnisme, fauvisme, expressionnisme, cubisme, orphisme, futurisme, rayonnisme, surréalisme, suprématisme, v.v)... (1).

Muốn có ý-niệm vừa bao-quát vừa cụ-thể, thiết nghĩ chỉ nên xét về những họa-phái nào đã nổi danh với những tác-phẩm mà giá-trị đã được thừa nhận chắc chắn để xứng đáng cho đời sau chú ý. (2)

* *

(1) Hiện nay rất khó phân biệt môn-phái, vì số họa-sỹ quá nhiều mà phần đông lại vẽ theo ý riêng. Theo một cuộc điều-tra mới đây, số họa-sỹ chuyên-nghiep ở Ba-Lê, từ 1940 đến 1961, tăng từ 1800 lên 5000, không kể 45.000 họa-sỹ chủ-nghệ vẽ chơi: — tất cả ở Pháp, hơn 100.000 vị. Ở phòng Triển-Lãm tự-do Salon des Indépendants, không thể nào xếp theo môn-phái, xu-hướng, hơn 4.000 vị trưng bày, tuy số kiệt-tác xem chừng không nhiều.

(Theo điều tra của G. Guez, báo Arts tuần 5-11/4-1961; và của R. Charmet, báo Arts tuần 19-26/4-1961).

(2) Nhân khi xét về đề-tài họa-phẩm, về các sự biến đổi nét màu, về các yếu-tố thể hiện, về Lập-thể... cũng đã nói qua đến thái-độ, sáng-kiến hoặc kết-quả của nhiều họa-phái ở mỗi phạm-vi (B.K. số 101 - 102 - 103 - 104 - 105)

Phái Ấn - Tượng, Impressionnisme

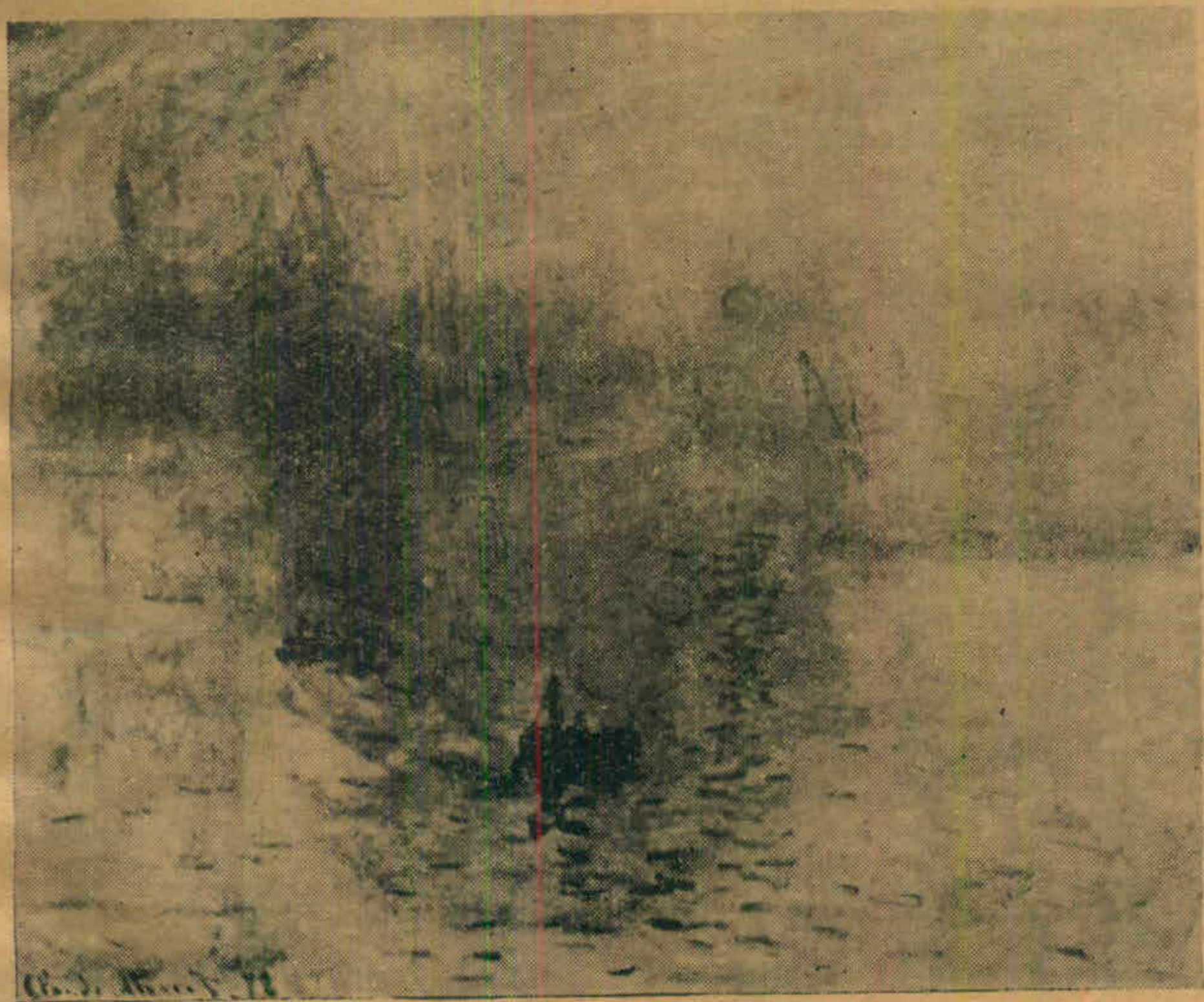
Năm 1874, Claude Monet trưng bày một bức tranh với ánh sáng huyền ảo bao trùm các hình thể. Nhìn kỹ, thấy một vầng da-cam qua làn sương mờ, dội sáng xuống khoảng xanh-lá-cây pha tím mang những vệt xanh-lơ : thì ra mặt trời mọc, sóng nước và thuyền chài. Một cảnh mơ màng, màu sắc chập chờn gợi một hồn thơ vi vút trong tạo-vật u minh. Bức họa mang đề : « Cảm - giác, rạng đông *Impression, Soleil levant* » (1),

Công-chúng hoang mang, các nhà phê-bình và họa-sỹ bảo-thủ sùng sốt vì thấy trái hẳn với các lễ lỗi thể-hiện Cổ-Điển : không rõ bờ-cực, không cân xứng hòa hợp, đấu để vớ vẩn, vẽ chi sao lại vẽ « cảm-giác, *impression* » ? thời thì gọi quách nhóm lập-dị này là Impressionnisme.

(1) Xin coi :

l' Impressionnisme của Jean Leymarie (Skira) —

l' Impressionnisme của Jacques de Laprade (Aimery — Somogy)



Cảm-giác, rạng đông *Impression, soleil levant* 1872 của Monet.

THỬ TÌM HIỆU HỘI HỌA

Tiếng chế nhạo đó, thế là thành tên muôn thuở của Monet và các bạn ông



*Đọc thư trước đèn của họa-sỹ
Nhật-Bản Utamaro*



*Bến Ohoshi trong cơn mưa rào,
của họa-sỹ Nhật Hiroshige Ando. Khó
thấy Ấn-tượng giống ở chỗ nào.*

như Pissaro, Bazille, Degas, Sisley, Renoir, Guillaumin, và cả Manet, một số người thường nọp nhau để vẽ theo lối trên đã vài năm rồi mà chẳng lập môn-phái công khai hoặc chủ trương lý-thuyết gì hết. Họ tìm ra đường mới và tiếp tục noi theo, mặc dầu dư-luận nghiêm khắc. Nhưng rồi sau công-chúng cũng quen dần và ưa chuộng, các nhà phê-bình thì nhau tán thưởng; trong khoảng 10 năm liền, những cuộc triển lãm Ấn-Tượng được hoan nghênh, mỗi họa sỹ trong nhóm đều lần lượt nổi danh, ảnh-hưởng của họ ở cuối thế.kỷ XIX và đầu thế.kỷ

XX, đã lan tràn mạnh mẽ ra cả nước ngoài (1).

(1) Theo một số nhà nghiên-cứu phê-bình, thì nhóm Ấn-tượng đã chịu ảnh-hưởng của tranh Nhật-Bản (Estampes Japonaises). Sự thực, tranh Nhật bắt đầu bán sang Âu-Châu từ cuối thế-kỷ trước, và Monet cùng các bạn ông ưa thích, mỗi người vì một lý-do riêng. Tỉ như Monet chú ý đến cách phác họa đề diễn tả cảm xúc về toàn thể và bỏ qua chi tiết « la sommaire suppression du détail au profit de l'impression d'ensemble ». Song tôi nghĩ đó chỉ là một dịp cho các nhà phê-bình tán tụng theo thói thường. Tranh Nhật và tranh Ấn-tượng ít điểm giống nhau. Tranh Ấn-Tượng có nhiều bức giống của vài họa-sỹ Anh như Constable (1776-1837) Turner (1775-1851) và của họa-sỹ Hòa-Lan Jongkind (1819-1891) mà Monet cùng các bạn có biết và có mến.

Ở Huê-kỳ, cũng có một số họa-sỹ vẽ theo lối Ấn-Tượng: Whistler (1834-1903), Winslow Homer (1836-1910) Mary Cassatt (1845-1923).



Vịnh biển Weymouth La baie de Weymouth 1819 của John Constable, một cảnh nước mây, ánh sáng và « không khí » mà Monet rất phục.

Không kể những đặc-sắc của mỗi người, và nếu chỉ chú ý đến những tính-cách chung, thì Ấn-Tượng khác các họa-phái ở những điểm sau về phương-diện kỹ-thuật.

Họ không soi mói tỉ mỉ những chi-tiết cảnh vật rồi suy nghĩ lâu để cân-cù xếp đặt theo một chủ-ý rõ-rệt như các họa-sỹ Cổ-Điển. Ở cánh đồng, bờ biển, góc rừng, trong vườn,... họ nhìn bao quát và mở rộng tâm - thần đón tiếp cảm-giác đầu tiên chột đèn (impression première) rồi buông tay phóng bút theo rung động hồn-nhiên. Có vị phê-bình cho là họ chịu ảnh-hưởng của nhà họa cảnh trứ - danh Corot, một người vẫn hằng khuyên chú trọng đến toàn-thể và phó mặc cho cảm-xúc phút đầu lôi cuốn, có

chân - thành như vậy mới hấp dẫn được kẻ khác. (1).

Cho nên họ đã từ bỏ lối cũ. Một bức tranh Cổ-Điển thường qua ba bốn năm giai-đoạn : quan sát ghi nhận tài-liệu trước cảnh vật (observation) vẽ xương vẽ phác họa khởi-thủy (esquisse), phác họa sơ-lược (pochade) phác họa chỉnh-đồn (études vài bận) rồi mới vẽ hẳn. Trái lại, Monet và các bạn vác đồ ra làm việc ngay ở bãi cỏ, bờ sông, sườn núi (pleinairisme, travail sur le motif). Họ dám vẽ ngay cả người đứng giữa cảnh chớ không

(1) «Toujours la masse, l'ensemble, ce qui nous a « frappés. Ne jamais perdre la première impression « qui nous a émus... Soumettez-vous à l'impression « première: Si nous avons été réellement touchés, la « sincérité de notre émotion passera chez les autres» Corot. Bởi vậy, ở bài đầu, B.K. số 101, tôi đã thử dùng chữ Trực-Cảm để dịch Impressionnisme.

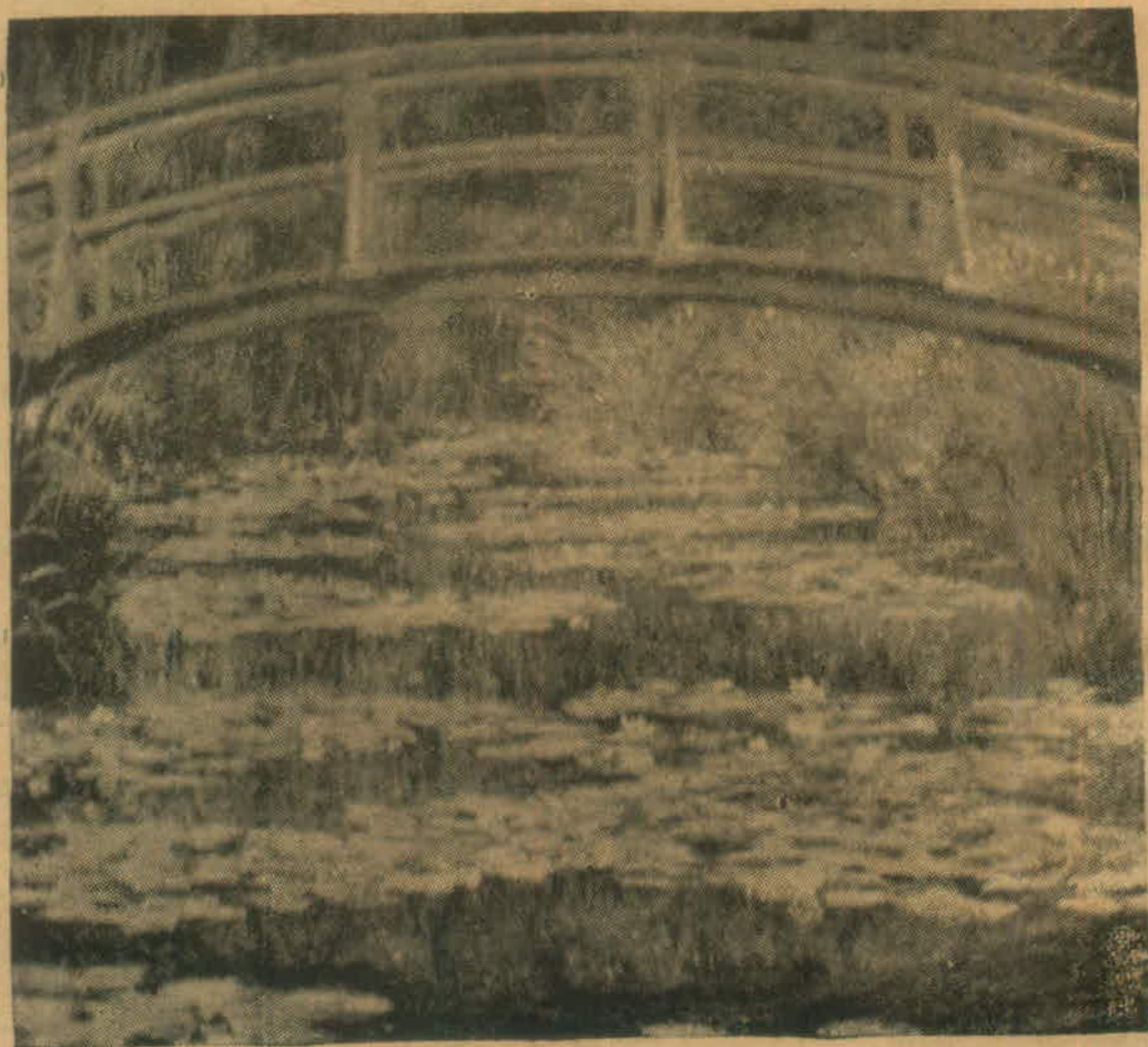
THỨ TÌM HIỂU HỘI HỌA

ngắm người kiểu mẫu ở xưởng rồi mới họa lên tranh, một sự vô-cùng táo bạo đối với phái bảo-thủ. Vì họ chú trọng trước hết và hơn hết ở bất-cứ vật hay người, đến ánh mặt trời tỏa chiều.

Nhật-quang ảo-diệu và không-khí mà ánh sáng tràn ngập, biến đổi không những góc cạnh gần xa, mà cả màu sắc đậm nhạt tùy ngày tùy lúc. Nhận xét đó đưa tới hai kết-quả : con mắt khó lòng bắt được toàn-diện thực-thể nhất là bản-sắc vĩnh-viễn (*ton local de l'objet*) mà họa sỹ Cổ-Điển gán cho mỗi vật, vì bản-sắc đó cũng khác đi theo sự phản chiếu ánh trời và bóng

ráng chung quanh từng giờ từng phút; — ngoài ra, đường nét ở cây cỏ núi mây thường ẩn hiện tùy khí trời nặng nhẹ mờ tỏ, chớ không thể vẽ tinh-tề ở mọi trường-hợp : không-khí bao bọc cảnh vật (*l'atmosphère*) là yếu-tố quan trọng hơn chiều sâu (*la profondeur*) theo ý-thức viễn-họa Cổ-Điển. Cho nên họa-sỹ phải ngắm phải rình mà bắt chợt cảm-giác cùng «họa-hứng» trong giây lát nào đó, ở thiên-nhiên biến dịch không ngừng (*saisir l'instant*).

Trên bức tranh Cổ-Điển, cách khoảng tối đến khoảng sáng, hết bóng đến ánh, họa-sỹ chuyển sắc-độ mà



Ao sen Le Bassin aux Nymphéas 1899 của Monet.



*Phụ-nữ thôn quê đẩy xe một bánh Paysanne poussant
une brouette 1884 của Issaro.*

vẽ (1). Song nhóm Ấn-Tượng nghiệm rằng không có bóng đen, vì bóng thường bị rắng sắc các vật lân-cận chiếu vào; và để thể hiện ánh sáng, trắng bạch không nổi rõ bằng những nguyên-sắc khéo pha chọn. Vì thế, họ thay đen-trắng và cả xám-nâu bằng những màu chính dung-hòa, hơn nữa, biết lợi dụng sự giao-ứng của những màu bổ-túc cho rực quang-độ, và đưa

bút thành những vệt nhỏ «châm phá» khiến ánh sắc chuyển động luug linh ở cảnh thiên-nhiên hoặc đô-hội.

Họ hay tả những nơi sinh-hoạt sầm uất ở thành-thị: đấu-xảo quốc-tê, du-hí ở bên sông, rạp hát, nhà ga xe lửa v.v... (2) Chịu phần nào ảnh-

(2) Vue de l'Exposition Universelle 1867 của Manet

La Grenouillère 1869 của Renoir

Café-Concert des Ambassadeurs 1876 của Degas

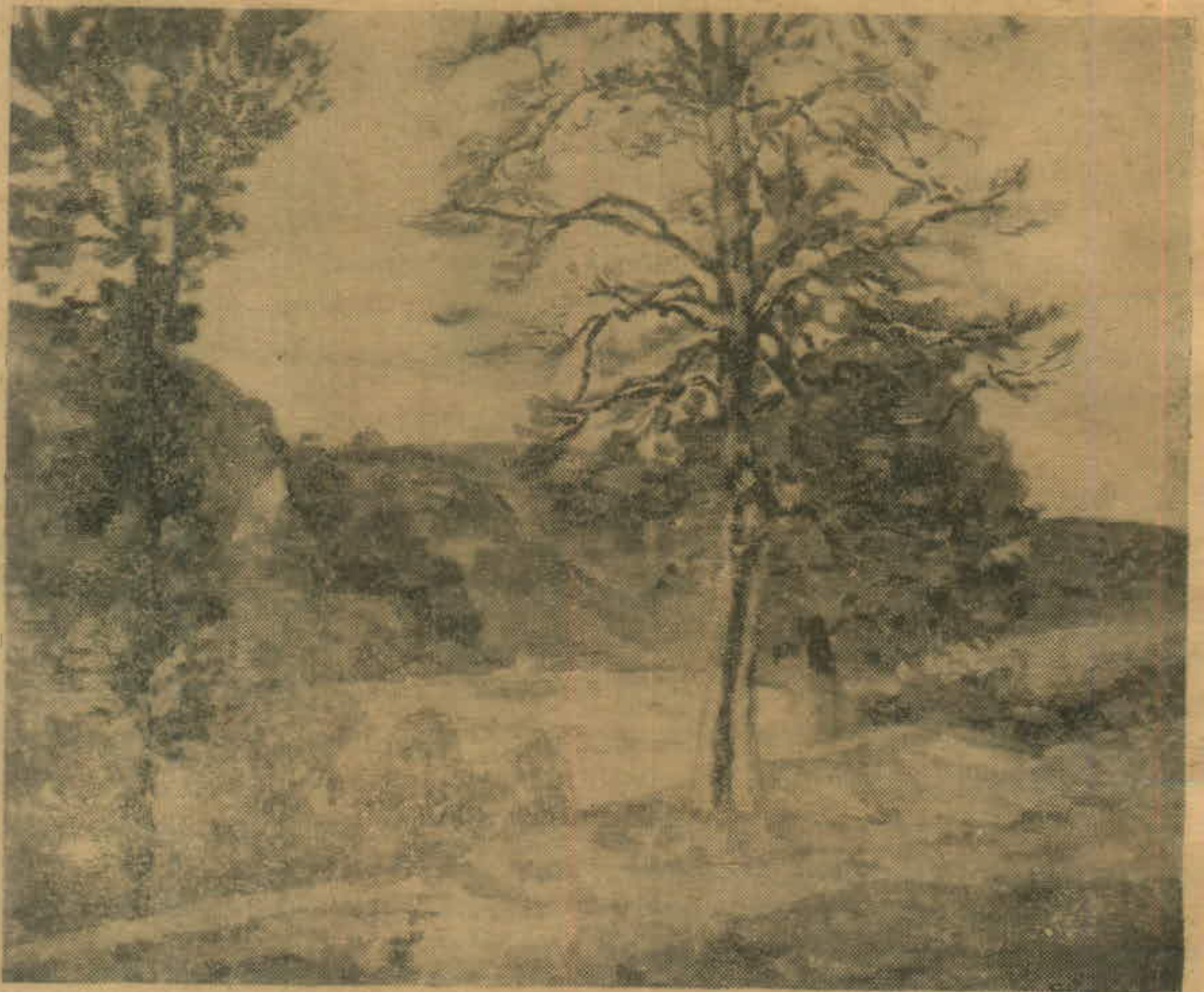
Gare de Saint-Lazare 1877 của Monet...

(1) Xin coi B.K. số 105.

Về những chi-tiết khác thuộc Ấn-Tượng, xin coi lại B K. từ số 101.



Một Phong-cảnh « Paysage » của Theodore Rousseau. Ảnh Bưu-thiếp (carte postale) chắc cũng không hơn.



Một phong-cảnh « Paysage » của họa-sĩ Ấn-Tượng Guillaumin. Dù sao cũng dễ tra hơn của T. Rousseau.



*Cô nhỏ thắt băng hồng
Mademoiselle Grimpel au ruban
rose 1820 của Renoir, một em
bé toàn bằng ánh sáng*

*Jeunes filles dans un pré 1895
của Renoir Thiếu-nữ bên đồng.*



THỨ TÌM HIỂU HỘI HỌA

hường của thi-sĩ Baudelaire, một người cũng phê bình hội-họa, họ muốn hòa mình vào cuộc sống của thời-đại để theo xu-hướng nhật-tân « modernité », không hề vẽ những chiến-sĩ La-Mã hay tiên-kiều Hy-Lạp như David hoặc Ingres nữa. Tại sao bắt chước Hy-La như Delacroix đã nói, khi thánh thần và anh-hùng của họ chẳng phải là anh-hùng và thần thánh của ta? (pourquoi les copier? non, car leurs dieux et leurs héros ne sont pas les nôtres... *Delacroix, Journal*).

Nhưng cỏ, cây, đồng, núi, mây, nước là những vật phản chiếu nhiều nhất ánh sáng, mới thu hút mạnh nhỡn-quan của họ, để hiện ra tranh với những màu sắc vui tươi mà Cổ-Điển khinh thường, song lại hợp với các thể-hệ mới khát khao sinh-khí. Vì đa-số không ưa xăm đậm nghiêm-trang nữa, muốn thấy nhẹ nhàng, mát mẻ, trong sáng với bóng dáng thơ mộng: những vẽ đẹp đó phảng phất ở rừng thu lá rụng và tuyết bạc óng xanh của Sisley, bên sông buổi sớm của Pissaro, cô nàng đọc sách giữa cỏ bồng hoa, những bông sen rung trắng vàng trên ao sóng biếc của Monet (1).

So sánh với tranh của các họa-phái khác, tranh Ấn-Tượng truyền cảm trực-tiếp nên dễ được ưa thích, đối với những ai mến chuộng thiên-nhiên và chẳng muốn phải bận khoăn tìm

hiểu kỹ-thuật khó khăn. Nhiều cảnh của họa-sỹ thời trước, nét cứng và vẽ trơ như nhà cửa núi cây ở màn phong rạp tuồng (*jardin des Oliviers*, của Mantegna), hoặc rõ rệt tỉ mỉ quá, khác nào ảnh bru-thiếp hiện nay (tranh của Theodore Rousseau), hoặc giả-tạo tưởng tượng ra để làm nơi cho thần tiên hay nhân-vật lịch-sử xuất hiện với những điệu bộ sáo nhảm (nhiều tranh trước thế-kỷ XIX). Cho nên, nếu không có mặc-cảm e ngại lỗi-thời, và thành-thực với chính mình để hưởng những thú vui êm dịu ru mơ, thì hiện nay tôi vẫn không từ chối nếu ai đem cho mây nước Sisley hay hoa cỏ Renoir (2).

Ngắm họa-phẩm Ấn-Tượng, tôi có cảm-tưởng đọc bài thơ tình ý nhẹ nhàng, lời đẹp, chữ sáng và điệu du-dương, không bắt vào đầu suy nghĩ. Tính-cách giao cảm dễ dàng đó, về sau lại bị coi như sự nông cạn của họa-phái này, sự thiếu kém sâu sắc trong kỹ-thuật, theo vài nhà họa-sỹ hiểu-ký và nhà phê-bình khác-khổ: nhưng may sao, tôi chỉ là một kẻ xem tranh.

D. T.

KỶ TÔI: Các họa-phái thế-hiện khác.

(1) *Le Loing à Moiret, Neiges à Louveciennes* 1874, của Sisley.

Le matin, Rouen, Les quais 1896 của Pissaro
Liseuse 1876 và *Nymphéas* 1907 của Monet...

(2) Căn cứ vào các đặc-tính của họa-phái này, như vừa trình-bày, tôi thấy chữ *Impressionnisme* mà dịch là *Ấn-Tượng*, thì không được đúng. Có lẽ ta đã vội theo Tàu, mà dịch - giả Tàu chắc không thông hiểu tiếng Pháp cho lắm, nên đã ngỡ rằng *Impression* là sự in, sự ấn-loát, *ấn*: in. Nhưng *Impression* ở đây là « *Impression première* » phỏng theo Corot, là cảm-giác. Dù sao, chữ « *Ấn-Tượng* » cũng không gọi được ra đặc-diểm của họa-phái, nên tôi mong rằng các vị họa-sỹ Việt-Nam sẽ tìm ra chữ khác.

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bèch Đằng

SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BẢO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHÔM

Được khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

HỒNG - KÔNG



NGÀY 26 tháng giêng năm 1841 khi đại-úy hải-quân Charles Elliot chiếm lấy Hồng-Kông và buộc triều đình Trung-Hoa phải nhượng đảo này cho Anh-Quốc, thì các bạn hữu ông ta các nhà doanh thương và ngay cả đến Hoàng - Triều Anh-Cát-Lợi đều chế giễu ông ta là điên rồ nên mới đem quân chiếm một hòn đảo lỏm chỏm núi đá và thừa thớt mấy xóm dân sống về nghề chài lưới. Sau đó ông ta bị bãi chức vì bất lực. Elliot không được

sống để thấy mình trông xa và đúng. Cũng những hòn núi đá tiêu-sơ đó ngày nay nuôi trên 3 triệu dân, nhập cảng gần 6 tỷ H.K. dollars (1), xuất cảng gần 4 tỷ mỗi năm và riêng năm 1960 đã tiếp đón 163.500 du khách.

Khi tôi chưa đi Hồng-Kông có một anh bạn đã bảo tôi: « Cũng đại loại như Chợ-Lớn, to hơn và nhiều hàng hơn có thể thôi ».

(1) Mỗi H.K. dollar vào khoảng 14đ. V.N.

Đến khi biết Hồng-Kông rồi, tôi thấy anh bạn đã xét một cách vô đoán. Không những vị trí, phong cảnh khác nhau, mà cả đến dân cư, nếp sinh hoạt cũng khác nhau. Giống nhau họa chăng chỉ có tiếng lách-cách quen thuộc của những bàn tính.

Tôi ở Hồng-Kông không lâu lại thêm mấy ngày mưa nên quan sát chắc chắn vội vàng. Tuy nhiên tôi có cảm tưởng Hồng-Kông là một cuộc tổng hợp giữa tinh thần compromis của người Anh và tính « bất kỳ quân » của người Trung-Hoa.

Người Tàu gần người Anh đã bỏ dần những thói quen đã bao lâu nay dính liền với người Tàu đến nỗi người ta không thể quan niệm người Tàu mà lại không có thói quen kia. Thí dụ như việc vén bụng lên. Cả thời gian tôi ở Hồng-Kông tôi không được ngắm một dấu hiệu phốp pháp nào phô bày những hình thù tròn trĩnh với khách đi đường. Một thí dụ nữa như chuyện khạc nhổ. Ở bên đô, ở những đường lớn không còn thấy ai tĩa nước miếng và những biển cảnh cáo phạt tới 500 H. K. dollars nhưng ai vi phạm đã làm cho nhiều vị rụt rè. Tuy nhiên nếu bạn đi vào các ngõ hẻm, thì những biển kia đã mất hiệu lực đi rồi. Nhưng nói chung thì thói khạc nhổ đã mất dần ưu thế.

Bỏ được những thói quen cũ người Trung-Hoa cũng lại tập được những thói quen mới. Thí dụ như việc không vứt rác ra đường. Vé tàu xe, bao đựng thuốc lá dùng hết đều được ném vào những thùng riêng. Một thí dụ nữa như việc xếp hàng trật tự khi lên xe bus, xe điện, khi lấy vé chớp bóng. Họ nhẫn nại chờ đợi phiên mình không chen lấn — Và

một buổi sáng đi qua đường Carnarvon tôi đã thấy đến gần 20 người xếp hàng chờ mua « lẩu cháo quẩy » — Bánh này rán khá lâu, và xong một mẻ, lại hai ba người nhích lên trả tiền lãnh phần mình, những người khác thân nhiên chờ đến lượt sau. Chắc là « lẩu cháo quẩy » ở đây phải đặc biệt lắm nên họ mới mất công như vậy. Tôi không có dịp nếm thử nhưng xin mách những vị nào có ý định viết về « Món ngon Hồng-Kông ».

Nhưng cũng có những điểm mà ảnh hưởng người Anh gần như không có gì. Trong những nhà building cao 15, 18 tầng lầu, mà vẫn còn những sào phơi quần áo đâm ra tua tủa, và khi người ta dọn đến những căn nhà tối tân trong building người ta vẫn không quên long trọng rước tới cái bàn thờ dán giấy đồ thờ thần tài, đặt bàn thờ vào thang máy rồi đưa lên căn nhà mới đặt ở giữa gian chính. Ai đi qua đường Nathan cũng phải chú ý tới kiến trúc đồ sộ của khách sạn Imperial, nhưng cũng không tránh được ngạc nhiên khi thấy cả mặt trước, cao suốt đến nóc, một bức tranh dài có tới 30 thước đắp bằng granito kể lại một tích trong truyện Tam-Quốc.

Ở giữa khung cảnh đó, người Anh đã tỏ ra mình biết thích ứng với hoàn-cảnh. Họ có mang sang Hồng-Kông những xe điện, xe bus cao hai tầng, những sân quần cỏ mượt như nhung, hay những đồng hồ lớn với những tiếng chuông đồ giống như những tiếng Big Ben ở điện Westminster. Nhưng họ cũng biết nhập gia tùy tục và tập làm quen với những nếp sống của người chung quanh. Đi qua một bót cảnh-sát tôi đã thấy một sĩ-quan Anh dùng

thông-ngôn lấy lời khai của mấy người Trung-Hoa, bên ngoài có một số dân-chúng hiểu kỳ leo hết cả lên bờ tường ngồi nghe và bàn tán mà viên sĩ-quan Anh cứ điềm nhiên như không. Lại một lần khác gặp một người Anh đã từng sống ở Saigon, chúng tôi đứng nói chuyện ở trước một căn nhà, bỗng thấy từ lầu trên có ai vút xuống một lá cờ đỏ buộc ở một đầu dây với cái biển có đề mấy hàng chữ : «Keep away, Washing upstairs» (tránh xa ra, đang rửa lầu trên). Tôi chưa kịp nghĩ phải làm gì, ngừng mắt lên đã thấy hai ông Tàu lực-lượng cầm hai thùng nước đổ ào trên bao lơn, bắn hết cả vào quần áo chúng tôi. Tôi cầu-nhàu vừa phui nước, vừa lấm - bắm, còn người Anh hình như quen với cảnh tượng đó lắm rồi, vẫn không có chuyển một nét nào trên mặt.

Khách đến Hồng-Kông muốn có một « cuốn sách chỉ-dẫn » không có khó-khăn gì. Tại phi trường, các khách-sạn, các tiệm buôn lớn nhỏ nào cũng để sẵn, biểu không khách du-lich. Có cả một tờ báo hàng ngày phát không, tờ Hong - Kong Tourist Journal. Hồng - Kông sống về khách du-lich, nên sự săn-sóc đó là chuyện dĩ-nhiên. Tuy vậy không phải tất cả các điều nói trong «sách chỉ dẫn» đều đầy đủ—Khách vẫn có thể và vẫn nên có những khám phá riêng của mình. Riêng phần tôi vì quá tin ở sách nên đã gặp một chuyện khá bất ngờ. Sách dạy tôi rằng các cảnh-sát-viên nào đeo sổ hiệu trên nền màu đỏ là có biết Anh ngữ, còn những người khác mang sổ nền đen. Tôi đã theo sách tìm một vị sổ nền đỏ để hỏi đường và không biết Anh ngữ tôi kém hay vì sách nói sai, người cảnh-binh đó không

hiểu tôi nói gì hết. Sau cùng không rõ người ấy đã nhận ra một nét gì trên mặt tôi nên đã hỏi tôi bằng tiếng Việt :

« Ông ở Saigon sang ? »

Tôi đáp lại « Vâng » bằng tiếng mẹ đẻ mà tưởng như mình nói tiếng ngoại quốc.

Ông cảnh binh lại tiếp theo, vẫn bằng một thứ tiếng Việt trong trẻo, không có chút lơ lớ nào trong giọng nói :

« Ngày trước ba má tôi buôn bán ở Tourane hơn mười năm ».

Nghe ông ta nói, tôi đã quên hẳn mình đang ở Hồng-Kông.

Du khách vừa tới Hồng-Kông thấy ngay 2 vấn-đề khó khăn mà hải cảng này đã phải giải quyết, trước hết là vấn - đề nước uống, sau đó là vấn-đề nhà ở.

Giở quyển « Hồng-Kông 1960 » ra coi người ta thấy ngay chương I viết về vấn-đề nước uống của Hồng-Kông rồi các chương sau mới bàn đến dân số, địa dư, thương mại kỹ nghệ, giáo dục xã-hội. Kể ra vấn-đề nước uống đáng đặt lên hàng đầu thật. Hồng - Kông chung quanh toàn nước mặn không có một sông ngòi, hồ ao nào có một số nước ngọt đáng kể, thế mà phải cung cấp nước uống cho trên 3 triệu người.

Hồng-Kông đã phải lợi dụng các thung lũng để lập những hồ chứa nước mưa. Hiện nay Hồng-Kông có 14 hồ sức chứa trên 10 triệu gallons nước (một gallon : 4 lít 5). Tuy vậy du khách vừa mới đặt va li của mình trong phòng khách sạn,

vào buồng tắm với ý định vắn nước rửa mặt cho tỉnh táo, không nên lấy làm ngạc nhiên nếu thấy nước không chảy. Nhìn lên tấm gương trước mặt sẽ thấy một miếng giấy có ghi những giờ có nước, 5 tiếng đồng hồ buổi sáng và 5 tiếng cho chiều và tối. Chỉ trong mùa mưa khi nào nước hồ chứa đầy ắp, dân Hồng-Kông mới không bị hạn chế nước. Và suốt năm 1960 chỉ có 35 ngày sung sướng như vậy với nước chảy 24 giờ một ngày.

Báo chí Hồng-Kông luôn luôn tin cho dân chúng biết số nước dự trữ trong các hồ là bao nhiêu. Như hôm tôi sang các hồ chỉ còn 4.642 triệu gallons nghĩa là nếu không hứng được nước thêm, thì chỉ còn đủ nước dùng cho 70 ngày nữa với số tiêu thụ mỗi ngày 67 triệu gallons.

Gần đây Hồng-Kông đã ký mua của Trung-Cộng 5.000 triệu gallons nước mỗi năm nhưng có lẽ sợ sự tráo trở hay sự bất chệt của Cộng-Sản, Hồng-Kông vẫn lo tự túc nước uống bằng những phương tiện riêng của mình. Có hai dự án đang được các báo chí nhắc đến rất nhiều. Một là dự án đập đập ngang một eo biển, bơm hết nước mặn ra, để làm một hồ chứa nước ngọt vĩ đại, hai là dự án dùng nguyên tử lực lọc nước mặn (không bao giờ lo thiếu) để biến thành nước ngọt.

Vấn-đề nước khó khăn thế nào thì vấn-đề nhà ở cũng gay go chừng nấy. Chỗ nào cũng thấy xây cất. Nếu ở Hồng-Kông bạn có một ngôi nhà chệt với mảnh vườn xinh xắn chung quanh, chắc chắn bạn sẽ bị người ta ngắm nhia như một kẻ theo tà giáo. Vì cái luật ở đây là không có đất phỉ, là phải xây cao lên cho đủ chỗ. Người ta đã chỉ cho tôi những

căn nhà 4, 5 tầng được mua lại với giá rất đắt chỉ để phá trụ đi lấy mảnh đất không để cất building 15, 20 tầng. Tính ra trên đất đó mỗi square foot (tính ra thước vuông là 0,09) trị giá khoảng 900 Hồng-Kông dollar. Thế mà cất building lên chỉ ba năm sau, chủ nhà đã thu lại được vốn bỏ ra.

Chánh-Phủ và các hội tư nhân cũng cất rất nhiều nhà rẻ tiền nhưng ở Hồng-Kông hiện nay ngoài 120.000 người sống lênh đênh trên 24.000 chiếc thuyền vẫn còn nửa triệu người ở trong những nhà hang chuột và tôi đã từng thấy những người ở cheo leo bên sườn núi, trong những lều, mái và tường bằng cây, bằng bao gai hay bao giấy, phải đi xuống chân núi mới bưng lên được một thau nước ngọt. Người ta còn kể cho tôi nghe có 80.000 người nữa sống trên các nóc building, tiếng Anh kêu là roof squatters (nghĩa đen : những người ngồi xồm trên mái) nhưng tôi không có dịp đến thăm những chỗ này.

Tình trạng nhà ở khó khăn như vậy mà mỗi năm Hồng-Kông còn đón trên 110.000 đứa trẻ chào đời. Lại còn phải tiếp một số khó lòng biết rõ được những người Trung-Hoa lục địa liêu chết để trốn khỏi cái thiên đường cộng-sản chỉ có làm mà không có ăn, để sang cái đất tư bản này tuy chỉ đáng gọi là « địa ngục » trong biện chứng duy vật nhưng còn nhiều hy vọng gặp người đồng hương cho ăn trong khi chờ kiếm được việc làm.

Muốn giải quyết tình trạng nhà ở chỉ còn có cách làm nhà nhiều hơn, làm nhà cao hơn và trong cuộc thi đua theo chiều cao này chỉ có sở cứu hỏa là lẹt-đẹt

theo không nổi. Đã có đám cháy, xe cứu hỏa chạy tới thấy nhà thì quá cao mà thang cứu lửa lại quá thấp.

Hồng-Kông vẫn giữ lại 866 cái xe kéo, một thứ xe kéo cao lênh.khênh, bánh gỗ có nẹp cao-su, khách ngồi không thấy một chút nào thoải mái — Số xe này không có cần thiết gì trong sự lưu thông chuyển vận của hải cảng. Một số người đứng về mặt nhân-phẩm lại đã kích kịch liệt lối chuyên chở không tôn trọng tư cách con người, nhưng nhà chức trách Hồng-Kông vẫn giữ lại xe kéo vì nó còn là một cảm dỗ với du khách. Khách từ những xứ chưa biết xe kéo đến Hồng - Kông khó lòng cưỡng lại với sự thèm muốn nhảy lên xe đi thử. Vài ông lính thủy Anh, Mỹ đi xe kéo chán rồi lại mời người phu xe ngồi lên cho mình kéo để cho bạn chụp ảnh gửi về cho gia đình hay ý trung nhân. Khách từ những xứ đã biết xe kéo như Nhật-Bản, Thái-Lan, Việt-Nam, tới Hồng-Kông nhìn thấy xe kéo cũng bỗng trạnh lòng hoài cổ nhảy lên xe để gọi lại trong ký ức một hình ảnh tuy mình chẳng thiết tha nhưng cũng là một hình ảnh đã mất.

Người ta đã nói nhiều về « kho hàng » Hồng-Kông. Riêng năm 1960 cái kho đó đã chứa trên 6 triệu tấn hàng nhập cảng không kể những sản - phẩm của 5.600 xí-nghiệp kỹ - nghệ hoạt động trên đất thương cảng.

Hàng nhập cảng (trừ rượu, thuốc lá, nước suối, một vài mỹ phẩm) đều không phải chịu một món thuế nào và nhiều hàng mua ở Hồng-Kông còn rẻ hơn ở chính nước sản-xuất vì ngay ở các nước này hàng bán ra còn phải chịu thuế. Khách

tới Hồng-Kông nhìn giá hàng, mua lấy mua để như người được cửa, ôm về khách sạn, bày ra ngắm nghía, xem lại túi tiền rồi tự hỏi mình mua những thứ này để làm gì ? Và trong 3.400 phòng khách sạn của Hồng-Kông không mấy phòng là không thấy vương vãi những giấy gói đồ, những giấy tính tiền với những con số nhân nhân, cộng cộng. Nhìn qua vào những mảnh giấy này chỉ xem số nhân và số bị nhân là có thể biết ngay khách ở nước nào tới. Nếu thấy số tiền Hồng Kông được nhân lên với số 65 thì biết ngay khách là người Nhật đang tính xem mình tiêu hết bao nhiêu Yên, và khách người Việt-Nam thì nhân lên với 14, 15.

Tính tiền xong lại tiếc rằng mình đã tiêu quá lỗ, nhưng sáng hôm sau chưa đến giờ các tiệm mở cửa, khách từ Cửu-Long đã lại đi đò máy sang Hồng-Kông, khách từ Hồng - Kông lại đi đò máy sang Cửu - Long, rồi lại dán mũi vào cửa kính lại chọn, lại mà cả, lại mua.

Số người, xe, qua lại hai bờ lên đến một con số kinh khủng, riêng năm 1960 đã có 138 triệu người và 1, 7 triệu cái xe qua đò máy.

Ngoài việc đi xem hàng, nếu bạn có thì giờ bạn có thể đi một vòng ở vùng Tân - Giới ngắm cảnh thôn dã cùng đời sống nông dân hay viếng vài ngôi chùa. Bên Hồng - Kông bạn có thể tới Vườn Cù Là Con Hồ do ông Vua Cù Là xây cất nên. Vườn có tháp cao 9 tầng, có đủ các con giống đắp to hơn thực, có những động, đền đài với

những bữa kể lại chuyện Bát Tiên Quả Hải hay những tích trong truyện Tây Du, có tử mi, có công phu mà sao khách vẫn thấy nông cạn một cách khó tả.

Buổi tối, bạn có thể đi Aberdeen cũng như khách ở Saigon đi ra mấy quán ăn bên sông Khánh-Hội hay bên cầu Bình-Lợi — Vừa tới bến đã có những cô lái đò lôi kéo khách xuống thuyền để chở sang một trong hai tiệm ăn nổi. Đáng lý ra thì khách chọn trước lấy những con cá, cua, tôm, bào ngư đang được sống trong những cái sào lớn dầm dưới nước biển rồi đầu bếp sẽ bắt những con nào khách đã chọn ra làm món ăn.

Nhưng thường thường khách không cầu kỳ như vậy, ngồi vào bàn ăn, ăn no đã, khi ra về mới tạt qua xem cá, xem tôm. Ông chủ tiệm sẽ đưa tặng khách một đôi đĩa có khắc tên tiệm ăn và chỉ lên tường cho khách xem những ảnh các tài tử chiếu bóng đã tới tiệm ông như Elisabeth Taylor, Clark Gable, Audie Murphy vân vân..., làm như đã cho khách cái hân hạnh bước vào một nơi lịch sử.

Hồng-Kông còn một thứ nữa đáng coi là đi Peak Tram, một thứ xe điện đang sơn lên đỉnh Victoria cao 540 thước — Xe leo sườn núi dốc ngược, có chỗ nghiêng đến 45 độ, nhìn xuống thấy toàn khu Hồng-Kông chênh-chếch như trong đôi mắt của một anh say rượu. Khách ngồi chơi vơi giữa núi trời mà thấy đời sống mình treo mong manh trên sợi dây cable đang lôi xe lên đỉnh núi. Dây đó mà đứt, cả đoàn xe hai toa kia mà lao xuống, chắc cái cảm giác phải mãnh liệt lắm. Nhất là khi xe đỗ, nó dừng lại mà không chịu

đứng nguyên, nó rung rinh, lao đao, tụt xuống hai, ba mươi phân rồi mới chịu dừng hẳn làm cho khách chưa quen bỗng thấy ngực mình đập mạnh. Lúc đi xuống thấy dễ chịu hơn. Nhưng chuyến tôi đi một cảnh khác đã giúp cho tôi những phút sống mạnh khác. Bữa đó, ông tài xế, không biết nghĩ sao đã vừa cầm lái vừa quay ra đánh lú với ông bán vé và một hành khách. Ông tài móc vào túi lấy một nắm các rồi giơ tay ra. Ông bán vé và ông hành khách đặt cửa mỗi ông hai hào rồi một ông kêu : « xập xây » (mười bốn) một ông kêu : « xập pát » (mười tám). Ông tài mở bàn tay nắm ra, đếm thấy có mười lăm các, kêu to lên « xập ửng » rồi quờ tay lấy bốn hào đặt cửa, bỏ vào túi miệng cười ha hả quên hẳn rằng trên xe của ông còn mấy chục người ham sống.

Có bạn hỏi tôi Trung-Cộng hoạt động những gì ở Hồng - Kông. Tôi tưởng có thể trả lời rằng ngoài việc trao đổi một số hàng hóa, Trung - Cộng không thể không lợi dụng sự có mặt của một số đông du khách tại Hồng - Kông để tuyên truyền cho chế độ của họ. Tôi có được thấy trưng bày tại một cửa hàng những ảnh về cuộc tranh giải quán quân thể giới về bóng bàn (mà một số nước không dự vì tổ chức tại Bắc-Kinh) cùng những hình các đấu thủ Trung - Cộng đã thắng giải.

Nhưng tất cả những cố gắng tuyên truyền của Trung-Cộng đều bị những sự thật phũ phàng khác nói ngược lại một cách thấm thía. Xin nhắc lại dưới đây những tin tức đăng trên các báo hàng ngày tại Hồng-Kông trong những ngày tôi ở đó.

Tờ Seng Weng Evening News ra ngày 15 tháng 4 năm 1961 có đăng tin dân chúng biểu tình cướp đốt kho thóc tại Đông-Giang, lại có in ảnh hàng xâu người bị giải trói sau những bạo động đó.

Tờ Hồng-Kông Tiger Standard ra ngày 16 tháng 4 đăng tin 4 công nhân hỏa xa Trung-Cộng đã trốn vào toa xe thư, nằm kín dưới những túi thư để trốn sang Hồng-Kông. Cũng tờ báo đó nhắc lại rằng ngày mồng 8 tháng 2 đã có 9 người khác trốn vào toa xe ướp lạnh và khi sang tới Hồng-Kông họ gần chết cứng vì rét.

Hầu hết các báo ra ngày 19 tháng 4 đều đăng tin 44 người khác nữa trốn sang Ma-cau.

Tôi còn được đọc một bài báo khác kể lại việc rút khẩu phần tại Trung-Cộng (từ 185 gam mỗi ngày xuống 123 gam). Khẩu phần đã bị rút mà còn phải xếp hàng, ngày này sang ngày khác, để chờ lĩnh phần mình. Các giáo sư Trường Đại Học Bắc-Kinh hình như muốn để cho sinh viên quên đói đã khuyến khích các sinh viên làm các luận án về thái độ tâm lý của những người đứng xếp hàng chờ lĩnh khẩu phần. Với tất cả nghiêm nghị của những ông thầy có trách

nhiệm về nền Đại-Học, các giáo sư đã khuyến sinh viên chú trọng nghiên cứu tại sao có người xếp hàng mà nóng ruột, tại sao có chen lấn, tại sao có người bỏ ra về, tại sao có người về thì trở lại và có người về lại không trở lại. Không biết tất cả những sự nghiên cứu uyên bác đó có làm dịu quên được nỗi nhớ nhung 62 gam khẩu phần bị cắt rút mỗi ngày không.

Tất cả những việc đó đã làm cho một số người Trung-Hoa ở Hồng-Kông sau một thời gian hâm mộ Trung-Cộng nay đã thấy lòng họ nguội lạnh.

Và đó cũng là một điều đáng cho ta chú ý. Du khách hiếu kỳ trước khi rời Hồng-Kông còn mon men đến gần biên giới Trung-Cộng nhìn sang những pháo đài ẩn hiện dưới sương mù và du khách từ già Hồng-Kông không những mang theo hình ảnh của một thương cảng thịnh vượng do óc tổ chức của người Anh, do trí kinh doanh và tính cần cù của người Trung-Hoa, mà còn mang theo sự mong mỗi một ngày kia không còn thấy một tấm màn dày đặc bao trùm lên khoảng bao la bắt đầu từ phía tây dãy núi vùng Tân-Giới.

PHAN-VĂN-TẠO

ĐÃ PHÁT-HÀNH :

TRUYỆN DÀI

ĐƯỜNG XA CHI MÃY

Tác-phẩm đầu tay của **LAN-ĐÌNH**

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất-bản

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ:

THIÊU MÁU

MỆT MỎI

YẾU SỨC

BIẾNG ĂN

GAY CÒM

LÀM VIỆC

QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN CAO-THANG, Dược Sư
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon



PHỞ

★ PHẠM-TRỌNG-NHÂN

T HÃM-thoát, năm nay tôi bốn mươi tuổi. Mà đã kết-duyên với Phở được ba mươi năm có lẽ... Nói cho đúng, phở và tôi làm bạn với nhau đã ba mươi tám năm trời, nghĩa là từ khi tôi mới vừa hai tuổi ! ... Từ đó tới nay, qua không-gian và thời-gian, chúng tôi đã dắt tay nhau cùng chung sống, cùng phân-đầu... vui buồn, giàu nghèo, sướng khổ... không một ngày xa nhau, không một giờ quên - lãng, không một phút giận-hờn... Tình-nghĩa tao-khang ngày thêm quyền - luyện, mà không hề cần tới thệ-hải minh-son ! ..

Tôi thiên nghĩ : cô-kim, chưa một vụ « tảo-hôn » nào trầm-trọng như vậy; và cũng chưa một tình-duyên nào bền-

bì, mặn-nồng... như phở và tôi, như tôi với phở...

*
* *

Năm hai tuổi, tôi bắt đầu làm quen với Phở. Người nhũ-mẫu can-đảm giấu thầy mẹ tôi, mua cho tôi một bát « khai-tâm ». Và từ đó, tôi cứ lần lần tiến-bộ : Từ một xu không thịt, hai xu có thịt, ba xu nhiều thịt nhiều hành, cho tới năm xu có đủ hành, ngò, chín, tái... và « lạp-chú-chương » hay « dưa góp »... Ngày nay, vì thời-giá đổi-thay, và nội-dung bát phở cũng cầu-kỳ tiến-bộ hơn xưa, tôi đã với tới tuyệt-đỉnh của nghệ - thuật Phở. Tôi nói : nghệ-thuật, mà không hạ mình dùng danh-từ kỹ-thuật hẹp-

PHỞ VÀ TÔI...

hỏi, giản-dị... Phở của tôi ngày nay, lên chức tới bảy hay mười đồng, tùy « tô » nhỏ hay lớn, buổi sáng điểm-tâm, buổi trưa trừ bữa, buổi chiều ăn chơi, hay buổi đêm « súi-dề » sau một tuồng hát bóng hay một vở cải-lương...

Tùy trường-hợp sáng, trưa, chiều, tối, nhiên-liệu cũng cần phải đổi thay cho hợp tiết trời, đồng-thời thoả-mãn nhu-cầu và không phản-bội sở-thích của ngũ quan, tỳ-vị.

Buổi sáng, nhìn trước thấy còn cả một ngày dài hoạt-động, có thể ăn phở nước béo, đủ cả tái, chín, sụn, gầu... Buổi trưa — nếu chẳng may chị bếp đau mình hay hờn-giận có thể ăn phở với đầy đủ nhiên-liệu, lại kèm theo cơm nguội dọn cho chắc bụng... Buổi chiều, cần phải thận-trọng hạn-chế dục-vọng hay thị-hiểu, sao cho khỏi ngang dạ, vì còn dành chỗ để « bài-trí » dạ dày, nhân bữa cơm buổi tối... (Tôi nhớ khi còn nhỏ, mỗi khi ăn ít cơm, tôi thường bị mẹ mắng vì đã đi ăn phở !... Ngày nay, mỗi khi ngang

dạ, vợ tôi cũng lại chì-chiết kêu-ca, bỏ ẽ mấy món ăn ngon vì đi ăn phở... Hình-thức có đổi-thay, nhưng nội-dung chung-quy chỉ vì « thất-hiểu », hay « ngoại-tình », với phở !..)

Còn buổi khuya ăn phở ?... Trước một đêm ngủ, không hoạt-động... Đó là một nghệ-thuật thật tinh-vi... Vì không nên ăn nhiều, không nên ăn béo, e khó tiêu, gan dạ sẽ hư lúc nào không biết !... Trong trường-hợp này, phở kiểu-mẫu, thích-đáng, hợp lẽ trời và thuận lòng dân, ấy là một tô bảy tái trần nước trong, không hơn kém...

*
* *

Trên kia tôi có sử-dụng động-từ « tiên-bộ »... Mà đúng như thế thật...

Qua mấy chục năm, trước vô-biên và tuyệt-đôi, phở đã tiên-bộ rất nhiều. Từ trạng-thái « vô danh », ngày nay phở đã trở nên có « cá-tính » mãnh-liệt, đứng về phương-diện nhiên-liệu cũng như « thủ tục » chế-biến...

Lợi ích trao trả tự do cho người nô lệ

Trong một thông điệp gửi cho Quốc-hội Hiệp-chúng-quốc, Abraham Lincoln có nhắc nhở các nghị-sĩ Mỹ như sau :

— Trong khi trao trả tự do cho người nô lệ, chúng ta bảo toàn tự do cho người tự do. Cái chúng ta hiến dâng cũng làm cho chúng ta vinh dự như cái chúng ta phòng giữ vậy.

Khi còn nhỏ, tôi nhớ : phở là phở ..
Thèm, đói, thì ăn phở. Bất-cứ mua ở
đâu hay do hàng dong nào gánh tới...
Ngày nay, hàng phở, tiệm phở, mọc
lên như nấm, và các nhãn-hiệu tự-
nhiên vì không phải trình Tòa, thật
hằng-hà sa-sô, nhiều khi ngây-ngô, và
cũng nhiều khi nên thơ, một cách tức
cười... Từ Phở Hiến - Vương, Phở
Richaud, Phở 79... cho tới Phở Tàu
Bay, Tàu Bò, Tàu Thủy, Phở Bà Béo,
Phở gà nòi, hay gà sông thiên... Và
có nhiều khi một nhóm bạn thân,
đồng chí đồng tình, thỏa-thuận về
nguyên-tắc đi ăn phở, nhưng rồi lại...
sung-khắc vì không đồng-ý về tiệm
phở !...

*
* *

Phở là một món ăn, vừa bình-dân
vừa quý-phái. Từ một vị thượng-
tướng lừng-danh cho tới một công-
nhân không tên tuổi, không một ai
có thể coi như vô tình với phở : chỉ
có thân hay sơ, quen nhiều hay ít...
Nguyễn-Tuân, Tú Mỡ, đã người viết
văn, kẻ làm thơ, không ngớt lời phẩm-
bình và ca-tụng công-dụng của phở.
Trong phạm-vi ẩm-thực, trên lãnh-
vực vật-chất...

Tôi cho rằng phở còn giữ một
vai quan-trọng về chánh-trị mà các
nhà văn thơ kia đã sơ ý lãng
quên : Phở quý-phái...

Vậy, yền... không bao giờ dọn
trong bát đũa, chén vai, và nếu
vậy, thì thật lỗi-điều nếu ta ăn
phở với bát kiêu đũa ngà..

Sống qua bao triều-đại, trải bao
cuộc tang-thương, tôi đã được biết
một số người rất tha-thiết với
quyền-hành, say-sưa vì chức-vị !

Ấy thế mà các ông bà đó, khi
đi ăn phở : sao họ đều bẽn-lẽn,
giấu-giếm, ngượng - ngùng ? .. Đậu
xe ở xa xa đầu phở, y-phục kín-
đáo, cử-chỉ bình-thường... Đủ hiểu
bát phở có mãnh-lực quyền-rũ đến
bực nào ?

Cần phải chiêm-ngưỡng các vị
thượng-khách đó tận-hưởng bát phở
khỏi bay nghi-ngút..., để rút một
bài học về tâm-lý, và có một nhận-
xét về nhân-sinh ! Vì muốn thưởng-
thức đầy-đủ mùi vị của phở, phải
ăn tại chỗ và trong một khung-
cảnh bình-dân... Mua phở về nhà,
dùng đũa ngà ăn trong bát kiêu,
thịt trở nên dai chắc, nước dùng
nguội và bánh chưng to... Hãy
tự hỏi còn đâu thơm ngon ?... Còn
đâu thơ mộng ? Nói tóm lại, còn
đâu quốc-túy ?

Một ngày kia, tôi được nghe một
bạn tài-xế « taxi » tâm-sự...

— Hôm nay tôi chắc sẽ hên lắm :
Sáng đi ăn phở, ngồi ngay cạnh
« ông bự » ở Bộ X... Dễ thương
đáo-dề...

Một ngày khác, tôi được biết
chuyện : Ông Tổng Giám - Đốc một
Nha kiathông-tư cảm nhân-viên đứng
ăn « phở bờ sông », sau viện Bảo-
Tàng ..

Một nhân-viên cao.cấp, tự xét bị
ám-chỉ trong thông-tư, bèn công-
phần tự trả lời :

— Ăn phở sạch-sẽ, ngon thơm, chứ có gì gian tham, bần thiêu... mà giàu-giêm?...
*
* *

Có lẽ không gì mỹ-thuật và trung-thành bằng đuôi con chó phe-phẩy khi đón chủ, và cũng chẳng gì bổ-ích, thơm ngon, trung-thành, không thối-lợ, không kiểu-cách, bằng bát phở... Đó là bạn cố-hữu của tôi từ non bốn chục năm trời, không nghi-ngờ, không đồ-ky. Một người bạn trung-thành, không phản-bội, biết tùy thời tùy cảnh mà tròn nghĩa cố-tri.

Phở còn là một bức thang tiên-thủ của biết bao người. Một bức thang thường chỉ có lên mà không có xuống... khác hẳn thề-thượng thường tình, lợi danh ô-trọc...

Tôi nhớ khi còn du-học tại Paris.. Phở là bạn của tôi khi đầu tháng mới lãnh ngân-phiếu, tôi khoản-dãi linh-dinh; phở cũng là bạn của tôi khi cuối tháng tiền lương đã cạn... Một chút hành củ, một thìa gừng bột, một chiếc xương tủy, một chút « bạc-nhạc »... và ngoài ra, một chút mì hay « tóc tiên » (cheveux d'ange) và một lạng thịt sống, để làm phở tái... Ấy là nam-tử tu-mi đã có thể chắc dạ dung thân, đêm này qua đêm khác, kinh-sử dùi-mài...

Tôi có nói: phở là một bức thang, thường chỉ có « tiên » mà không có « thoái »... Có bao giờ các bạn tưởng-tượng tại ngay thủ-đô yêu-quý của chúng ta, có ông bà chủ tiệm phở: ông xe riêng « Nash », và bà xe riêng

« Mercédès »... với mấy tòa nhà thừa ruộng chung do khói phở mà nên?... Nhưng « tao khang chi thê bắt khả hạ đường », không quên những ngày hàn-vi thanh-bạch, cả ông lẫn bà chủ vẫn tiếp-tục khai-thác tiệm phở, trung-thành với khách-hàng trung-thành đối với mình, đủ cả sang hèn già trẻ...

Những bạn sinh-viên du học tại Paris hồi năm 1948, đều nhớ tại một ngõ tôi ở xóm La-tinh, có một căn phòng chiều rộng ba và chiều dài năm thước. Đó là « tiệm phở » quen thuộc dưới nhãn hiệu « phở cô X... ».

Khởi thủy chỉ là chỗ của giới sinh-viên hẹn hò cùng ăn phở. Sau, tiệm ăn đó đã dần dần khuếch-trương, dọn ra một phở khác sáng-sủa hơn, và sau cùng, « thiên đô » sang bờ hồ Léman bên Thụy-sĩ. Công-việc, mỗi ngày thêm phát-đạt...

*
* *

Có người công-phần vì phở do người Việt-Nam sáng-chê, mà người ngoại-quốc ai nấy đều gọi là « soupe chinoise » hay « chinese soup »...

Thực ra, phải công-bằng và minh-bạch để nhận chân rằng: phở đã từ lãnh-vực quốc-gia, vươn mình vượt sang cương-vị quốc-tế. Không riêng gì ở mấy nước bạn gần như Thái-Lan, Cao-Miên và Ai-Lao... mà ngay ở Pháp, Bỉ, Hòa-Lan... đều có tiệm phở: nhiên-liệu dù có sai dị một đôi phần, nhưng đại-cương vẫn vậy...

Và trên thề-giới một thời, bất-cứ ai hoàng-chúng, người bạch-chúng

đều cho là Trung-Hoa . Thì phở của chúng ta tất phải được kêu là « soupe chinoise » hay « chinese soup ».

Tôi được biết có người Pháp nghiện phở, có người Anh mê phở. Và tại nơi đất khách quê người, trong giới sinh - viên, đã có những cuộc tình-duyên bắt nguồn từ phở, hay được hợp-thức-hóa bằng phở...

Tôi nhớ có lần hội-đàm với một vị Đại-sứ ngoại-quốc trí-sĩ, đã du-lich nhiều nơi. Câu chuyện bỗng dừng, không hiểu từ đâu bắt mỗi sang các vấn-đề tầm-thường và tâm-sự : Nước nào đẹp nhất ? Món gì ngon nhất ? ..

Và ông trả lời tôi :

— Làng tôi đẹp. Cháo hành ngon. Nhất là khi được tự - do thưởng-thức tại một quán nhỏ, húp thật kêu mà không sợ ai để ý, chê-cười...

Lời nói thật tâm-tình, tri-kỷ. Và tôi tưởng-tượng nếu không có phở, đời chẳng khác nào vắng tri-âm, mà như vậy, sống bằng thừa...

Một hôm, tôi đọc lại cuốn ca-dao ôn chuyện « thằng Bờm có cái quạt mo ». Vị phú ông xin đổi lấy « ba bò chín trâu », « ao sâu cá mè », « một bẻ gỗ lim », « con chim đối mồi »... mà Bờm đều không thuận. Sau, phú ông xin đổi hòn xôi, và Bờm cười, vui vẻ... Có người cho Bờm là dại.. Nhưng cứ ngẫm cho kỹ : khi phú ông nóng-nực thì chiếc quạt giải nóng là quý. Khi Bờm đói bụng thì hòn xôi chắc

dạ còn hơn ao cá bè lim.. Như vậy thì Bờm khôn, mà phú ông không dại. Vì dại thì đã chẳng thể là một phú ông ..

*
* *

Ngẫm cổ soi kim, tưởng tới phận mình, tôi thấy cũng chẳng khác gì vị Đại-sứ ngoại-quốc kia, hay chú Bờm đồng-bào nọ...

Cũng như Bờm, tôi sẵn lòng hy-sinh ao cá, bè lim, để đổi lấy một tô phở-tái, một buổi chiều trời lạnh..

Nhưng tôi bị đau, phải kiêng thịt. Và bác-sĩ cho đơn, cấm ăn phở trong mấy tháng... Chính trong mấy tháng cô-liêu đó, tôi viết mấy giòng này, tâm-tình và tự-thán...

Từ thuở « thực bất tri kỳ vị », qua tuổi « trọng lượng hơn phẩm » (mua một bát rồi lần lần yêu cầu thêm nước dùng, thêm bánh, thịt, khiến một bát phở thành hai bát phở..), cho tới nay « trọng phẩm khinh lượng » để với tới tuyệt - đỉnh của nghệ-thuật phở, tôi đã trải qua biết bao nhiêu thời-đại, thịnh-suy, bi-thái, an-lạc, nhiều-nhưng...

Nhưng,

Phở và Tôi,

Tôi với Phở,

Chúng tôi vẫn một niềm sắt-son chung-thủy. Đành gặt lệ tạt chia tay, để mong chờ ngày tái - ngộ, xum-vầy.

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

QUÝ-VI HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ



HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone: 26.821 — SAIGON

“ SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN ”

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

Đại-Lý

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TAN-NARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIÁ
BÌNH DÂN**

10%

LÁ THƯ MAROC

Casablanca ngày 8 - 5 - 1961

Anh Nguyễn,

VIẾT thư này trên quầy của gian hàng Việt - Nam ở hội chợ quốc-tế tại Casablanca đề gửi về anh đây. Xin lỗi anh, hội chợ bắt đầu từ hơn một tuần nay mà bận rộn nhiều chuyện nên không có thư về ngay được.

Anh có biết rằng năm nay tuy cả hội chợ đều bị phê-bình rằng không bằng mọi năm. Những gian hàng Việt-Nam thì được khen tặng là đẹp và đặc-biệt nhất. Bên cạnh những máy móc tối tân, những chiếc xe hơi đồ sộ, gian hàng Việt-Nam duyên dáng với mái nhà cong cong với màu nước xanh trong, lối kiến-trúc phối hợp Âu - Á, khá thông-minh do sự điều khiển của hai nhà Kiến-trúc-sư chính : Võ Toàn-Công và phụ : Vũ-Khúc-Duy. Thêm vào đấy những nét trang hoàng nhịp nhàng và ý nhị của Họa-sĩ Trần-Quang-Hiếu.

Tuy gian hàng không có một chút máy móc nào nhưng với những bức tranh sơn mài, những bộ chén trà bằng sứ chạm bạc, những tấm khăn thêu, những bình lọ men Biên-Hòa, những con búp bê xinh xắn, tất cả đều có vẻ khiêu khích chào đón. Hội chợ có ba cô Chiêu-dãi-viên, hay là « Léo-đẻo-viên » (anh muốn gọi thế nào cũng được) đi theo những khách vào xem đề giăng giải, đề trình bày các thứ hàng nếu có người khách nào muốn mua hoặc muốn xem.

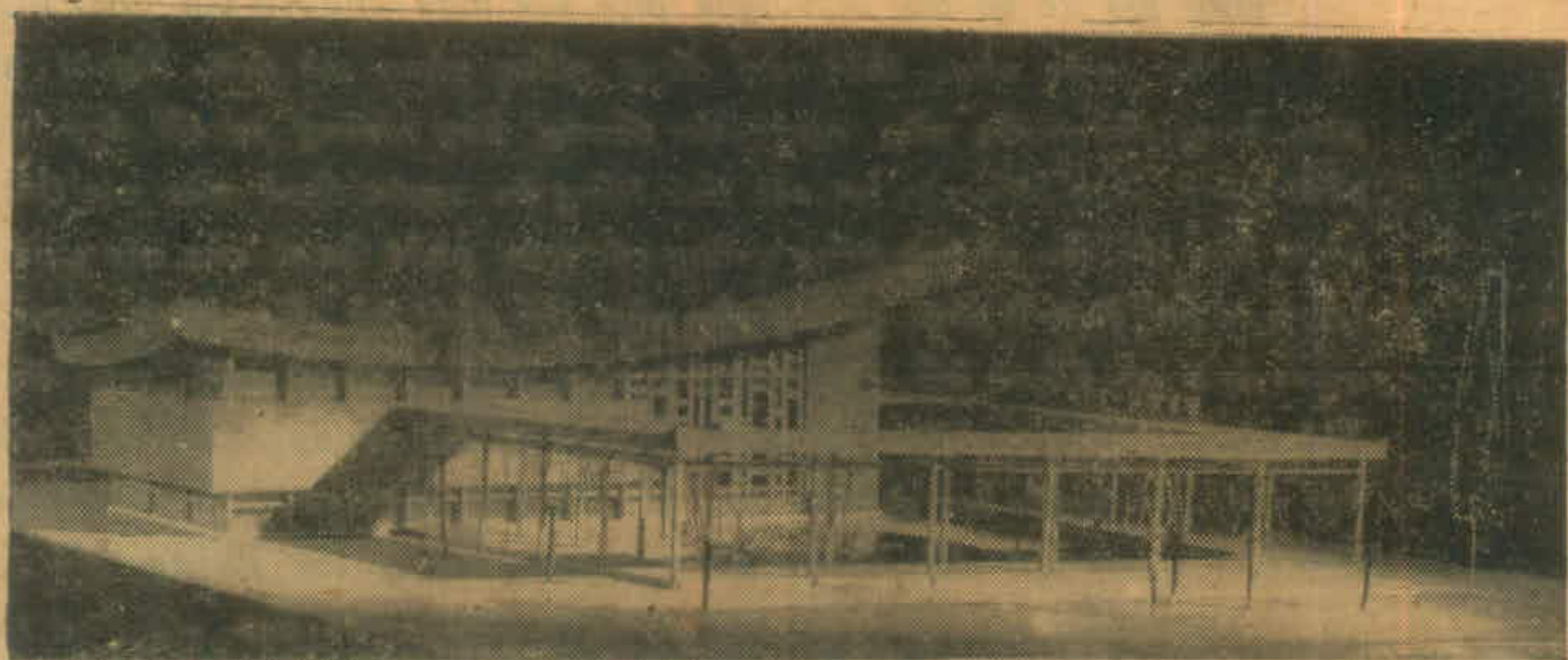
Trông coi và điều khiển gian hàng có hai ông Địa (directeur) ông Lê-Văn-Hòa, và ông Lê-Khắc-Hoài. Hai ông này, ngoài mọi sự lo lắng giãp tờ, trách-nhiệm tổ-chức còn cái việc la rầy nhân-viên : « Yêu cầu các cô nhìn vào trong này đừng nhìn ra ngoài. Mong các cô đến đúng giờ v. v... ». Vì thế các ông ấy được mệnh danh là mẹ chồng và mẹ vợ. Khỏi cần nói nhiều anh cũng hiểu rằng không khí bên trong như thế nào.

Bây giờ đề kể cho anh nghe một vài mẩu chuyện vặt nhé, thực ra thì hội chợ nước nào, thời nào cũng giống nhau mà thôi. Ngoài những gian hàng của nước này nước kia chung bày những sự tốt đẹp, những phát-minh sáng-kiến còn lại các thứ tiếng ồn muôn thuở của các thứ âm-nhạc hầu lốn còn những tiếng quảng-cáo trên phát-thanh của các gian hàng (anh có biết là mỗi phút quảng-cáo như thế phải trả đến hàng chục ngàn quan không). Chưa hết, còn mùi thịt cừu nướng nồng mũi, món ăn đặc-biệt của xứ Maroc. Mùi hơi người, ngoài ra lại còn bụi bặm, bụi trần ai, bụi đời, anh muốn bụi gì cũng có. Mỗi sáng những người phu đến quét dọn mang máy hút bụi đến hút ra từng thùng. Trong làn không khí ấy mà có những người phải ở từ mười giờ sáng đến mười hai giờ đêm thật là đáng tội nghiệp. Vẫn chưa hết, người xứ Maroc có nhiều điểm đặc-biệt riêng. Kinh-nghiệm cho những ai muốn sang xứ này trền-lắm, nhớ in thật nhiều giấy quảng cáo, càng nhiều càng tốt, mấy chục lần cũng không đủ, không cần phải in đẹp lắm, chỉ cần giấy, vì dân trong xứ chỉ muốn lấy giấy về nhà làm gì không biết... Phải trông thấy đôi mắt của những chú bé nhìn một cách van lơn tha thiết và đứng bên cạnh hàng giờ chỉ vì một tấm giấy quảng-cáo. Các cô Chiêu-đãi-viên được lệnh rằng không được phát giấy quảng-cáo nhiều quá mà dầu có phát ra thì mấy cũng không đủ. Cho một người thì có hàng trăm người chạy đến, hàng trăm cánh tay đưa ra, rồi gây gổ rồi la lối ầm ĩ phải nhờ ban trật tự đến can thiệp. Đã thế đàn ông trong xứ lại quen với phong-tục của họ, nếu được một cô Chiêu-đãi-viên nào trả lời vui vẻ, đưa giấy quảng-cáo và tặng-phẩm của gian hàng thì chỉ 15 phút sau là y như thấy ông ấy trở lại rất nghiêm trọng và thì thầm hỏi « Bao giờ tôi gặp cô, cô bao nhiêu tuổi, có chồng chưa ? » Vì thế các cô Chiêu-đãi-viên phải dấu kỹ nụ cười mỗi khi thấy một « chàng » thanh-niên nào đang tiến đến. Tuy vậy anh đừng vội thất vọng cũng có một số trí-thức rất tư cách, họ lễ phép đến phát ngượng lên, nhưng tiếc rằng số người này ít quá.

Một nỗi khổ tâm nữa là phải lo giữ-gìn đồ đạc. Ngày đêm (điểm này anh biết rồi, hội chợ ở đâu mà chẳng thế) các thứ hàng có thứ để trong tủ kính nhưng cũng có rất nhiều thứ để ra ngoài và đấy là những miếng mồi rất ngon lành quyến rũ, vì thế mới xuất hiện cái câu « Yêu cầu Cô nhìn vào trong này... »

Các thứ hàng được hỏi nhiều nhất là nón lá, guốc... ví cầm tay của các bà, nếu anh muốn làm giàu thì hãy bỏ nghề làm báo sang đây mà buôn nón với guốc...

Casablanca có đến năm bảy hiệu cơm Việt và người Việt gặp nhau thì chào hỏi mừng rỡ chớ không phải như ở Paris. Có những cô gái theo chủ sang đây từ năm bé xíu đến hỏi mua đôi lọ sành chiếc



Gian hàng Việt-Nam tại hội chợ quốc-lễ Casablanca.

nón lá, dẫu mấy cũng được đề gọi là có chút kỷ-niệm của quê hương. Có những anh chàng Maroc sang Việt-Nam thời chiến tranh bây giờ về còn mang theo những tờ giấy bạc, những lọ dầu nhĩ thiên cũ kỹ đến tìm hỏi ở đâu có bán. Có một bà già 82 tuổi sang đây hơn 60 năm cũng lần đến thăm gian hàng, nhìn Người Việt và nước nở khóc anh thấy có cảm động không ?

Kể gì nữa cho anh bây giờ cái gì cũng đáng kể và cái gì cũng làm thường mỗi khi nói đến hội chợ. Xứ Maroc cũng như toàn cõi Ả-rập là cái xứ mà gia đình nào cũng có rất nhiều trẻ con, gia đình nào cũng có năm bảy đứa nhỏ, mỗi một người cha đi trước, người mẹ bịt mặt theo sau là có lẽ thê một đàn con theo sau nữa suýt soát tuổi nhau. Trên vai những người mẹ còn đeo một hoặc hai đứa bé nữa. Với lối áo bịt mặt che kín từ đầu xuống chân màu đen, xám hoặc nâu nhạt đã làm cho người nhìn cảm thấy u ám, mặc dầu đất nước rất nhiều màu sắc và ai cũng biết rằng quốc phục của phụ-nữ rất rực-rỡ.

Chẳng lẽ nói chuyện hội chợ Maroc mà không nói qua gian hàng Maroc cho anh nghe. Maroc có hai gian hàng một về tiểu công-nghệ và một về đại kỹ-nghệ. Cả hai đều rất lịch-sự, vào gian hàng thứ nhất thấy toàn thảm len, gối da, mâm đồng, các thứ gỗ chạm đồ gốm và sành. Sang đến gian hàng về đại kỹ-nghệ thì chỉ toàn những chương-trình dự-định đã thực hiện và sẽ thực hiện rất to tát, những cái maquette về nhà máy lọc dầu hỏa, mà sức sản-xuất gấp mười lần sức tiêu thụ. Nhưng không sao. Càng nhiều càng tốt tha hồ bán ra.

Sáng nay có cuộc nói chuyện với các ký giả. Chủ tọa do ông Bửu-Kính Đặc-sứ Việt-Nam tại Maroc. Ông Bửu-Kính nói về tình-hình kinh tế Việt-Nam, sự liên-lạc mật-thiết giữa hai nước Việt-Nam và Maroc trong nền tiểu công-nghệ.

Các ký-giả rất hài lòng vì buổi nói chuyện duyên-dáng và gọn-gàng chứ không dài lê-thê như phần nhiều những cuộc diễn-thuyết khác. Ra về mọi người đều có quà cáp đầy đủ.

Vì được khen là xinh nhất nên gian hàng Việt-Nam bị mời lên Vô-tuyến điện thí (Télévision) từ ông Giám-đốc, ông Đặc-sứ và cả bầu đoàn thể tử họ nhà Việt đều phải lên mâm để cho họ lục vấn hỏi han.

Thư chưa dài mà người ta đến hỏi nhiều quá, tôi phải xin phép anh ngừng, hẹn anh thư sau kể chuyện Maroc cho anh nghe.

MINH - ĐỨC

QUỲNH HOA

★ QUÁCH - GIAO ★

Riêng gởi Q.D.

Dòng Hương xanh mái tóc,
Giòng đời vàng nhớ mong.
Sương đêm mờ ánh ngọc,
Buồm trắng nhẹ xuôi giòng.

Thăm lặng tỏa thương yêu
Đóa hoa Quỳnh nở sớm.
Tình thoáng gió hiu-hiu,
Đôi bờ hương thấm đượm.

Dáng hoa gầy tha-thuốt,
Xao-xuyến mộng trường giang.
Bóng mây in lòng nước,
Thao-thức nghĩa đá vàng.

Một khuya trắng báo tin,
Hoa Quỳnh không nở nữa.
Hương thừa bên song cửa,
Hiu-hắt lạnh vào tim.

Nửa khuya dăng tiếng khóc,
Hoa Quỳnh nở trong lòng.
Dòng Hương xanh mái tóc,
Dòng đời vàng nhớ nhung.

Q. G.

con nước phù sa

☆ HOÀI - HƯƠNG ☆

Những ngày con nước lớn
Đứng ven bờ Cửu Long
Nghe xôn xao sóng động
Không đợi ai mà sao nhớ mong !
Ý thương ngây ngất cả lòng,
Như bao con nước căng dòng về xuôi...

Sông ơi ! Sông chở đến niềm vui
Cho đất thêm no, trái ngọt bùi
Một nửa miền Nam ngời sắc lúa
Hoa màu ươm nở giữa lòng người.

Mấy vạn rừng sâu sông vượt qua
Lững lờ con nước nặng Phù-sa
Cánh đồng nung nịu ôm bờ đất,
Như đưa con thơ nín mẹ già.

Dân mình yêu mến Cửu Long Giang
Nhà dựng theo sông làng tiếp làng
Cứ mỗi mùa về thơm sắc nắng
Từng dãy bờ căng ngập lúa vàng.

Không phũ-phàng như nước nhĩ Hà
Cửu Long trầm tĩnh nói lòng ra
Phần bồi châu thổ, phần xuôi biên
Đón chuyển tàu từ vạn nẻo xa.

Những ngày con nước lớn,
Đứng ngóng lớp phù sa
Trường dòng sông ấy đang thai nghén,
Sinh nở từng đồng mướt lá hoa,

*
* *

Nghe tình yêu lên ánh mắt đậm đà.

H. H.



THI - XÃ

Nguyên tác The POETS' CLUB của Lâm-Ngữ-Đường
Bản dịch của KIM-LƯƠNG

ĐÂY là truyện ngắn có tính chất trào phúng của Lâm-Ngữ-Đường kể lại. Truyện này rút trong sách Thái - Bình quảng-chí, tác giả của nó là Hoàng - Chu sống vào khoảng 997-1057, thời kỳ khai-nguyên của nhà Tống. Vào lúc đó, có lẽ thấy thơ Đường luật bị sa-đọa quá nên Hoàng bịa ra câu truyện này để giễu một

số nhà thơ tài thì non nhưng chí lại lớn, muốn lập-dị khác đời nên sinh ra lắm trò lố-lãng để cho thức-giả phải bực mình.

Vì thấy tính lập-dị lố-lãng trong thơ-ca nay đương bành-trướng một phần nào ở xứ ta, chúng tôi dịch chuyện này cống-hiến bạn đọc để mua vui và sau nữa để mình chứng rằng lối thơ lập-dị lố-lãng không

phải tới ngày nay mới có và mới bị người ta chế giễu.

*
* *

Bốn năm trước đây, khi gặp một người bạn cố-tri là ông Trần, tôi có dừng lại ở Nguyên-Dương. Bạn tôi đang từ Đê-Kinh trở về quê ở Bình-Chương, chúng tôi cùng ở lại với nhau ít ngày. Bạn tôi là một người rất thông-minh đĩnh-ngộ, hơn nữa ông còn là một thi-sĩ, và trong khi hàn-huyên tâm-sự, bạn tôi có kể cho nghe một truyện vào hạng ly-kỳ và ngộ-nghĩnh nhất mà ông ta từng biết. Tôi không rõ câu chuyện thực-hư thế nào, hoặc bạn tôi có thêm bớt cho xôm trò không ; nhưng ông ta cam-quyết với tôi rằng truyện đó mới xảy ra một tháng trước đây. Câu truyện ông Trần kể cho tôi nghe như sau đây, tôi nhớ thế nào thì nhắc lại thế đó.

*
* *

Hôm đó là ngày mồng tám tháng một. Tôi đang ở mãi về miền Tây-Bắc, và trước đó một ngày khi chưa tới nơi này, được tin mẹ tôi đau nặng, tôi phải bỏ dở cuộc hành-trình và tức-tức trở về quê.

Sang ngày thứ hai, buổi chiều thì tôi tới Huê-Nam. Đột-nhiên thời-tiết trở nên lạnh-giá quá, trời như là sắp có tuyết. Phủ-quan tên là ông Lý, người quen của tôi, mời tôi nghỉ lại uống rượu. Lúc đó chác vào khoảng xế chiều, tôi bảo tên hầu đi trước cùng với hành-trang và đợi tôi ở thị-trấn kể đó. Đó không phải là đường xa-xôi gì, tôi có ngựa hay, định bụng mình sẽ đi tới đó vào khoảng trước giờ tí.

Trời bắt đầu đổ tuyết, bạn tôi mời tôi ngủ đêm ở đó. Vì không thú nơi đó nên tôi bảo ông ta rằng có việc gấp phải về nhà và tôi quyết ý ra đi. Khi ra khỏi thành-phố, mắt tôi nhìn thấy mù-mịt những sương-tuyết phủ ngập trời. Bờm lông đen con ngựa của tôi đã lồm-đồm những cục tuyết trắng. Tôi phải đi chậm lại, gặp rất ít bộ-hành trên con đường đi về Chiết-Sai. Khi trời sắp tối thì tôi tới Tùng-Dương, nơi đó tôi ăn-uống qua-loa trong quán-dịch, rồi lại tiếp-tục lên đường.

Cảnh-vật bị phủ lên một tấm màn trắng, ánh trăng mờ-ảo nấp sau những đám mây lung-linh, trước mặt tôi vũ-trụ giăng ra vẻ đẹp tuyết-kỳ của một phong-cảnh mờ-mờ sương khói như là một cõi bồng-lai với những ánh bình-minh bất-tận. Tôi vừa uống rượu ở quán-dịch nên thấy ấm-áp dễ chịu, nhưng con ngựa hình như cảm thấy bị ám-ảnh vì ánh-sáng kỳ-dị nên đập chân và hí ầm lên như là nó hóa ra ma-quỷ vậy. Tuyết xuống dày hơn làm mắt tôi mờ-mịt. Tôi hạ vành nón xuống, mắt chăm-chú nhìn đường đi sợ bị lạc-lối. Tôi chưa đi khỏi quán-dịch được quá một dặm đường thì thấy bắt đầu thoai-thoải xuống một cái thung-lũng. Gần đó một quãng, tôi thấy một ngôi chùa cổ. Tôi bỏ ý - định đi tới thị - trấn kể - cặn và đi thẳng tới chùa tìm chỗ trú qua đêm. Như các ngài đều biết, ngựa là giống vật nhút-nhát, chúng có một giác-quan thứ sáu mà loài người chúng ta không có. Khi tôi cột con ngựa vào một cái cây ở sân trước nhà chùa, nó cứ nhẩy chồm bồm vó lên. Mắt nó long lên sòng-sọc, mũi nó phập-phồng, tôi phải vát-vả một lúc mới có thể làm nó đứng im được.

— Có ai ở trong chùa không ?

Tôi gọi lớn lên rồi tôi đi vào chùa.
Bên trong tối mịt có vẻ hoang-tàn.

Không ai đáp lại cả. Tôi đi quanh
bệ thờ để nhòm vào hậu-tẩm, tôi thấy
một ngọn đèn dầu tù-mù le lói bên trong,

Tôi lại kêu to lên :

— Có ai trong đó không ?

Một nhà sư già với cái lưng gù nhô
lên trong chiếc áo dài nâu nhạt đi ra cửa
và bảo tôi :

— Cứ vào !

Tôi đi qua cái sân. Nhà sư nghèo-
nàn này già quá rồi. Mi mắt dưới của
ông ta đã trể xuống lòng-thòng. Cái bướu
trên lưng khiến ông ta phải vươn cổ lên
để giữ cái đầu cho ngay-ngắn. Cái đó,
và cái lối ông ta phải ngẩng cằm lên để
nhìn tôi làm ông ta hóa kỳ-cục gần như
buồn cười, nom như một cụ già đeo kính
cúi xuống nhòm một đứa bé, mà lại nhòm
lên trên mắt kính của mình. Hẳn là ông
ta đang đợi bọn khách nào vì khi tôi
vào, ông tưởng tôi là bạn cố-trì và bảo tôi :

— Chư Tiên-sinh đã có mặt đây rồi.

Tôi vội giải-thích rằng tôi là một du-
khách bị bão tuyết mong được hân-hạnh
ông cho tạm-trú qua đêm.

— Trong cơn giông-bão này, ông đi đâu ?

— Đi về quê tôi ở Bình-Chương.

Nhà sư ngắm-nghía tôi qua cái mũi hốt
ngửa lên của ông và nói :

— Hẳn ông là một nho-sinh ; tối nay
chúng tôi có buổi họp của một ít bạn-bè, nếu
ông vui lòng, ông có thể dự vào đó với
bạn tôi. Ông cũng là một thi-sĩ chứ ?

Tôi lễ-phép đáp :

— Tôi làm thơ.

— Thế thì tuyệt. Chúng tôi rất hân-hạnh
được tiếp-kiến ông.

Tôi kinh-ngạc thấy lại có được một buổi
hội họp của các thi-sĩ lại một nơi hẻo-lánh
thế này, mà lại vào một đêm thế này nữa.
Mãi lúc sau tôi mới rõ đó là một nhóm nhỏ-
nhoi, đặc-biệt, chỉ riêng họ biết nhau thôi,
họ có một tín-điều riêng với một mục-đích
được công-khai chấp-nhận là phát-triển
một lối thơ mới. Qua những bài thơ làm
ra, người nào trong bọn họ cũng cùng đặt
cao-vọng — ít nhất là theo ý riêng của
mình — đương được đi vào con đường
bất-tử.

Trong một góc phòng, một tiên sinh bụng
phệ đã ngồi ở đó, ông ta khoái-trá quá hay
lo-dăng quá với phép xã-giao là đứng dậy
khi tôi bước vào. Đã được biết quý-danh
ông ta là Chư tiên-sinh rồi.

Nhà sư áo dài nâu nói :

— Đây là Trần Tiên-sinh, Chư tiên-sinh
ạ. Tiên-sinh đương đi về quê nhà và tiên-
sinh cũng là một thi-sĩ. Tôi đã mời tiên-
sinh nhập cuộc với bọn ta.

Chư tiên-sinh ngẩng nhìn lên qua làn
mắt kính và làm ra bộ đứng dậy.

— Xin tiên-sinh an-tọa. Hân-hạnh được
gặp ngài.

Tôi mến ông ta lắm. Ông ta là một
người thấp, béo, dưới cằm lúng-nhúng
những mỡ, những ngón tay trắng bóng
ngắn-ngủn gài vào nhau ở trước ngực.

Tôi quay lại phía chủ nhân nói :

— Tôi chưa được hân-hạnh biết quý-
danh.

— Tôi tên là Phổ-Lỗ Đích Lạc-Đà Không.

Ông ta trả lời bằng một giọng cực-kỳ nặng-nề, trầm-trầm mà lại có vẻ đạo-mạo nữa.

Tôi nhìn thấy cái áo dài nâu của ông thật là rộng quá đối với khổ người nhỏ thó của ông. Lúc thiếu thời hẳn là ông to lớn lắm vì khi ông ngồi xuống ghế — giá kể dùng chữ quý phủ-phục xuống thì đúng hơn — tôi trông thấy rõ cặp chân dài đều-đượt của ông.

— Chúng tôi gọi tên ông ấy là Không.

Ông Chư xen vào rồi cười lên sằng-sặc. Tôi hỏi ông :

— Chẳng hay tiên-sinh được bao nhiêu niên-kỷ ?

— Nay tôi đã tám mươi. Lúc đương thời, tôi đã đi chu-du rất nhiều, cũng như tiên-sinh bây giờ vậy. Tôi có thể đi cả ngày này qua ngày khác, đi một mạch hàng trăm dặm không ăn uống gì mà cũng không nhọc mệt. Bây giờ những khớp xương này của tôi bị liệt đi.

Ông chỉ cho tôi thấy rằng ông bị tê một đầu gối nên những đêm ẩm-ướt lạnh giá khó chịu vô cùng. Lời nói của ông rờ-rạc không có mạch-lạc, hình như ông mãi mơ-tưởng tới dĩ-vãng xa-xưa. Rồi, bỗng nhiên ông nói :

— Tôi lấy làm lạ là sao giáo-sư Tiễn lại chưa tới đây. Ngài thường là người tới sớm nhất cơ mà.

— Giáo-sư Tiễn đó là ai ?

Tôi hỏi vậy vì tôi rất thích được biết những nhân-vật mà tôi sắp gặp.

Nhà sư nói :

— Tên ông đó là giáo-sư Tiễn-Trư. Chỉ trong một lát nữa, ông ấy sẽ tới đây. Ông ấy là nhà phê-bình cừ-khỏi của chúng tôi. Có lẽ giông - bão làm ông chậm tới. Mời tiên - sinh lại ngồi bên bếp lửa.

Tuy đã già nua, chủ - nhân vẫn còn là người rất vui - vẻ, dễ thương. Chốc-chốc ông lại chậm-chạp quay cái cổ dài thòng ra phía sân để ngóng những quan-khách sắp tới. Tôi miễn phục tâm - hồn ông già đó vì mỗi khi một đề-tài thi-ca được nêu ra thì mắt ông sáng long-lanh lên. Ông bảo tôi rằng ông là một người hết sức cảm-phục Giả-Đạo, có lẽ vì ông này cũng là một nhà sư.

Tôi ngồi xuống bên cạnh Chư tiên-sinh và được biết rằng tiên-sinh ở một trang-trại với đàn con. Cứ cái kiểu tiên-sinh nói tới lũ con, tôi nhận ra ngài là một người có rất nhiều tinh-thần gia-đình.

Chốc lát, chúng tôi nghe thấy tiếng guốc gỗ phía sân trước, rồi một giọng đầy sinh-lực gọi lên :

— Bá-Hô, Bá-Hô, tôi tới đây.

Một thanh-niên nhanh - nhẹn, mặt hơi mỏng, xương-xương, trên vai quấn một cái khăn xám cũ, gần như là nhảy bước một đi vào phòng.

Y nhắc lại :

— Tôi lặn-lội và lặn-lội những dặm đường khốn-khổ. Như vậy thì các ngài bảo sao ?

Y quăng cái mền xuống ghế và lò-cò nhảy lại cạnh bếp lửa, thở ra một hơi dài và nói :

— Chào ôi, một đêm ghê-gớm.

Lạc-Đà-Không tiên-sinh nói :

— Để tôi giới-thiệu quý ngài. Đây là Đồ-Lư tiên-sinh. Gọi tắt là Lư. Tiên-sinh là một thi-sĩ đặc-biệt và có nhiều hứa-hẹn nhất của bọn tôi :

— Hân-hạnh được gặp tiên-sinh.

Lúc chào tôi, y cười để lộ những chiếc răng trắng muốt. Mặt y và nụ cười của y nom có vẻ ngộ-ngộ buồn cười. Mớ tóc đen rẽ tre và cái cổ cứng nhắc của y khiến cho y có một bề ngoài tràn-trề sinh-lực, nhưng cái mặt dài, hẹp của y khó có thể gọi là điển trai được. Y quay ngay lại Chư tiên-sinh, gọi ông ta bằng tên cúng cơm :

— Này Chư-Thử bác có ý-kiến gì về câu thơ này của tôi :

« Tôi lặn-lội và lặn-lội những dặm đường khốn-khổ »

« Cô-quạnh, u-sầu và tuyệt-vọng. »

Chư tiên-sinh sống lên một cách hoan-hỷ :

— Được lắm, được lắm ! Tôi hoan-nghinh bác ở một vài âm-diệu êm-dềm thế thôi.

Từ một góc tối, một giọng nói nhỏ the-thé cất lên :

— Bác Lư, xét-đoán dung-mạo của bác lúc này, tôi không thấy xúc-động vì sự u-sầu hay tình-trạng tuyệt-vọng của bác.

— Kia giáo-sư ! Ngài vào lúc nào vậy ? Đệ không biết rằng tiên-sinh đã tới.

Nhà sư nói vậy. Cả Chư và tôi đều quay mắt lại chỗ góc tối, nơi đó một người thấp đã ngồi cuộn tròn trong một cái ghế, hai con mắt sáng nhỏ tí long-lanh trước ánh sáng.

Giáo-sư nói tiếp :

— Có một sự mâu thuẫn rõ-ràng giữa trạng-thái cô-quạnh và u-sầu mà bác vừa thú-nhận — không, đó là sự chán chường mà bác nói — với sự hiện-diện đầy sinh-khí trẻ vui của bác, bác có thấy như vậy không ?

Nhà sư hỏi :

— À giáo-sư, bao giờ ngài cũng len-lén đi vào không một tiếng động.

— Bỉ-nhân không có thói quen nhảy lộp cộp và đi vào rầm-rĩ như Lư tiên-sinh đây.

Tôi nhìn kỹ cái ông giáo-sư nhỏ bé và kỳ-dị đó. Ông ta ăn mặc cầu-thả, nhưng cặp mắt sáng một cách thông-minh vô-cùng, mớ tóc rối bù, lồm-chồm rủ xuống hai vai làm cho ông ta có một cốt-cách siêu-phàm. Toàn thể hình-dáng ông ta biểu lộ một sức học hỏi ghê-gớm.

Nhà sư Lạc-Đà Không nói :

— Mời giáo-sư lại ngồi bên bếp lửa này. Chúng tôi mong được nghe lời vàng-ngọc của tiên-sinh nhưng khó nghe thấy được quá.

— Ở chỗ này, bỉ-nhân mãn-nguyện rồi.

Giáo-sư vừa đáp lại vừa thuận theo lời mời mà đứng dậy. Ông ta lê cặp chân ngắn-ngủn một cách vụng-về, chậm-chạp rồi lạng-lẽ ngồi trên một chiếc ghế bành, hình như đó là chiếc ghế danh-dự thì phải. Khi ông ta gần bọn tôi, tôi nghĩ

thấy một mùi là-lạ, khó chịu. Tôi dám chắc với các ngài rằng ông ta có một vẻ người hoàn-toàn trí-thức.

Trong chốc-lát, ba người khác nữa tới. Có một chàng thanh-niên khoẻ mạnh được giới-hiệu với tôi là Sơn-Lang Xạ, và một chàng trai-trẻ khôi-ngô khác đi vào, cái đầu ngẩng cao lên, chân đi những bước thật đường-bệ. Mặt anh ta đỏ một cách khác thường, ông Chư bảo tôi vì anh ta lúc nào cũng khao-khát ái-tình nên mặt mới đỏ như vậy. Ông Chư sẽ rỉ tai tôi rằng anh ta là một gã độc-thân, một công-tử bột chính tông, một con quý mê gái. Người ta gọi y là Hiền, nhưng tên thật của y là Hiền-kê Công. Anh ta chỉ viết những bài ca ân-ái, tính-tình hơi tàng-tàng nhưng đối với thể-hệ thanh-niên thì anh ta đặc-biệt xuề-xòa dễ-dãi.

Nhưng người đặc-biệt và khó quên nhất phải là ông Ly-Miêu, người có một giọng nói the-the của con gái và một hình-dáng gần như phụ-nữ vậy. Ông ta đi lại một cách dài-các duyên-dáng — đối với đàn ông thì như vậy là duyên-dáng quá đẫy — đôi khi ông ta đan hai bàn tay với nhau, khi nào ông nói thì ông nghiêng má tỳ vào đó, tay ông có những móng rất dài. Ông Chư là người lúc nào cũng vui-vẻ, mãn nguyện, ông ta không ghen-ty với ai trong bọn đó cả, ông nói rằng Ly-Miêu là một nhà thơ vĩ-đại, xuất-chúng vì những vần-điệu duyên-dáng và những cảm-hứng u-ẩn mê-ly.

Sơn-Lang-Xạ đã thú-thật với ông Chư rằng y không thể chịu được cái

tình-cảm đắm nước mắt của Ly-Miêu. Ly-Miêu và Sơn-Lang hận-thù nhau, tuy hai người đều rất lễ-độ giữ-gìn không để lộ ra mặt.

Tôi lấy làm thích-thú được len vào một nhóm người kỳ-dị như vậy, cảm-tình với nàng thơ đã khiến họ coi thường bão-tuyết tới đây tranh luận về thơ. Thực ra thì tôi chưa từng nghe tên họ bao giờ, nhưng sự tận-tụy với Nàng Thơ của họ thật đáng phục. Họ coi nhau như những tên lính tiền-phong của một trường thơ mới, họ tán-tụng nhau về sự độc-đáo và sự tối-nghĩa khó hiểu của thơ họ. Đỗ-Phủ, Lý-Bạch và bao nhiêu thi-sĩ trứ-danh đã làm thơ trước họ; nhưng kẻ hậu-sinh này đương tranh đấu cho những lẽ-lối mới và hiệu-quả mới. Sự diễn-tả độc-đáo này với cái kỳ-lạ và tối mò khó-hiểu của nó đã tập-hợp họ vào một thi-xã kéo bè kéo cánh bí-mật, nhưng tôi tin chắc rằng những tình-cảm của con người được họ diễn-tả ra hay còn tiềm-ẩn trong lòng họ — những lý-do bào-chữa cho sự âm-thầm đau khổ của họ — đều rất thông-thường đối với thể-nhân. Thơ của họ tôi được nghe buổi tối hôm đó, rất nhiều bài người khác không thể hiểu được, mà có khi ngay cả bọn họ cũng không hiểu gì nốt. Tôi nhớ là có một đoạn diễn tả đặc-biệt lúc đầu thì mập-mờ lộn-xộn nhưng sau làm cho tôi thỉnh-thích :

« Bên cái vườn những nụ hồng vừa
vuông, vừa tròn, bọc sừng lóng-lánh ».

Đó là câu thơ của Lư làm, được giáo-sư Tiên-Chư tán-phục. Tôi rất bối-rối vì không thể hiểu được một chút nào câu thơ đó, nên mới hỏi để được lý hội cái

điển-tích đó, vì từ xưa đọc bao nhiêu sách-vở mà tôi chưa từng biết qua cái « nụ hồng vừa tròn vừa vuông ». Ông giáo-sư nhận giảng cho tôi hay rằng câu đó nói tới cái ngón chân của bà vợ thi-sĩ, « bọc sừng » là sự diễn-tả tế-nhị cái móng chân, « vừa tròn vừa vuông » dĩ-nhiên là nói tới cái hình của móng chân.

Tôi rụt-rè hỏi :

Nhưng sao lại « lóng-lánh » ?

Ông giáo-sư đáp :

— A, tiên-sinh không đọc kỹ phần mở đầu. Lư tiên-sinh đã cho riêng bọn tôi biết một mẩu tin tử-mỹ về xuất-sứ nguồn cảm-hứng của tiên-sinh. Hồi tháng trước, tiên-sinh có đi chơi với Lư phu-nhân, buổi tối khi trở về đã muộn, tiên-sinh thấy đôi giày vải của phu-nhân bị ướt hết khiến những ngón chân dính long-lanh hơi nước trên bãi cỏ như những hạt ngọc, như là tiên-sinh đã diễn-tả rất linh-động và thơ-mộng vậy. Ngài thấy đó, gò-bó trong một bài thơ ngắn ấy là cả một sự kết-hợp tiềm-tàng đi đôi với âm - điệu của ngôn-ngữ, thật là xúc-tích và đầy sức ám-dỗ. Lẽ dĩ-nhiên là muốn thưởng-thức một cách hoàn-toàn và thẩm-mỹ bài thơ đó, ngài phải biết tới cuộc đi dạo riêng của thi-sĩ và phu-nhân. »

Tôi nghe khó trôi quá. Tôi biết rằng từ bao thế-kỷ nay, các thi-sĩ thường dùng những điển-tích làm mỹ-từ-pháp trong ngôn-ngữ. Điển-tích tăng-bớt lòng kiêu-hãnh của độc-giả. Dĩ-nhiên, ai cũng biết rằng đức Khổng-Tử đã nói về ngài « Tam thập nhi lập ». Vì vậy bảo người nào là « thành niên nhi lập », như ta thường nói, là một lối tăng-bớt tế-nhị nói rằng người đó đã đọc Khổng-Tử, dĩ-nhiên câu

văn càng tối nghĩa người ta càng thích-thú khi hiểu được ẩn-ý của nó.

Tôi hỏi ông giáo-sư :

— Ngài có nghĩ rằng câu đó đã đi quá xa không ?

— Quá xa đối với ai ? Với những kẻ ngu-dốt, đúng vậy. Nhưng không quá xa đối với những ai thưởng-thức những xúc-cảm của con người, những màu sắc huy-hoàng, những hình-bóng tế-nhị và cái vẻ tân-kỳ tuyệt-thú khả-dĩ có được bởi những điển-tích như vậy.

Vì là một người khách, một người xa-lạ đối với bọn họ, tôi không muốn bị lôi-kéo vào một cuộc tranh-luận, nhưng ông giáo-sư cứ muốn hỏi tới một vấn-đề văn-hoa nghĩa-lý để rồi lại tự mình trả lời lấy.

Ông giáo-sư Tiễn-Trư nói :

— Nó cũng giống như thế này. Nhiệm-vụ của thi-nhân là sáng tạo ra một cảm-hứng bằng cách dùng những lời của mình, và những cảm-hứng được gợi ra bởi những chữ, những câu kết-hợp lại với nhau. Vì lẽ đó từ ngàn năm nay các thi-sĩ đều dùng các điển-tích cổ xưa. Một câu gợi ra cả một hồi hay một truyện. Tuy vậy, những điển cổ đó, như ta đã biết, đã trở thành của chung mọi người, và vì dùng nhiều quá, chúng mất rất nhiều giá-trị truyền-cảm, những thi-sĩ lỗi-lạc hiện nay đã tìm-tòi càng ngày càng xa mãi để kiếm những điển cổ ít người biết tới. Có người đã đi tới Phạn-ngữ, như vậy họ bày tỏ một sự học-vấn lớn-lao và cũng vì thế làm cho độc-giả nào hiểu được cội nguồn của điển cổ có một sự lý-hội thích-thú vô-song. Ngài thấy rõ tất cả mọi việc đó không thể tránh được. Còn như nó có

tối nghĩa, khó hiểu, thì đã có những học-giả uyên-thâm tìm-tòi cái điển cổ tối-tâm đó. Tôi đã để suốt một đời người đi tra-cứu nguồn - gốc những chữ tầm-thường của Đỗ-Phủ. Một bài thơ càng có nhiều điển-cổ thì càng có mãnh - lực truyền-cảm hơn. Vì vậy ngày nay thơ-ca đã thành một môn giải - trí cao - cả trong sự gắng-gỏi của các bậc học-giả, sĩ-phu. Sự thưởng-thức thi - ca là phần tưởng-lệ cho những cuộc khám-phá gian-lao, vất - vả. Nếu một bài thơ mà ai cũng hiểu được cả thì bài thơ đó chắc cũng chẳng chứa-đựng gì.

Một lát sau, các thi - sĩ bắt đầu đọc cho nhau nghe những sáng-tác của họ trong tháng vừa qua rồi họ khen-tặng, phê-bình lẫn nhau, lẽ tất - nhiên là rút lại thì khen-tặng nhiều hơn phê - bình. Cái hảo-ý của họ để hiểu và thưởng - thức thơ của nhau thật là thành-thực ; việc giải-thích những đoạn, những câu đặt-biệt khó-khan, tối nghĩa của các tác-giả đã có nhiều cái vui, nhiều lời bàn-luận. Không cần phải chứng thêm nhiều thí-dụ về thơ của họ nữa. Lư tiên - sinh tỏ vẻ là một lạnh-tụ đáng kể của Học phái mới, Ly-miêu thì có một vẻ duyên-dáng vô-song mỗi khi ông ta đọc thơ của mình với một giọng khò khè êm-ái. Hiền-Kê-Công tiên-sinh, con người ca hát, là người duy nhất trong tháng vừa qua không sáng-tác gì vì ngài quá bận-rộn với « tam-cung mỹ-nữ », theo lời giải-thích oang oang của ngài. Ngài nói cà-lăm quá, khi nghe đọc thơ người khác ngài cứ luôn luôn kêu « Cứ... cứ... cứ không nghe được ». Chư tiên-sinh khoanh tay trước ngực, miệng rên-rỉ một cách thích-thú lắm ; trong khi Sơn-Lang tiên-sinh, vốn là một người bộc-

trực trung-thành với bằng-hữu, cứ gào lên một cách khoái-trá khi nghe một bài thơ của Lư được giải-thích bởi chính thi-sĩ tác-giả. Khi nghe họ hội-hợp với nhau, tôi có cảm-giác khoan-khoái như đang được dự vào chốn thân-nghiêm của một hội tao-đàn văn-học. Chủ-Nhân, Lạc-Đà-Không, lùi ra khỏi cuộc trình-diễn ồn-ào, ngồi vừa trầm-ngâm mơ-màng về quá-khứ, vừa nghịch với một cọng rơm ở trong miệng.

Cuộc tranh - luận kéo dài về khuya. Ly - Miêu là người đầu tiên đi khỏi. Ông ta lặng-lẽ lên ra ngoài không ai biết cả khi tới lượt Sơn-Lang đọc thơ của tiên-sinh. Cứ vừa uống vừa nhồm-nhoàm ăn, vừa tranh-luận cuộc thực-hiện lý-thứ của trường thơ mới như vậy, thời-giờ đi nhanh-chóng biết-bao. Ông giáo-sư, nhà phê-bình hạng nhất và cũng là người đại-diện cho học-thuyết mới, đã ngủ khi trên ghế, đầu gục xuống ngực khiến tôi chỉ nhìn thấy bộ tóc lởm-chổm của ông. Vào khoảng ba giờ, Hiền-kê-Công bỗng đứng nhảy chồm lên nói là ông phải về nhà ; ông nhắc cho mọi người biết là ông phải dậy lúc rạng đông mà ông đi chơi suốt cả đêm rồi. Chư tiên - sinh thì ngủ ngon lành trên ghế, cái bụng bự của ngài phập-phồng theo nhịp với tiếng ngáy ngủ. Chỉ có hai thanh-niên, Lư và Sơn-Lang là hoàn-toàn tỉnh táo không có vẻ gì buồn ngủ cả.

Khi tôi ngủ rũ xuống thì tôi không biết gì nữa. Bây giờ chớ bảo tôi giải-thích những sự việc đó. Tôi chỉ nói cho bác nghe những gì đã xảy ra thôi. Khi tôi nghe tiếng chuông chùa thì thức dậy, thấy mình đang nằm ngủ

trên nền đất trong một góc chùa. Một mùi là-lạ, khăng - khăng xông lên mũi tôi.

Trời đã quang-dương, tôi thấy đôi bụng. Tôi vội đứng lên và nhìn quanh. Mọi vật đều hiện đầu mắt. Không thấy có bếp lửa và đồ-đạc nữa ; ngôi chùa hoang-tàn và hoàn-toàn trơ - trụi. Tôi đi vào phía trong với hy-vọng xem có thấy người nào chăng, mùi nồng-nực hơn lên khi tôi bước vào phòng phía trong. Ở đó tôi thấy một con lạc-đà già ốm nằm phủ-phục trên mặt đất, ngạo-nghe không thèm để ý tới sự hiện-diện của tôi. Kinh-ngạc bởi những điều đương thấy lúc này và đã thấy hồi đêm, tôi đi xem xét chung - quanh đó. Ở phía bắc, tôi thấy một con lừa gầy - guộc, mình bị trầy-trọt nhiều chỗ. Nó được phủ lên bằng một cái chăn xám, và hầu như yếu quá vì đói nên không kêu đòi ăn được nữa. Xúc-động vì hoàn-cảnh những con vật này, tôi đi tìm một ít rơm. Trên đường đi, tôi thấy cái gì động-đậy sau cái tấm ván dựng vào vách chùa, tôi tìm ra một con gà trống đứng ngủ ở đó. Tôi kiểm được ít rơm trong một cái nhà phụ-thuộc đổ nát, trong đó trên vách tường màu xám có những bức họa cổ-xưa rất quý-giá. Lúc lấy rơm, tôi thấy một con mèo đen bắt-chợt nhảy vọt ra rồi chạy biến mất ra ngoài sân.

Ôm một bó rơm, tôi quay lại cho con lừa ăn, nó nhìn tôi một cách biết ơn ; rồi tôi đi vào trong cho con lạc-đà già ăn. Tôi thấy nó có một khuỷu chân sưng lên. Ký-ức cuộc hội-hợp đêm qua khích-động quá khiến tôi bảo nó :

— Tôi cảm ơn sự chứa-trợ của ngài hồi đêm.

Nhưng nó chỉ ngửi-ngửi nắm rơm, liếm lưỡi rồi nhìn tôi trập-trùng.

Khi đi qua sân, tôi bước qua một cái mũ to vành của người nhà quê nào đã vất bỏ, tôi khám-phá ra một vật gì động-đậy trong đó. Đó là một con nhím. Tôi nhận ra cặp mắt long-lanh nhỏ-bé của giáo-sư, tôi đã toan chào ông ta với một đôi lời chẳng-hạn « Thật là đại hân - hạnh... ». Nhưng lông nó đã dựng đứng lên một cách giận-giữ để tự-vệ, tôi vội-vả bỏ đi. Để thường tôi đã phát điên thì phải, vì tôi nghe thấy ở phía sau tôi một giọng nói nhỏ, lạnh-lãnh « Có một sự mâu-thuân rõ-ràng... » Bất cần lễ-độ, tôi bỏ đi không ngừng lại nghe ông ta nói hết lời.

Tôi thấy ngựa của tôi còn buộc ở thân cây. Lúc này trời đã sáng rõ, khi tôi đi qua làng, người trong làng đã dậy cả. Tôi ngừng lại ở một ngôi hàng cũ-kỹ để ăn điểm-tâm và kiểm ít cỏ khô cho con ngựa. Một con chó đi tới ngửi-ngửi tôi và vẫy đuôi một cách ngoan-ngoãn, như thể là nó quen biết tôi.

Tôi vỗ vào lưng nó một cách triu - mến và nói :

— A ha, Sơn-Lang.

Người chủ có con chó hỏi tôi :

— Sao ông lại gọi nó vậy ?

Tôi đáp :

— Tôi không biết.

Ông chủ quán bảo :

— Nó là một con chó săn cừ - khôi đó. Gà-qué trong làng không thể yên-ổn được với nó, trừ-phi là tôi cột nó lại.

Tôi lại tiếp-tục lên đường, không nói cho người chủ-quán hay những việc kỳ-lạ mắt thấy hồi đêm. Tôi gặp tên người nhà của tôi đương chờ tôi trong một cái quán ở thị-trấn gần đó.

TIÊU BÀI NGUYÊN

★ MAI - TRÚC - DIÊN ★

Ngày xưa có một chàng thời sáo
tu huyện cùng thầy trên núi xanh
chín năm hơi trúc ngân bằng suối
êm như mây và nhẹ đáng mảnh
một sáng chim chào mào đến đậu
hươu nai thập thò trong lá thưa
vâng thầy, chàng già từ xuống núi
hai tay nâng sáo mềm tựa tơ
chàng đi đến một con sông nhỏ
nơi đây năm tháng mê mùa xuân
chàng dựng chòi và ăn hoa quả
cốt cách như thần tiên giáng trần
chàng ở đây ba năm một mình
đêm kia trăng về ngủ trên sông
có con thuyền ai đâu trôi đến
rồi một chàng thư sinh bước lên
hai người gặp nhau bên bờ nước
lễ phép vòng tay và cúi chào
bốn mắt nhìn... Ô, không ngờ được
như đã quen từ muôn kiếp nao
hai chàng cùng đem sáo ra thổi
một giọng như gió và như mây
còn của chàng thư sinh mới lại
đượm những u buồn những đắng cay
« Dám thưa đại huynh, cho được hỏi
có gì cô phần hay ưu phiền ? »
« Thưa : mười hai năm về trước
đệ nằm mơ, và nửa hồn lên tiên... »
Từ đấy lều tranh vắng bóng người
sông cũng buồn sông không muốn trôi
nàng xuân thay áo che buồng lại
mây thăm rủ gió trốn ra khơi

M. T. D.

★ XUÂN-TÙNG

TRẬN BANH ĐÁU

MÃY bữa rày, đội banh Lam-Hà tập vọt ráo-riết. Còn ba chiều nữa đã đến trận « mách » rồi. Lần đầu ra quân chạm trán với đội banh xóm bạn, chẳng lẽ để thua thì còn chi là thể-thông. Tuy đội bóng Ngã tư chẳng gì xuất-sắc, nhưng gần chợ, năng chơi, nên có phần trội hơn. Đội Lam-Hà mới thành-lập, cầu-thủ lại toàn là dân nông nên việc tập-tành coi bề rời-rạc. Bởi nhấm chỗ yếu đó nên chiều nào vào khoảng mặt trời còn vài sào là các cầu-thủ đều tập-trung về bãi Lùm-Vàng đá vọt.

— Ê « bách-xê » lại đây một cú !

Sừng Đen vọt vội chiếc sơ-mi lên cây nhãn, nhảy phóc ra sân. Thuận chân hắn ních một đá vào trái banh vừa bay tới. Quả bóng tung bổng lên không, xoáy tròn rồi từ từ hạ xuống. Hắn dặng chân,

vuốt tóc chờ trái banh xuống gần là sẽ đội một cú để ra oai với lũ đàn em. Bất đồ trái banh phản chủ chỉ chọt một bên đầu rồi bay xéo sang góc sân. Sừng Đen giận lắm, nhưng cũng lớn tiếng bảo chữa :

— « Tệt » xéo như vậy là nghề lắm chứ chẳng chơi ! Trúng vô « gôn » thì « gạt gôn » có nước méo mặt.

Câu nói long-trọng của Sừng Đen khiến một sỏ cua - rơ đang cười phải nín bật. Sỏ khác lộ vẻ khâm-phục sát đất.

Kể ra, đội bóng Lam-Hà thành-hình được phải công-nhận phần lớn nhờ ở Sừng Đen. Hắn nguyên là một thợ may, cạnh tranh không nổi ở chợ Quận cho nên mới cuộn gói dọn về đây. Ban đầu mới đến, dân xóm có ý xem thường. Dần dà về sau, người ta mới khám phá ra rằng trong người hắn có chứa

chút ít giồng máu thề-thao. Nước da ngăm đen, mấy vết sẹo trên mặt — theo lời hấn, đó là di-tích của nhiều trận « mách » đã chứng minh điều đó. Lại thêm thói quen dùng danh-từ chuyên-môn trong câu chuyện hằng ngày càng khiến cho hấn có vẻ là con nhà nghề. Đại-đề khi gặp hai mẹ đàn bà đang chửi lộn nhau thì bao giờ hấn cũng chen vào : « Cứ a-lềch-xô vô đại đi chết bỏ ! » Gặp ai chơi không vừa ý là hấn chê liền : « Mấy bị ọt-giơ rồi ! » Làm như việc đời toàn là chuyện trên sân banh. Được cái, trai xóm nghe miệng hấn nói trơn-tru quá, nên không còn dám xem thường hấn nữa.

Dọn may được non tháng, anh chàng có dòng máu thề-thao ấy, chợt nhận ra rằng bàn chân mình trời sinh ra không phải chỉ để trên bàn đạp mà phải tung-hoành trên sân cỏ.

Hấn liền bày tỏ nỗi-niềm cùng thôn-trưởng Châu với ý-định thành-lập một đội bóng tròn trong xóm. Trước để chơi cho vui, sau phát-động phong-trào trẻ khỏe. Thôn trưởng Châu cò nhiên là rất tán-thành. Nên chuyện thì xóm sẽ được tiếng « văn-minh » mà cán-bộ cũng thơm lây chút đỉnh. Vả thôn-trưởng Châu tính thích banh-lông lắm. Chả là hồi nhỏ còn học trường làng, trường ta cũng đã từng mê banh đến tròn học, quên ăn, đã từng nổi tiếng là thằng đá ầu nhất. Hồi đó chỉ chơi banh giẻ hoặc quả bưởi, làm gì có bóng cao-su như bây giờ.

Công việc như vậy đã thành hình. Thôn trưởng Châu đích thân đứng ra lo liệu. Bãi cỏ Lùm Vàng được trai xóm bỏ một ngày công dọn bằng làm sân banh. Mấy cây trâm ôi hai đầu do Sừng Đen nhảm chữa lại thề trụ « phôtô ». Bãi cỏ lại nằm ngay bên ao nước. Đá banh xong, có thể ùm xuống tắm rửa trước lúc ra về.

Mấy bữa đầu, trai xóm chơi banh hỗn độn quá. Mạnh ai nấy đá, hung hăng, ồ ạt tựa bầy trâu báng lộn. Chân gặp chân, lưng độ lưng huỳnh huých, răng rắc. Bụi xoăn từng cột như luồng ma trốt trốt. Quả banh nhảy, xoáy, lăn quẩn quít. Đền đôi Sừng Đen phải thoát ra ngoài vòng chiến thôi còi hét lên.

— Không được ! Không được ! Lại « mạnh » rồi. Lại « đơ-công-on », lại « cọt-ne » túi bụi. Dừng lại, dừng lại !

Nhưng về sau rồi cũng quen đi. Thuận thực và có qui củ hơn. Y như bầy voi dữ đã phục chú nài. Cầu thủ dần quen tai và cũng biết dùng bập bẹ đôi tiếng « suýt », « bê-nang-ti », không như lúc đầu mới nghe Sừng Đen quát « a-nu », « bách-xê » lại cứ đứng ngẩn ra như vịt đực. Sừng Đen bắt đầu gọi anh em là cua-ro cho có vẻ chững chạc hơn. Và mỗi cua-ro cũng đã biểu lộ được cái sở trường của mình. Hai Tào thời chuyên môn giữ công. Nguyên gã là thợ vôi quen bắt gạch, ngói nên việc « gạt-gôn » rất hợp khả năng. Trưởng thôn Châu, tổ trưởng Thìn có bộ chân như cột cái, thân hình tợ che chiếc nên để đứng « a-ri-e » thì vững như trổng.

Lại thêm đá banh có tạt la như cắt cổ, địch quân dẫn banh xuống ắt phải mất tinh-thần. Rồi đến Trương, Mậu đứng « đờ-mi-ên ». Năm Xá nhất định phải để đứng « đờ-mi-xân ». Anh ta có cái đầu trọc « tẹt » banh rất bảo-đảm, nhưng phải cái ít « phong ». Chạy một chập đã thấy xui lơ Ngoài ra, còn ba Đá có cặp giò như sắc, thọc đến đâu là giò khác phải xang xa ; Sáu Kinh lùn tịt lợi hại ở ngón lặn đạn bắt kẻ trúng trật nên được anh em gọi đùa « xe tăng » ; Bình ròm sọ banh như sọ vợ, thầy cú suýt mạnh, lo bùm mặt trở xa, tuy vậy cũng phải thâu nạp vào hàng cua rơ vì dù sao gã đã đóng góp cho đội khá nhiều từ cái ống bơm, lọ « côn » đến chiếc lốp. Đại khái tách bạch đội banh cho rạch ròi làm vậy, kỳ thực khi lâm trận khó mà giữ cho đúng nề nếp được. Say máu ngà lên, thôi thì tông đại vô, phang bậy phang bạ miễn sao có đá trúng banh là được. Cái mạnh ở toàn đội chính ở chỗ đó.

Riêng phần Sừng Đen, hẳn tự phân cho mình chức « cua-rơ-xân ». Điều này chẳng có ai thắc mắc gì. Bình tâm mà xét thì tài đá bóng của Sừng Đen cũng ngang tài may mắn của hắn : độ mười cái đồ, hẳn phải chữa lại chừng vài ba cái thôi ! Tuy vậy « không voi thì ngựa lớn » và hắn đã tập tành vào nghề sớm nên cũng tìm tem đôi ba kinh-nghiệm. Thế vừa đủ để cho hắn ra uy trên sân cỏ và khiến các cua-rơ, dù là thôn trưởng Châu, tổ trưởng Thìn, đều rấm rập tuân theo.

Trương cũng nên nói thêm, từ ngày về xóm, nhà ở cái ngang nghề đó, hắn đã lọt vào được mắt xanh của một người. Đó là Lựu, Trần-Thị-Lựu. Đầu đuôi chỉ tại con đường từ nhà cô ả đi vào xóm lại chạy ngang qua sân banh. Mà cô ả thì chiều nào bán hàng dạo xong về nhà cũng phải đi con đường đó. Thành thử chiều nào cô ả cũng đứng lại đôi phút để nhìn sân bóng. Cờ nhiên cô phải chú ý đến con người nổi bật : Sừng Đen.

Về phía Sừng-Đen, hẳn ta không phải là người vô tình. Vào những lúc có người đẹp chú ý như vậy, hẳn thầy hăng-hái lạ thường. Quất banh vun-vút, miệng hét tướng lên :

— A-lềch-xô đại vô đi, chết bỏ !

Kỳ thật thì hắn đã để tâm đến ả Lựu từ lâu kia. Định nhờ thôn trưởng Châu dò la mai mối nhưng chưa có dịp đó mà thôi.

Lại nói về xóm Lam-Hà từ ngày lập hội banh, không - khí có bề vui rộn hẳn lên. Chiều nào, tiếng bình-bịch của quả banh cũng kéo một số khá đông người về bãi cỏ. Mấy bà có con, nách đưa bé theo để nó bò lê dưới đất, phần mình xúm nhau bắt chí. Mấy bác sồn sồn thăm ruộng về cũng chồng cuốc đứng xem. Trẻ nít giữ bò thì khỏi phải nói. Chúng qui bò về một chỗ, thất trái banh giề rồi cũng chia hai đám đá như người lớn. Còn người lớn, ai ngựa chân cứ xông vào đá tự do. Chơi banh có ưu-điểm dễ làm con người gần-gũi, đồng đẳng nhau, quên hết những cách biệt, hiềm-tị thường ngày.

TRẬN BANH ĐẤU

Tuy vậy có hai hạng người trong xóm là chẳng ưng ý chút nào. Trước hết, các bà vợ hay mẹ có chồng hoặc con mới bén mùi sân cỏ. Những ông tướng nầy chẳng làm các bà vừa ý chút nào. Cứ nửa chiều, khi ngoài lùm có tiếng xíp-lê thối là thối, cây dờ cũng mở bò, cuộc đất cũng thả cuốc, năm nhà cũng tung dậy đông ra bãi cho kỳ được. Vạn bất đắc mà phải ở lại thì cứ thậ-thậ thậ-thậ, mặt xiu như quả bóng xi hơi. Thứ đến là các nhà có ruộng lúa quanh sân bóng. Ai đời, mấy cậu chẵn bò cứ lo châu đầu vô trận đá nên quên khuấy mất bảy bò đang chạy rông và tự do nhâm-nháp từng vạt lúa xanh tơ. Dù chủ nhà đã đôi ba lần cảnh-cáo bằng roi vọt về tội qui bò để bò đói xâu hông, nhưng chứng nào vãn hoàn tặc ấy. Cho hay cái sợ không thắng nổi cái ham chơi.

*
* *

Đúng bốn giờ chiều ngày thứ bảy, mặt trời vừa mấp-mé ngọn sọp, thôn-trưởng Châu đã vác xíp-lê thối ỏi dọc đường. Sừng-Đen theo sau vồng quả banh bình-bịch. Đó tạm xem như dấu hiệu tập họp. Cua-rơ trong xóm đồ xô ra đường. Người nào coi bộ cũng hăm-hở lắm. Sừng - Đen kiểm đầu được cái Bê-rê đội trập lên đầu, chân mang đôi giầy trắng há miệng nom càng ra vẻ. Tổ trưởng Thìn chỉ mang một chiếc tất nhà binh lên tới đầu gối chân mặt. Ở xa trông như người cụt chân. « Gạt gôn » Tạo quân một lớp giẻ rách côm-cộm nơi hai đầu gối. Đây chắc là do Sừng-

Đen bày đặt. Mấy đứa con nít thầy ngổ ngổ cứ chạy theo chỉ chỗ cười hoài, khiến anh ta vừa hãnh - diện, vừa mắc cỡ. Bình rôm ngậm lúng búng trong miệng một trái chanh. Ý chừng sợ không ai chú ý nên lâu lâu cậu ta hít mạnh chíp chíp.

Cả bọn rầm-rộ kéo nhau ra bãi.

Ngoài bãi, bóng rợp chiếm hết nửa sân. Vạt đất rộng, cỏ mọc từng chòm loang-lổ giống một tấm vải nhiều màu. Bảy bò được lữ trẻ tập-trung về đứng rải-rác quanh gò cây lúp-xúp, in những chấm nâu lên nền lá xanh, xa trông cứ ngỡ màu áo của các cầu-thủ đồng-phục. Đồng-bào trong xóm, nhất là sỏ thanh niên đã tể-tự từng chòm dưới bóng cây. Vẳng một sỏ các bà bề con quen thuộc có lẽ vì trời còn nắng. Các cụ râu-ria cũng ráng đi xem, một phần vì máu cục-bộ địa-phương, một phần vì nề lòng thôn trưởng.

Anh em bên đội bóng Ngã Tư cùng một sỏ khán-giả làm hậu-thuần đã tới từ lâu. Sỏ cua-rơ tung banh làm quen sân cỏ. Không ai vô đó ! cũng toàn là sỏ quen thuộc thường gặp hàng ngày trên ruộng lúa, đám khoai hoặc buổi chợ Quận. Quả banh lăn lông-lộc trên sân. Bụi cuồn theo từng lớp đậm-đặc. Lữ trẻ ranh cứ vây quanh, chực có quả banh nào lọt ra là xúm lại đá leo.

Sừng Đen cùng đồng bọn đã đến nơi. Hai bên cầu-thủ chào hỏi qua loa rồi ai lo phần nầy. Bên Lam-Hà chiếm nửa sân bên này vọt sỏ lại. Ý như học trò thi phải làm bản nháp

trước khi vào bài chính. Thẻ thức ngoại-giao đã có thôn trưởng chăm lo. Chỉ việc đèn tìm Tư-Hồ, sắp đội bên kia là đủ. Tư-Hồ tiếng vậy nhưng là con rể xóm Lam-Hà, chồng chưa cưới của cô ba Mận. Công chuyện, nhờ thẻ qua-quít đôi câu đã xếp đặt xuôi ro.

Phân Sừng-Đen, hấn chấp tay sau đít đi quanh sân cỏ một vòng để nghiên-cứu tình-hình. Kỳ thực, hấn đang rình trong số khán-giả cỏ tìm bóng dáng ả Lựu. Vừa lúc Lựu ở nhà ra, trên vai kiêu-kịt đôi thùng nước nóng. Cô ả định nhân dịp tập hợp đông nấy kiếm ít tiền lời. Sau nữa được thầy Sừng Đen trở tài, anh chàng có cặp đùi chắc nịch, thân xác ô-dễ, chiều nào cô ả cũng bắt gặp hí-hục dưới ao, sau trận đá vào lúc nhá-nhem.

Sừng Đen đi chậm lại, chờ cho Lựu đặt thùng xuống, ngừng lên, hấn liền trở một nụ cười tình. Cô ả cũng cười đáp lại rồi vờ nghiêng nón quay lơ. Sừng Đen cảm thấy lòng mình như muốn bay bổng theo quả banh lông. Chiều nay trên sân cỏ, chắc chắn hấn sẽ có dịp khoe tài. Biết đâu một công lại chẳng được đôi ba chuyện ?

Khi cô Lựu ngó lại, Sừng Đen đã đi xa. Định cúi xuống lột thùng ra khỏi gióng thì có người đập phía sau lưng. Quay lại, thầy cô Mận đang bụm miệng cười, Lựu hơi thẹn nói giả khuây :

— Cũng biết đi coi đá banh à !
Tiền-bộ gồm hí !

Mậu đánh đá :

— Bộ mình cỏ biết đi sao ?

Lựu cười :

— Thôi tôi biết bà rồi...

Mậu không chịu thua :

— Bộ tôi lại không biết bà sao ?
Cứ tưởng là...

Không để Mận nói hết câu, Lựu lấy nón đập đồn trên lưng bạn rồi cả hai hả hợng cười.

Ngoài sân trận đá đã bắt đầu. Cua-rơ đôi bên giàn trận. Phía đội Ngã Tư bận áo, bên Lam Hà cời trần. Trọng tài là anh Giáo Ngử, vừa chân ướt chân ráo đến xem, nhằm lúc tưng người liền bị bắt cóc ra trận đấu. Vồn một giáo viên chuyên gõ đầu trẻ, luật banh chỉ biết nhì nhằng, nay dùng một cái ra giữa sân banh, giáo ta rất là lúng-túng. Nhưng nề lòng cầu thủ, bắt đất dĩ nhà giáo phải nhận lời.

Mở đầu, thôn trưởng Châu thay mặt đội nhà, bày tỏ đôi lời phi lộ. Đại ý anh ta nêu điểm tình-thần trên hết, chơi cốt giải trí không cốt ăn thua mà sinh điệu xích-mịch, mặt hòa-khí với nhau. Thôn trưởng Châu dứt lời, trọng tài Ngử thổi te một tiếng. Trận chiến bắt đầu.

Quả banh tung lên, rớt xuống, qua lại túi bụi trên sân. Bàn chân xô nhau chạy thành-thịch. Cát bụi như đám khói đen vây phủ cả người. Ban đầu còn phân biệt hàng ngũ, đèn sau thổi thì tán loạn. Mạnh ai nấy giành, khỏe ai nấy đá bắt kẻ vị trí của mình, Quả banh chạy đèn đầu là cầu thủ xúm đèn đỏ đen nghịt rúi nhúi tựa bầy họa xâu xé

miếng mỗi, Trọng tài Ngũ chạy đỡ cả chân mà đôi lúc còn phải quỳnh lên. Trần đá bằng chân dần dần biến thành trận đá bằng miệng. Sừng-Đen thân mình nhem-nhuộc như trâu lặn lằm, vừa hồng-hộc thở vừa hét :

— Kèm sát vô. Đó, đó «bách-xê» lại sau. Đá thẳng vô «gôn» đừng dần nữa !

Tiếng của tiểu đội Thìn rống lên cầu cứu :

— Banh xuống rồi, «đờ-mi» đâu về giữ nhà bớt. Sao lại cứ nhảy lên trên đó. Xuống xuống gấp.

Đằng góc sân, chột giọng của Tư-Hồ thật thanh :

— Ê ! coi chừng chơi xấu, liệu hồn đó nghe !

Cuộc đấu đèn độ quyết-liệt. Kề ra về tài liệu mạng thì chẳng bên nào lép bên nào. Ở đây, sức mạnh được tận dụng đúng mức. Sức lạnh lẽ không cần thiết bằng lời xô lẫn càn đùa, Nhất là khi Tư Hồ dẫn được banh xuống phía Lam-Hà, quất một cú vào «gôn» khiến thợ vôi Tào ngã quay lơ, thì không khí đồ quạu đã bắt đầu.

Sừng Đen mặt bầm tím, lỏng lộn như con bò theo cái. Hấn chạy bao sân, chân tưởng không bén đất, vừa thở hào hển :

— Cứ nhắm «gôn» nã đại vô đi ! Đừng phí banh vô ích. Phải phục-thù mới được.

Vừa gặp đường banh do một cầu Ngã Tư dẫn xuống, Sừng Đen chạy

lại, giơ thẳng chân dùng hết sức định chần cậu kia một cú. Không ngờ cậu kia lanh hơn trở được đá thẳng. Mặt đà, Sừng Đen té đánh ạch tạt trời giáng hệt, túi mặt túi mày. Đầu gỏi liềm đất, trầy một miếng đồ lôm đau điếng. Vừa tức vừa thẹn, hấn cồ gương dậy, bặm miệng để chịu đau. Thầy sồ đồng bạn chạy quanh, Sừng Đen giơ tay khoát khoát :

— Không hề chi đâu, tại cái sân «đế phồ» quá mà !

Hấn nhỏ một bãi nước bọt xoa xoa vào vết thương, đoạn gương càn nhót chạy theo banh.

Bây giờ tình thế có bề thuận lợi cho phía Lam-Hà. Nhờ xuôi gió, banh bay về phía Ngã Tư tới-tấp.

Bình ròm chạy lơn xon chực kiếm-một đường banh sơ-hở để lập thành tích cho mình. May đâu gặp quả vừa tầm, hấn phóng chân đá móc một cú tuyệt đẹp. Nghe có tiếng vỗ tay bên ngoài, hấn vờ té luôn xuống sân thẳng cẳng. Đầu chừng một phút đủ long trọng hóa vắn-đề, hấn nhẩn mặt ngồi dậy, ẹo qua ẹo lại, hai tay vuốt lịa bắp chân lằm như người bị trệt thịt.

Trong lúc đó, không-khí khán-giả bên ngoài không kém phần sôi nổi. Tưởng như trận giặc miếng thứ hai. Khán giả bên nào cũng cố giành phần hơn về mình. Lời bình-luận hết sức thiên lệch :

— Coi kìa Ngã Tư chơi xấu kìa. Aì lại móc chân đằng sau cho họ té.

Lập tức có người trả lời liền :

— Chớ bộ Lam-Hà chơi hiền lắm sao. Đá banh mà cứ nhè hông người ta nện vô. Tui mà « ạt bít » thì tui phạt cháy da !

Một cậu thanh-niên la hốt hơ hốt hã :

— Chu cha « ọt-giơ » rõ ràng mà không bắt kia, cua-rơ xuống dựng nhà dưới ni mà cứ làm lơ.

Rồi cậu nhảy trống lên rồi-rít.

Ọt-rơ ! ọt-rơ !

Tức thì một cậu khác đứng phía sau lên tiếng đề tỏ ta đây là thông thạo luật :

— Rứa mà cũng kêu là « ọt-giơ » Banh xuống thì cua-rơ xuống chớ ! Cứ đứng ngoài làm tướng.

Thanh niên kia quay lại :

— Anh bảo ai làm tướng, bộ anh lại biết cái đánh chi !

— Không biết chứ cũng dạy mi được.

Thề là cuộc xô xát bắt đầu, may có mấy người can thiệp không thì cũng tới chỗ ẩu đả.

Phía bên kia, một số người xem cuồng nhiệt, ban đầu còn đứng lẽ sân, sau cò lần dần vào giữa. Ý chừng họ cho rằng có đứng gần coi mới thú. Một số như bị quả banh mê hoặc, cũng giơ chân, hất tay, nghênh đầu theo đúng động-tác các cầu thủ trong sân. Số khác ngửa miệng, nói chớ vào đề điểm-chỉ giúp phe mình :

— Nó đứng sau đó, bắn đi !

— Ê ! Sừng Đen chạy tới kia, đưa qua trái, « tét » cho Tư-Hồ. A-lê-hấp nện vô. Chà uổng quá !

Nãy giờ, cô Lựu đã đẩy thùng nước, chạy ra cùng cô Mận ngồi xem. Lựu chăm-chú nhìn Sừng Đen, còn Mận lo theo dõi anh chàng Tư-Hồ. Cả hai, tiêng là xem banh nhưng chỉ lo theo đuổi những ý-nghĩ đầu đầu. Chợt Lựu quay lại, cầu vào vai bạn tinh quái :

— Mận nè, theo mấy, muốn bên nào hơn, nói mau !

Bị hỏi thình lình, Mận ập-úng :

— Ơ... ơ... ai giỏi... thì hơn chớ...

Thầy Lựu cười ngật-ngoẻo, Mận như hiểu ý, dò mắt :

— Cái con khi nấy cứ theo đĩa họ mãi, đồ âm-hồn !

Thuận tay, Mận véo vào đùi về Lựu một cái rồi cả hai lại há họng cười.

Ngoài kia, cua rơ Lam-Hà đã lập được một chiến-tích. Sừng Đen mang banh xuống và cả người cùng banh lao vô « gôn » địch như một cơn lốc, gỡ huế cho đôi nhà. Tiếng vỗ tay nổi dậy, nồn, bít bay tung. Vừa lúc giáo Ngừ thôi còi tạm nghỉ.

Khán giả được dịp túa ra sân nhón nháo tựa bầy ong vỡ tổ. Rồi thì bên nào lo vây quang bên ấy thăm hỏi, dặn dò rồi-rít như đón một toán lính ở trận về :

— Mệt không ? Sao lại sừng giò lên rứa, có dấu hoả ở thùng diêm đây, xứt xí !

— Nè, coi chừng cái thằng lùn lùn đó nghe ? Hấn đá dữ hoắm !

TRẦN BANH ĐẤU

Một cụ già lắc đầu ái ngại :

— Bay phải soi chừng cái chân, cái tay. Nói đại, rồi một cái, giữa mùa giữa màng có nước bó tay. Chơi thứ sinh tử quá!

Cụ chắc chắc lười, hàm râu run run. Cuộc hội hạn dần biến thành phê-bình, góp ý :

— Cái sân chơi chẳng sướng trơn. Lại trái banh bom căng quá, đá chết cả chân. Tí nữa phải thay trái banh mới được.

— Đề nghị thay « ênh » trái. Cậu ấy đá kém quá ! lại tém banh không được.

Các cầu-thủ nằm nhòai ra sân. Có người đi tìm nước uống, có cậu xuống ao rửa ráy chân tay. Duy có ba ông con nít, thừa lúc quả bóng bỏ không, chúng kéo ùa ra giành nhau đá tán loạn.

Phân Sừng Đen, sau khi nói chuyện qua loa với các cua-rơ, hấn lúi ra sau ao để lau sơ mặt mũi, rửa lại vết thương. Khi thấy mọi người đều đã có công chuyện của mình, hấn mới lần lên bờ định mò lại gốc cây cô Lựu uống nước. Thôn trưởng Châu đang ngồi chồm hồm nói chuyện với cô Mận ở đó. Các cua-rơ rải-rác ra sân.

Cô Lựu tráng bát, pha cho Sừng Đen một bát nước chè đầy. Sừng Đen cảm động bụng bát uống chậm-chậm. Khi ngược lên, hấn bắt gặp tia mắt của Lựu đang nhìn mình

chăm-chấp. Lựu hơi luống cuống, vờ hỏi nhanh :

— Anh bị té có hề chi không ?

Sừng Đen cảm thấy run run. Hấn đỏ mặt nhìn xuống vết thương, giọng hấp tấp :

— Không, không hề chi. Chỉ chột sơ thôi.

Ngoài sân, tiếng còi của trọng-tài thổi lên giục dã. Thôn trưởng Châu đứng dậy hỏi Sừng Đen :

— Ta ra sân thôi hề !

Sừng Đen còn đứng nán lại, trao bát cho Lựu ngập ngừng :

— Cô lấy bao nhiêu tiền ?

Lựu cười tự nhiên :

— Không lấy tiền anh đâu. Ai vô đó mà tiền với nong.

Sừng Đen tưởng như mình sắp ngã đi vì sung sướng. Tưởng khi hấn mang banh vào « gôn » cũng chẳng sướng bằng. Còi lại dục lần thứ hai. Thôn trưởng Châu nóng ruột, nắm lấy tay hấn lôi xềnh-xệch ra sân vừa nhìn Lựu nheo mắt cười :

— Rửa cũng đủ rồi. Việc chi nữa còn có « mỗ » đây !

Ngoài sân cỏ, các cầu-thủ đang chuẩn-bị giao banh. Nhưng Sừng Đen không nghe thấy hoặc quan-tâm gì cả. Bởi vì riêng đối với hấn, trận cầu tuy chưa kết-thúc, nhưng ít ra, về một phương-diện khác, hấn đã thắng ván đấu.

XUÂN-TÙNG

BÁCH KHOA CVI

TRUYỆN DÀI
TUYẾT - HƯƠNG

PHẦN ĐẦU



liếp theo B.K. số 105

PHẦN THỨ TƯ

CÓ thể nói tôi đã được gần như một người bình thường. Trong lúc nói chuyện đã dùng đến tiếng « đi chơi », một tiếng được cắt kỹ từ lâu. Mẹ tôi đã nghe nói : « Để con làm cho... ».

Tôi làm thật, không phải chỉ « ráo » lên đầu. Làm đủ mọi thứ vừa... sức tôi. Muốn thí-nghiệm sức « dẻo dai », tôi thử đi xem chớp bóng. Nếu ngồi mấy tiếng

đồng hồ liền không sao là khoẻ mạnh lắm rồi. Ác một cái có thể làm « lai rai » suốt ngày, cứ y như đi xem xi-nê là cảm hay sốt ! Như thế đâu đã được xếp vào hạng người bình thường !

Nhưng không vì thế mà tôi buồn nản. Có thể nói chính lúc khoẻ mạnh hoàn toàn tôi cũng không tin tưởng vào ngày mai và vui sống bằng bây giờ. Vui một cách thành thực đơn giản.

PHẦN ĐẦU

Tôi có cảm-tưởng đã tìm ra chân-lý của sự sống, đã tìm thấy bí-quyết của sự thành công, có thừa nghị-lực để chiến-thắng hết mọi trở ngại sẽ gặp. Đôi mắt sáng long-lanh, sẽ không còn một sự gì làm tôi lùi bước và sợ hãi. Tôi cười thầm cho sự yếu đuối, tuyệt-vọng mà mình vừa trải qua. Tôi nghĩ:

— « Nếu không trời dậy được, chắc giờ này mình không còn đứng đây để ca tụng đời đẹp ».

Uống thuốc đối với tôi không còn là một công việc bốn phần nữa. Tôi chịu khó uống thuốc lắm. Coi việc uống thuốc như một trò quỷ-thuật giải trí vậy. Bao giờ cũng thế, làm việc với sự ham mê vui thích, sẽ thấy việc đó dễ dàng, có những thi vị riêng biệt. Tại sao trước kia tôi không nghĩ thế ?

Chắc bác-sĩ hài lòng. Tôi đến rất đều và tỏ ra rất lạc-quan. Đã không hỏi gì, không phàn-nàn uống thuốc hoài, tôi còn vui vẻ hỏi có còn thứ thuốc gì nên uống nữa ? Tiêm hay uống không thành vấn-đề.

Trước tôi sợ tiêm vô cùng. Sắp tới giờ bị tiêm là không thể nghĩ gì, làm việc gì cũng hỏng. Nghe thấy tiếng xe đạp của ông y tá là trống ngực bắt đầu đổ hồi. Trông thấy các đồ nghề của ông, tôi cảm thấy mình sắp ồm rất nặng, đủ hết các thứ bệnh kéo đến, thở cũng khó khăn, đứng không muốn vững. Và khi kim tiêm bắt đầu chọc vào chai để lấy thuốc, trí tưởng tượng của tôi ngừng hẳn làm việc. Trông thấy cái gối bông, tôi ước ao mình được như nó. Không biết nghĩ, không biết sợ, và nhất là không biết đau.

Chắc người tiêm cho tôi cũng cùng một ý nghĩ. Nếu tôi là cái gối bông, ông ta sẽ tha hồ phóng kim, nhắm mắt lại phóng bừa đi cũng không sợ tôi kêu đau, không lo bị tôi chê vụng. Làm nghề y tá để tiêm cho những người như tôi cần phải có trái tim vững chãi, sự tin tưởng ở tài nghệ của mình nữa.

Mong rằng ông hiểu tôi không khó tính. Chỉ vì tôi sợ. Mà cái sợ thì làm sao điều đình để nó hạn chế lại được !

Bây giờ thì tôi biết điều lắm, lần nào cũng khuyến khích :

— Ông cứ bình tĩnh, tôi không sợ đau đâu.

Thật là liều hết chỗ nói : Được như thế là nhờ tôi phát minh một bí quyết. Lúc sắp bị tiêm cứ nghĩ đến những người bị tiêm trừ nọc chó dại. Tuy chưa được hân hạnh hiểu cái đau và sợ ấy ra sao, song tôi nghĩ tới bề dài và rộng của kim và ống tiêm dùng trong trường hợp đặc biệt đó, thử ước lượng với thứ tôi vẫn dùng, rồi nhờ trí tưởng tượng sẽ hiểu rõ sự đau và sợ ấy hơn chính mình bị tiêm vậy.

Hình như tôi vui tính hơn trước. Thích tán chuyện vớ vẩn, không có đầu đuôi. Tôi chỉ muốn làm cho người khác cười. Trêu cho người khác bức mình cũng hay lắm. Dưới mắt tôi không có gì xấu. Tất cả đều có một vẻ đẹp chỉ mình tôi nhìn thấy.

Nhiều khi thấy một người qua đường, một chiếc lá cây, một đám mây... tôi khen đẹp. Lần nào cái người cùng đứng ngắm cảnh phố xá trời đất cũng nhìn tôi như

nhìn một hiện tượng quái dị. Lẽ dĩ nhiên tôi ngạc nhiên. Tại sao con mắt thẩm mỹ của người ta không giống tôi? Phải chăng người ta khó tính quá.

Có phải nguyên do khiến tôi thấy đời đẹp vì cái gì tôi cũng thấy đẹp và đáng yêu? Mà cái gì tạo nên đời sống? Chỉ là những thứ đó.

Những lúc còn lại một mình một bóng, tôi cũng không buồn. Lòng thư thái nhẹ nhàng, chẳng hề có qua một ý nghĩ phức tạp rắc rối xáo trộn tâm hồn. Sung sướng thay khi không nghĩ gì rắc rối. Hễ bắt đầu nghĩ là y như trí tưởng tượng hoạt động. Mà trí tưởng tượng dẫn đầu thì thật là khốn đốn.

Tôi trở nên rất yên trí, như đã có một niềm tin vững chắc. Tôi như một tín đồ rất trung thành, trung thành đến độ cuồng dại, được Chúa phán:

« Cứ yên trí rồi tất cả sẽ đâu vào đó. »

Nhờ sự tin nghe không cần suy xét đó, người tín đồ được trải qua những giờ phút lẻ loi quanh quẩn, những đêm dài vắng lặng, trong bình thản và êm dịu nhẹ nhàng, tưởng như mình vẫn vô cùng sáng suốt.

Sung sướng thay những kẻ có lòng tin! Mỗi một tôn giáo đã giúp cho bao nhiêu tâm hồn bệnh hoạn tìm thấy sự ngơi nghỉ yên vui.

Trong trường hợp tôi có hơi khác. Những việc xảy ra, những sự đã trải qua làm tôi mất niềm tin ở tôn giáo. Tôi đã đặt ra nhiều câu hỏi quá, và tôi thấy chẳng có gì giúp được mình bằng chính mình. Chẳng có gì giải thích cho tiêu tan những thắc mắc, hoang mang, bất bình làm tâm hồn tôi rối loạn, làm tôi tuyệt vọng.

Tại sao có những người rất xứng đáng được hưởng sung sướng, hạnh phúc, phải chịu bao nhiêu bất công tàn ác của đời, trong khi những người dối trá, bất nhân, sống trên sự đau khổ của người khác thì lại gặp toàn may mắn, hạnh phúc tràn trề?

Đạo Phật nói vì cái phúc của họ từ kiếp trước còn lại. Cũng như những người khổ vì cái tội của họ làm ra kiếp trước. Nếu đã biết thế, tại sao trong đời sống hiện tại người được may mắn sung sướng không tốt nữa để kiếp sau khỏi khổ? Những người tốt lành mà vẫn khổ, tại sao họ cứ tốt? Chắc vì bản tính, không ai làm thế vì mong ước kiếp sau được sung sướng.

Luân hồi cho là có, chỉ là một ý nghĩ kém thành thật, để bào chữa cho sự bất công không có lối giải thích, để loài người tự an ủi những lúc quá đau khổ tuyệt vọng. Chính trong lúc tự an ủi, người ta vẫn có những cảm tưởng đó là chuyện hoang đường.

Kiếp sau xa quá, làm sao nhìn thấy được? Nếu có luật báo ứng, sao không thi hành ngay? Đã đành tất cả chỉ do cái nghiệp của mình, nhưng nếu luật thưởng phạt được trông thấy ngay sau mỗi việc làm có phải dễ tin bao nhiêu. Được như thế dẫu các vàng cũng đổ ai dám làm ác, kiếp sau đỡ phải oán trách vì đã chịu khổ trong khi không thể nhớ lại kiếp trước mình đã làm gì.

Lý-thuyết luân hồi và báo ứng chỉ hợp với thời đã qua. Cái thời con người sống bằng tinh-thần. Thời bây giờ phải vật lộn, tranh đấu khổ sở mới sống nổi, duy tâm chỉ là một thuyết không có

trọng lượng, chỉ có bề cao, không có bề dài rộng. Trách người thời nay quá thiên về vật chất là nghiêm khắc và bất công. Không thể chỉ thở khí trời mà sống, không thể chỉ nghĩ đến vài lụa là có quần áo che thân.

Không ai muốn. Chỉ vì bánh xe đã quay. Bánh xe ô-tô quay muốn ngừng lại thì được, vì có thắng. Bánh xe đời sống đã quay có đà là chịu chết. Tạo Hóa quên không làm chỗ hãm

Và cuối cùng, để tự an ủi, người ta bảo :

— « Thế là sống ! »

Tôi kém may hơn nhiều người vì không thể có sự cuồng tín. Tôi hay hỏi tại sao lại thế quá. Dù đã được giải thích rất rành mạch, xong xuôi tôi thường hỏi rất điềm nhiên :

— « Tại sao lại thế ? »

Tại sao ? Tại sao ?... Trong đầu óc tôi bộn lên những tại sao ! Tôi đã quá chán nản, mệt mỏi, điều đứng vì sự tìm hiểu, suy nghĩ, vì trí tưởng tượng của mình.

Tôi mơ màng một đời sống bình thản, giản dị, không có tại sao, không có tìm hiểu suy nghĩ, không bị trí tưởng tượng làm lệch lạc rối loạn, để tôi được có cảm tưởng : « Cứ yên trí rồi sẽ đâu vào đó. »

Tôi là một người tầm thường, muốn có người đưa cho sự bình thản, yên ổn tâm hồn. Lẽ dĩ nhiên lý thuyết để tìm sự bình thản, yên ổn đối với tôi vô ích. Vì tôi không thể làm lấy, không thể tự giúp mình.

Thật đúng kiểu Đại lãn, ngồi không ăn sắn. Hoang đường chả kém chuyện Tây du của ông Đường tăng !

Nhưng giờ đây không còn là hoang đường nữa. Khi bóng hoàng hôn yếu dần, bóng tối tràn từ bên ngoài vào trong phòng, nằm trên giường tôi khoan khoái với ý tưởng cứ yên trí rồi đâu sẽ vào đó. Với ý tưởng ấy tôi mỉm cười, thiếp vào một giấc ngủ nhẹ nhàng, rải rác mộng tươi sáng như ánh bình minh.

Nhưng lúc còn lại một mình một bóng, tôi không nghĩ ngợi lo sợ vợ vẫn để tâm hồn rối loạn, khốn khổ vì trí tưởng tượng làm việc không ngừng.

Tôi chỉ nhớ tới một khổ người, cách đi đứng đầy vẻ vững chãi, tự tin, mực thước và cương quyết. Tất cả đều mơ hồ, mờ ảo. Nhưng có một sức mạnh làm tôi vững lòng tin, dù chẳng hiểu rõ tin gì. Tôi chỉ nhớ tới cái nhìn và nụ cười. Đời không còn gì rắc rối phức tạp nữa. Có cái gì êm dịu phẳng phất đâu đây...

Tôi có cảm giác như một người được sống trong căn nhà rất như ý, có đầy đủ các thứ cần thiết.



Có những lúc tôi mong nhớ, dù chỉ rất mơ hồ. Đôi khi cảm thấy thiếu thốn. Tôi phân tích, tìm hiểu tâm trạng mình.

Tôi nhớ tới buổi nào trời đẹp như tiết thu. Tôi nhớ tới nụ cười tràn sức sống, tới đôi mắt hiền mà cực kỳ sáng suốt thông minh. Tôi muốn nghe thấy giọng nói nào đã thúc đẩy con người tôi

hoạt động, thúc đẩy tôi muốn sống. Tôi nhớ tới tất cả những gì đã làm tôi cảm mến, đã chịu ơn một cách vô tình. Tôi mơ ước gì đây?

Rất bé nhỏ, song tôi cảm thấy rộng lớn vô cùng. Rất ít, song đối với tôi là quá nhiều.

Phải, tôi đã nghĩ :

— « Ước gì đôi mắt ấy nhìn mình. Ước gì nụ cười ấy của mình. Chỉ một lần thôi... »

Ước như thế có tham lam quá chăng? Tôi đã ước quá nhiều. Tôi đã thấy mình tham lam vô độ. Giờ đây tôi lại ước một điều khó khăn, quý giá hơn hết, cao xa vượt hết tất cả.

Muốn sung sướng hãy diệt trừ lòng ham muốn. Tôi đã biết rõ mình muốn được sung sướng, tại sao tôi dễ dãi với lòng ham muốn quá thế? Tôi tầm thường đến nỗi không hạn chế nỗi sự ham muốn của mình nữa sao?

Phải, tôi ước được một nụ cười, một cái nhìn riêng của tôi. Chỉ một lần thôi. Có vô lý, có nhiều quá chăng?

Chắc là nhiều quá. Nhưng thứ không thể hỏi xin, không thể nói ra, không thể mua, đều rất quý giá. Không thể có gia tài nào ước lượng với. Tại sao tôi dám ước một điều viễn vông như vậy?

Còn biết tại sao! Nếu biết được, tôi đã không còn là tôi nữa.

Nơi này không có bốn mùa, không có mùa thu ở riêng một góc năm. Mọi khi tôi tiếc rẻ những con đường ngập lá vàng, những hàng cây trơ trụi, nhưng

dáng vẻ chỉ riêng thu có. Bây giờ tôi không tiếc nữa. Nếu có mùa thu, một năm chỉ trong mấy tháng ấy tôi được sống lại cảnh nào... Không có riêng mùa thu, tôi có thể tìm thu ở tất cả những ngày dịu dịu, man mác. Không nắng mà sáng. Không lộng gió mà mát. Những ngày như thế rải rác suốt năm. Tôi sẽ tìm cảnh ấy rải rác suốt năm. Không phải tốn công đợi một kỳ nhất định.

✱

Chiều hôm ấy tôi đã được điều tôi ước. Tôi ngồi ở góc giường, cuối phòng. Quãng cách không dài lắm. Chỉ bằng chiều rộng gian phòng. Nhưng ánh sáng rất đầy đủ.

Nụ cười hướng về tôi. Đôi mắt nhìn thẳng vào tôi. Đúng nụ cười, cái nhìn ấy đấy.

Ước ao mãi, bây giờ được rồi, có sung sướng không? Chắc hẳn tôi lắc đầu. Không phải tôi khó tính. Chỉ vì có những thứ không thể hiểu nổi, không thể diễn tả gọn lại bằng một chữ nào. Tâm trạng con người thật quả nhiều khi rất phức tạp. Để phân chia từng trạng thái tâm hồn, người ta dùng mấy chữ: vui, buồn, sướng, khổ... Mấy chữ ấy chưa là gì hết. Nghèo nàn quá! Cằn cỗi quá!

Nhưng không phải là kẻ vô ơn. Ngay lúc đó tôi đã nhắm mắt một giây, thầm cảm ơn tất cả những gì tôi phải chịu ơn. Và tôi nhủ thầm:

— « Sẽ không ước gì hơn thế nữa ».

✱

Có những sự khám phá đưa người ta đến vinh quang, có ích cho nhân loại. Có những sự khám phá làm cho người ta sung sướng kiêu hãnh. Sự khám phá vừa rồi của tôi khác xa thế.

Chưa biết thì thắc mắc. Biết rồi lại sợ hãi, lại tự hỏi tại sao lại thế ?

— « Tại sao tôi lại yêu ? »

Khi mới ốm, tôi đã tự hỏi sao lại ốm, và đã được giải thích rành mạch : « Tại vì ai cũng có thể ốm được ». Bây giờ, nếu hỏi, tôi biết trước câu trả lời :

— « Tại vì ai cũng có thể yêu được ».

Vậy ra có chỉ là một sự dĩ nhiên, xảy đến với tất cả mọi người. Trong mỗi người đều có sẵn một hạt. Đến một lúc nào không thể biết trước hay ngờ tới, hạt đó nảy mầm, thế là người ta biết yêu. Giống như trong mỗi người đều có sẵn vi trùng, đến một lúc bất ngờ, vi trùng khởi chiến. thế là người ta ốm.

Nhưng có những điều không thể cắt nghĩa được. Tất cả các hạng người, tất cả các hạng tuổi, giàu hay nghèo, sướng hay khổ... đều có quyền tự do ốm. Trong khi đó, muốn được tự do yêu, cần nhiều điều kiện. Điều trước tiên và cũng là điều chính, phải không được ốm. Phải là một người hoàn toàn bình thường.

— « Tại sao mình lại yêu trong lúc không có quyền nghĩ tới điều ấy, trong lúc không có một điều kiện nào ? »

Nếu yêu là một sự dĩ nhiên của loài người, nếu cảm tình ấy ai cũng có, tôi

không tự trách nữa. Có hại chỉ tới ai ngoài chính tôi.

Mỗi người phải trả giá hành động của mình. Tôi biết trước giá sẽ phải trả. Không quá đắt. Miễn tôi có đủ sức, đủ nghị lực. Chỉ riêng không thể biết trước sẽ trả bao lâu mới hết. Có lâu lắm chăng ?

Dù sao với một việc làm đích đáng, thời gian đó lâu bằng cả đời tôi cũng không hề chi. Tôi sẽ không hối hận hay tiếc rẻ vì đã « chót » hay thiếu suy nghĩ. Sẽ không bao giờ tôi phàn nàn.

Cảm tình này sẽ giữ cho riêng tôi. Sẽ không bao giờ tôi để lộ ra.

Yêu như thế sẽ ra sao ! Có phải như yêu một cảnh đẹp ? Trông thấy cảnh đẹp, mình « mê » ngay, đâu cần biết cảnh có vui lòng để mình yêu, đâu biết mình có được yêu lại. Vậy mà vẫn thấy hãnh diện và sung sướng. Hay như yêu một cử chỉ đẹp, một câu văn hay, một ý tưởng cao quý ?

Có lẽ đúng như thế. Tôi đã yêu vì những cái làm tôi cảm phục. Vì những thứ không thể cầm hay nắm lấy. Vậy thì tôi sẽ yêu như yêu một cảnh đẹp, một câu văn hay, một ý tưởng cao quý. Không cần biết có vui lòng để mình yêu, không cần được yêu lại.

Yêu như thế chắc không bị cấm đoán, Chắc không ai nở chỉ trích, chê cười rằng không biết phận mình.

Rồi sự thật có như mình nghĩ và muốn chăng ? Tuy nhiên tôi vẫn sợ lắm. Tại vì tôi chẳng thể hiểu gì hơn ý nghĩ của mình.

Tôi chẳng thể nhìn xa hơn những thứ mình thấy.

Thường thì sự đau khổ tuyệt vọng dễ làm cho người ta làm nên những việc khác thường. Yêu mà không được biết, không được đền đáp lại những cảm tình do mình tự ý gửi đi, khổ đến nỗi đã tạo ra bao nhiêu thi sĩ viết ra những câu thơ tuyệt tác, bao nhiêu họa-sĩ vẽ nên những bức tranh bất hủ. Nỗi khổ ghê gớm như thế nào để người ta làm được những việc vẫn xảy ra: thành bất diệt hay tự ý tìm thần chết?

Tôi không thể ước lượng nỗi khổ ấy. Lẽ dễ hiểu, tôi mới bắt đầu bước chân vào, mới nếm thử qua đoạn đầu.

Vừa có một ý nghĩ đến với tôi. Nếu sự thất vọng vì tình thường đưa tới những kết cục phi thường, dù với nghĩa nào, dưới hình thức nào, cũng là những việc khác người, hơn người. Vậy thì tôi sẽ chọn việc phi thường nào? Chắc không thể viết nên những câu thơ tuyệt tác để lưu truyền hậu thế. Chắc cũng không thể tự ý tìm thần chết. Tôi sẽ làm gì?

Nếu miễn việc phi thường, khác người thì thôi, có lẽ tôi sẽ chọn một việc không giống ai hết. Tôi sẽ cố sống như một người chưa biết yêu là gì. Nhất định không khổ và cũng không sướng. Làm cho cảm tình đứng nguyên một chỗ, hình như không phải việc ai cũng làm nổi.

Thử đặt vấn đề tôi được yêu lại.

Nếu được yêu lại sẽ như thế nào? Có

phải như khi gửi một bức thư, nhận được thư trả lời những câu hỏi của mình? Có phải như khi mình lạc đến chỗ hoang vắng, cất tiếng gọi có người trả lời? Hay như khi tìm mua một họa-phẩm quý giá, một cuốn sách khan hiếm mà được đúng thứ mình muốn?

Tôi muốn biết rõ ràng như đã biết về sự ốm đau. Ai có thể giảng cho tôi hiểu rõ như chính tôi đã trải qua, như chính tôi đã có kinh-nghiệm? Chắc không ai có thể cắt nghĩa cho tôi hiểu như đã muốn.

Như một người chưa từng ăn sầu riêng, muốn được biết mùi vị nó thế nào. Tìm đủ cách nói, tìm đủ thí dụ, tả đủ thứ, xong đâu vào đấy lại được nghe hỏi:

— « Tôi muốn biết rõ như chính mình đã ăn sầu riêng, có cách nào giảng cho tôi hiểu rõ ràng về nó như thế? ».

Tất nhiên cái người mắt công giảng giải sẽ bực mình nói:

— « Ăn thử đi rồi sẽ biết như chính mình ăn ».

Ở hoàn cảnh tôi, nếu hỏi, chắc cũng được giảng giải bằng đủ cách, bằng đủ thí dụ mà người bị hỏi có thể tìm thấy hay phát minh ra. Nhưng chắc khi người đó nói xong xuôi một cách hết sức đầy đủ, rõ ràng và dễ hiểu, tôi sẽ hỏi:

— « Tôi chưa thể hiểu như chính tôi được yêu lại. Có cách nào giảng cho tôi hiểu một cách cụ thể hơn không? ».

Có lẽ cái người đó sẽ bực mình buông thông một câu:

— « Thì cứ « được yêu lại » đi sẽ

PHẦN ĐẦU

hiếu như thế, việc gì phải đi hỏi để nói tôi chưa hiểu ! ».

Nếu hỏi mà vẫn chỉ hiểu một cách mờ hồ, tôi sẽ không cần hỏi nữa. Thử tìm cách tự hiểu lấy xem sao.

Vì thử coi như nhận được thư trả lời, như cất tiếng gọi có người đáp, như tìm mua được một thứ quý giá và cần, chắc chắn mình sẽ sung sướng. Nhưng chữ sung sướng trong trường hợp này quả thật là nghèo nàn, chẳng thể diễn tả được chi hết.

Tại vì cái sung-sướng khi nhận được thư trả lời đâu có giống khi cất tiếng gọi ở chỗ hoang vắng được đáp lại, và cũng khác xa khi tìm mua được một thứ quý mà cần. Biết là nó không giống nhau, song tôi sẽ dùng chữ gì để bày tỏ những cái khác nhau ấy cho người khác hiểu như chính tôi đã hiểu ?

Nếu sung sướng là muốn gì mà được, thì thật quả chữ sung sướng hợp với bản tính ích kỷ của loài người. Sung sướng vì cái mình muốn là của mình, của riêng mình.

Phải chăng khi yêu mà được yêu lại đã sung sướng như thế ? Sung sướng vì được giữ một thứ cảm tình làm của riêng của mình.

Như vậy tôi sẽ vô cùng ích kỷ nếu muốn được yêu lại. Nhưng quả thật tôi không dám muốn điều đó. Vì biết mình không có quyền muốn, chứ không phải tôi đã diệt trừ được lòng ham muốn và ích kỷ.

Nhưng yêu mà được yêu lại chẳng có

lẽ chỉ sung sướng vì được thỏa mãn lòng hiếu thắng, vị kỷ. Chắc còn những gì tôi chưa khám phá ra nổi.

Mong rằng sẽ không bao giờ tôi khám phá được. May mắn siết bao khi trí thông minh của tôi chỉ có giới hạn. Tò mò là thầy của hiểu biết, song tôi sẽ không tò mò. Hiểu biết để làm gì ? Không thể đi xa hơn sức mình. Không thể được nhiều hơn cái mình có. Hiểu mà không đi xa hơn được, không được nhiều hơn cái mình có, sự hiểu biết ấy chỉ đưa tới ước muốn.

Mà ước muốn thì tôi đã hiểu quá rõ. Lúc nào tâm trí tôi cũng bị ám ảnh bởi cái mình muốn. Không thể tìm thấy bình thản cho tâm hồn nữa. Ước muốn là một nguyên nhân chính của đau khổ.

Muốn được sung sướng như đang sung sướng, muốn giữ cho sự sung sướng được như thế mãi, đừng bao giờ thức tỉnh lòng ham muốn.



Yêu mà không được yêu lại sẽ như thế nào ?

Điều này lẽ ra tôi phải hiểu rõ hơn nhiều người. Đã có lần tôi gửi thư mà không nhận được trả lời. Đã có lần tôi gọi cửa một ngôi nhà hoang vắng, không được đáp lại. Và rất nhiều lần tôi tìm mua thứ sách tôi cần mà không có. Ngay lúc đó tôi cảm như mình bị thất vọng. Hơi tí chút thôi. Vì nếu không được thư trả lời, tôi có thể viết

TUYẾT-HƯƠNG

cái khác, kỳ cho tới khi người ta đã tỏ ra biết tôi hỏi gì. Cất tiếng gọi không được đáp lại, tôi có thể trở về, đợi dịp khác, khi trong nhà đã có người. Tìm mua sách không có, tôi có thể đi mượn hay vào thư viện xem nhờ.

Dù không được hoàn toàn như mình muốn, song kết quả vẫn là được. Tại vì có thể nhờ cách này hay cách khác.

Thật ra trên đây là nguy hiểm. Đáng lẽ phải nói rõ hơn. Lẽ ra phải nói yêu mà không được yêu lại thì như khi ta gửi thư suốt đời không nhận được trả lời. Như tìm mua một cuốn sách cả thế giới chỉ có một bản mà người ta không bán. Nghĩa là mình đã để hết cả sự mong muốn, tâm trí, sức lực vào một việc không bao giờ có kết quả. Hết đời vẫn chẳng được gì.

Tôi đã đoán biết từ trước, ngay lúc đầu. Đã định sẽ không hối tiếc, không phàn nàn. Buồn thay, cái định không cùng đi với những đòi hỏi tâm tình! Đã biết như thế, song tôi vẫn thấy thất vọng như người suốt đời gửi thư không được trả lời. Thất vọng và tiếc rẻ như khi tìm mua một cuốn sách cả thế giới chỉ có một bản mà người ta không bán. Có những cảm giác hiu

quạnh, buồn nản, lẻ loi, cô độc ám ảnh. Có những việc rất thường cũng không làm nổi. Có những câu chuyện rất vui mà không thể cười. Đôi khi tôi ước muốn bóng đêm về mãi mãi...

Có một thời gian tôi mơ tưởng chuyện Bích Câu, coi như mình đã được cái nhìn, nụ cười làm sống lại. Nhưng chàng Tú của tôi có cái tài đó vì vô tình. Vô tình chàng đã tạo nên một sự sống. Và rồi cũng vô tình chàng quay gót đi. Tất cả chỉ là vô tình.

Ước gì tôi là nàng Tổ nữ thật để có thể biến mất.

Yêu mà không được yêu lại sẽ như thế nào ư? Sẽ như hai con tàu đi ngược chiều. Vượt qua mặt, mỗi chuyến riêng một đường, dừng một bến.

Chúng tôi như hai con tàu đi ngược chiều. Mỗi người một đường, không thể gặp nhau. Cuộc sống sẽ riêng rẽ. Mỗi người một tương lai, một định mệnh. Mỗi người một tư tưởng, một bốn phận.

Yêu mà không được yêu lại nó như thế.

(còn nữa)

TUYẾT-HƯƠNG

Trường Nữ Dòng

Notre Dame des Missions

Đường Hoàng-Diệu — Thủ-Đức

(có Nữ kỹ-túc-xá
và 86 Đường Huỳnh-Mân-Đạt —
Thị - Nghè)

Từ lớp JARDIN D'ENFANTS tới 7^o

Niên khóa 1962 sẽ có lớp 6^o

Sẽ khai giảng ngày 1 - 7 - 1961.

Bài ca

Cảm Giác

Xoan vui reo nắng mùa rung gió
Ve tiếc ngày qua bạc ánh mây
Biếc nầy cảnh tơ mưa đọng sáng
Mơ sen, ao ngủ nước chưa đầy

Thắm tươi cũng đượm sầu phai ý
Ta biết phương nao gửi dấu giày ?
Thăm đợi hôm mai giờ sóng lặng
Chuốt màu say sống, lọc hương gây

Xoan vui reo nắng mùa rung gió
Sao vẽ bằng thơ sắc nhuộm hoa ?
Nét mực in dòng không giữ lại
Những màu, những ráng gợi lòng ta

Trùng xanh lộng tía tung bùng nhĩ ?
Vẫn nhớ sương chiều dịu nẻo xa
Tím lặn đêm trăng, hồng ngậm lửa
Xoan vui lay bóng rục lời ca...

ĐOÀN-THÊM

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách: **NGUYỄN-NGU-I**

I. — Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ?
Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II. — Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy
hứng ?

III. — Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của
tác-giả từ khi tác phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV. — Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

VI

Võ-Hồng, làm thơ, viết truyện ngắn,
truyện dài.

I. — Cũng như con chim biểu-lộ cảm-xúc của nó bằng tiếng hót, tôi biểu - lộ cảm-xúc của tôi bằng thơ văn. Vậy viết trước tiên là về mình. Lúc trẻ thì nặng về mình lắm (truyện ngắn đầu tiên của tôi là truyện Mùa gặt đang ở Tiểu-thuyết thứ bảy năm 1939, dưới bút-hiệu Ngân-Sơn). Lớn lên thì hướng về người hơn. Như khi viết những truyện về cuộc đời « gà trống nuôi con », tôi sung sướng được thổ-lộ một ít tâm sự mình, đồng

thời an-ủi được mấy con tôi là những độc-giả đầu tiên, an-ủi những người đồng cảnh ngộ, những trẻ mồ côi, vừa gián-tiếp khuyên những cặp vợ chồng đang sống yên lành hãy thương yêu nhau nhiều hơn nữa, hãy tận hưởng hạnh-phúc họ đang nắm trong tay. Những hồi-ký về chiến-tranh cũng cùng một mục-đích tương-tự. Tôi là nạn-nhân của chiến tranh, nên tôi lợi-dụng lại chiến tranh, viết hồi-ký về chiến tranh để mong những người sau tha-thiết với Hòa-bình hơn.

Tôi hiện thích đọc những truyện thật

hơn là truyện giả-tạo. Chúng có giá - trị giáo-dục. Suy từ tâm-lý đó, tôi thích viết những truyện thật. Cô Thu-Vân trong truyện Hoài Cổ-Nhân gặp một lần mà đã yêu, đó là một sự thật. Khi truyện còn là bản thảo, đôi người bạn bảo sửa đổi lại cho có vẻ thật hơn. Tôi không sửa vì nghĩ rằng : một sự thật không có vẻ thật sẽ khiến người đọc suy nghĩ và chính nó dẫn họ khám phá con người.

II. — Lúc mới bắt đầu viết thì viết tùy-hứng, nhưng muốn cho văn nghiệp có giá-trị thì sau đó phải sáng-tác theo một đường lối nhất-định.

III. — Khi thai - nghén tác-phẩm thì tâm-trí bận rộn lắm. Phải « dễ » ra nhân-vật và ban cho nhân-vật những cá - tính. Phải tạo những cơ-hội thuận-lý để sự việc xảy ra theo ý mình dự-định. Khổ nhất là tìm một cái gút cho câu chuyện và tháo gút một cách tự-nhiên. Bảo rằng tác-giả là một « ông Tào hóa con con » thật không phải là nói ngoa vậy. Tất nhiên là nếu vụng tay thì từ một ông Tào-hóa ta rơi xuống làm « một bà mụ dở hơi ».

Còn trên trang giấy ? Thôi thì gạch, bỏ, bôi xóa lèm nhèm. Cắt dán dày cộm. Những mũi tên móc đoạn dưới gài lên trên, những chương viết say sưa hôm trước phải bỏ hết mặc dù tiếc, những tên nhân-vật, tên địa-phương bị thay đi đổi lại 5, 3 lần. Người viết như một con sâu ăn lá. Gặp chỗ lá mềm thì ăn mãi miết, khi nhấm sọng lá, gân lá cứng thì ngẩn ngơ dừng lại. Có nhiều chỗ dừng lại mà 3, 4 lần sau đặt bút viết tiếp, tiếp không được.

IV. — Vài kinh nghiệm sau đây chỉ dám nói với những bạn mới tập viết văn :

1/ Đặt chương-trình viết đều đặn thì phải viết được. Cứ ngồi lại bàn giấy, vừa tìm ý vừa viết. Không nên đợi hứng. Viết văn lắm lúc cũng như ăn cơm, « cứ ăn đi rồi sẽ thấy ngon miệng ».

2/ Truyện viết xong tôi đưa cho nhiều người quen đọc trước. Người có trình-độ khá thường phê-bình nội-dung. Người có trình-độ kém chú trọng về hình thức. Người kém thường phê-bình nhảm nhưng bên cạnh 9 cái nhảm có 1 cái đúng.

VÕ-HỒNG

*
* *

Thế-Phong, làm thơ, viết truyện ngắn, truyện dài.

Anh Ngu-Í,

[...] Tôi coi làm nghệ - thuật là nói bản-khoản, xúc cảm, phong độ sống của tôi, của đồng loại ở thời đại này. Chỉ có văn nghệ mới đủ thẩm quyền làm thỏa ý nghĩ thầm kín nhất của tôi. « Để mà tiếp tục sống với đời, phải viết », tôi đồng ý với André Malraux khi nghĩ như vậy.

Với tôi, tất rằng một khi sáng tác trước hết phải dễ cho mình, đồng loại sống chung khung cảnh với mình trong một khoảng đời nào đó. Tôi không mấy hài lòng về sự giả dối quá non kém của số ít ký giả văn nghệ, lý luận rằng các nhà làm nghệ thuật bây giờ chỉ nói lên cái

tôi thôi. Cái tôi theo họ là xấu xa, phải nói lên nỗi thống khổ của đồng bào mới đáng gọi tác phẩm thời đại ? Tôi đã gọi câu hỏi sau khi đọc bài kia — một khi không rung cảm thành thật với mình, chưa khai thác, phát triển hết ý nghĩ của mình — thì với phương tiện nào có thể viết lên nỗi thống khổ đồng loại. Văn nghệ không phải là bài tường thuật báo chí, báo cáo, tóm tắt, khẩu hiệu bích chương. Nên bạn có hỏi nỗi thống khổ như thế nào, bạn sẽ được dịp cười vang lên để nhìn họ lúng túng. Họ chỉ là những ký giả giỏi chứ không thể là nhà văn. Sống ít lâu trong kháng chiến, thấm nhuần lý luận văn nghệ Mác-xít, đến nay chưa kịp xả độc. Tôi xin nhắc lại câu nói của Khái-Hưng vào 1946 nhân lần họp Đại hội Văn hóa toàn quốc: «Tôi sáng tác cho tôi, cho giai cấp tiểu tư sản nhưng có lợi cho dân tộc là đủ». Thiết tưởng câu nói kia đủ thẩm quyền làm thỏa đáng những cặp mắt phẫn diện, nóng cạn rồi.

Bây giờ đến ý anh hỏi, sáng tác cho bây giờ hay cho mai sau ? Tôi thì vẫn tưởng rằng lời nói mai hậu chỉ là một cách nói thông thường có lợi cho ai chưa tin tài mình, hoặc giả, tạo ảo tưởng cho mình sống được lâu hơn. Thời đại này mình chưa nói hết, huống hồ bàn làm gì đến mai hậu. Chỉ khi nào nhận định nổi hướng đi hiện tại, chẳng cần nói cho mai sau cũng sẽ là để cho mai sau rồi. Thế này nhé, ý tôi, mỗi sáng tác đánh dấu một giai đoạn sống, sâu, cảm, nghĩ, thái độ, hành động của mình. Đừng nên phủ nhận nó sau khi ngoảnh lại. Nghĩa là tôi chủ trương mỗi tác phẩm của mỗi người cầm bút ý thức phải sống cho nhân vật khá nhiều. Phải thành thật với chính mình, trách-nhiệm trong ý thức sống nhân vật — điều

này hình như ở ta không mấy nhà văn — đầu là nổi tiếng — làm được. Tôi nghĩ đến thời - đoạn - sống của Jean - Paul Sartre còn thanh-niên (31 tuổi) phản ánh trong *La Nausée* gần như là tự sự phản ánh trung thành nhất. Hoặc André Malraux ghi chép đầy đủ giai đoạn ông sống với anh em cách - mạng ở Trung - Hoa trong *Les conquérants*. Nhờ tài nhận diện cuộc sống bấy giờ để hướng nhân vật của mình ở mai hậu, cho nên sau Malraux tuyên bố « trong 10 năm nữa họ sẽ sống theo truyện của tôi ». Còn với chúng ta ? Thực mà nói nhỏ với nhau, trong văn-chương hào-hoa, phong-nhã lắm, có tinh-thần đồng đội nào là hy-sinh, nào là cải tạo xã-hội — nhưng một khi phải đối bóng với hành-động thật, so sánh với nhân-vật, họ làm trái lại. Cho nên tôi gặp họ (nhân-vật) quả là quý mến, nhưng không muốn thấy họ ở ngoài đời. Cho nên mình khổ... là vậy. Văn-chương nghĩa lý ta chưa tạo được phong-trào, đừng nên trách, phải hiểu rằng chưa bao giờ mình sáng-tạo có ý-thức trách-nhiệm, cho văn-chương là đời và đời là văn-chương. Có những người không mang danh là thi-văn-sĩ nhưng sống cao đẹp hơn cả đời văn-chương. Để có phản ứng kia, tôi viết những tác-phẩm sau này rất « fresque », đôi khi quá mạnh bạo như « *Nửa đường đi xuống* », « *Người lính Casablanca* ». Bởi hầu hết truyện của tôi đều có một phần xương máu, cảm nghĩ. Điều khác biệt giữa quyển này, truyện kia, hơn, kém, ở chỗ : tôi sống với nhân-vật sâu đậm nhiều, ít ; thế thôi. Có những khi tôi nuôi dưỡng truyện từ năm này, mãi hai ba năm sau mới viết, có khi viết ngay. Một phần ý-niệm làm văn-ngệ phản ánh mới nhất trong truyện ngắn « *Người đàn*

bà không tóc ». Và trong 9 năm làm văn, sống bằng ngòi bút thực thụ chỉ có 6 về sau này, tôi lăn xả vào cuộc đời bằng hành-động, thái-độ, không mấy ngại ngần, bất chấp luật lệ, cả nếp sống luân-lý cũ. Tôi sống theo chiều hướng nào đi nữa, dù hôm nay với luân-lý qua con mắt của đời dành cho tôi — xấu, tốt, — tôi vẫn biết tôi sống cho một « mythe » riêng biệt, có ý-thức đi lên trên xấu tốt kia [...]

« *Nửa Đường Đi Xuống* » phản ánh đầy đủ nhất thể nào là người, người là người ra sao, quan niệm sống, sáng tạo, luyện ái, ý thức tranh đấu của tôi những năm về trước. Rõ hơn là 30 năm nhìn lại. « (1) Còn những truyện khác « *Người lính Casablanca* » là những mẫu truyện mà nhân vật thực nhan nhân ở ngoài đời, Danakie là tên hiệu của một người bạn Algérie sống với tôi trong quân đội, Diệu trang « *Nàng kỹ nữ sông Kỳ-Cùng* », chắc anh biết là ai rồi ? Cả đến Mai-A cũng vậy. Xin nói nhỏ trong tập thơ phụ lục « *Đàn bà và Tổ Quốc* » (cuối chương « *Nửa Đường Đi Xuống* ».) Mai-A, tác-giả bài thơ « *Báu Vật* » là một thứ Elsa Triolet của tôi trong văn chương và rất có thể có nhau ở ngoài đời mãi mãi. Hoặc những Mạnh (Cô hàng sách cũ), Hạnh (Lòng mình), Lê-Văn-Hiến (Màn kịch cuối cùng) (2) hiện nay còn sống cả, chắc hẳn anh vẫn gặp ngoài phố mà không biết đấy thôi. Những Lan, Ngọc, chẳng xa lạ gì với những nàng con gái của trường nữ học « T.V. » hoặc trong quán cà phê nổi tiếng một thời. Gần như là hai tập truyện « *Nửa Đường Đi Xuống*, « *Người*

lính Casablanca » là một, có liên quan với nhau mật thiết lắm, xin lỗi cả một phần trong cuốn « *Người Thương Binh Liên-Khu* » nữa. Những Vân, Hà (một nhà văn mà anh biết, quen lắm), nói riêng, nhân vật của tôi (nói chung) là những người đã sống với tôi trong một chu kỳ cuộc đời, nhiều, ít, tốt, xấu, bao giờ tôi cũng cảm ơn họ trong đoạn cuối « *Nửa Đường Đi Xuống* ». Riêng với những người bạn lao động, tôi phải nói rằng họ thiệt hại nhiều, giúp đỡ tôi mà không bao giờ nghĩ rằng tôi sẽ trả ơn họ. Cảm phục nên tôi chỉ còn đền đáp họ bằng những dòng văn chương, ở truyện, ở thơ, ở thái độ mình cố gắng cao đẹp. Riêng về thơ, tôi thích « *Đàn bà và Tổ quốc* » hơn cả, nó mang đầy đủ các dáng cảm nghĩ của tôi, đại diện chính thức cho tôi trong nửa đời người đã sống, qua cảm nghĩ « *état brut* » chưa bị biến thể.

Tôi bắt đầu « *yên nghỉ* » có lẽ trong năm nay. Một vài tác-phẩm sắp ra đây như « *Vương miện của Mai A* », « *Người đàn bà không tóc* » là cảm nghĩ bây giờ. Tôi nói theo A. Wazyk, phải sống lảng trong cảm lạng cho mình một thời gian, sau khi cầm bằng cuộc đời trên tóc tơ, tung ra mọi tình nguyện. Cũng mong tâm trạng Lawrence, Wazyk, bản khoản. Nhất là thi hào sau này đã thốt lên bao nào nuốt qua thi phẩm, ôm mộng, tham gia kháng-chiến giải-phóng dân-tộc, giải thoát trạng huống đen bạc xã-hội. Rồi phát-xít hết, tổ-quốc Ba-Lan hiện chìm vào thảm cảnh cộng-sản. Thi hào chỉ còn đáp :

« Anh hỏi sao tôi không còn làm thơ ?
 Khi hừng tâm khẩn cầu, kêu cứu
 Văn thơ đầu lên án bất công của
 người tình địch nhưng trong buồn rầu
 tôi biết nói sao hơn ? »

(1) Xin đính chính, tôi sinh năm 1932 (Nhâm-Thân) chứ không phải 1936 như trong khai sinh mà lần trước anh phỏng vấn, tôi làm theo tục lệ hành chính. (T.P. chú thích)

(2) Trong « *Người lính Casablanca* » (T.P. chú thích)

Tôi bắt đầu như thế. Đó cũng là cách làm mới lại cuộc đời cho chính mình, cho ý thức sáng tạo của mình sang chiều diện mới. Buồn sẽ làm thơ, viết truyện giải bày cảm xúc của mình sống. Với bạn bè thân thiết, vợ con. Rồi một hôm nào đó, chẳng hạn anh lại đến phỏng vấn, tôi sẽ đọc đoạn dưới đây của Adam Wazyk cho nghe :

« Tôi cũng có con, tôi yêu thời thơ ấu và yêu nụ cười của vợ tôi ban cho nhưng chỉ khi nào nàng thấy cửa sổ tôi tràn đầy ánh sáng và biết rằng tôi làm thơ ghi thực trạng cuộc đời ».

THẾ-PHONG

*
* *

Lê-Văn-Trương, viết tiểu-thuyết.

Anh Thư-kí tòa soạn nhắc tôi, ngay khi cuộc phỏng vấn bắt đầu.

— Anh đừng quên « con người hùng » nhé ! Thiếu ý-kiến tác-giả « Một người » là cái nhà phỏng vấn do anh phụ trách việc dựng xây thiếu mất một cây cột cái đấy ! »

Tôi cười cười, nhớ lại cuộc phỏng vấn trước, nên đáp gọn :

— Hỏi ai thì hỏi, chớ hỏi tác - giả « Ngựa đã thuần rồi, mời ngài lên », là tôi không hỏi.

— Sao lạ vậy ? Anh quên chỗ anh ấy ở à ? Hay anh ấy đổi nhà mà không để lại địa chỉ ?

Tôi lắc đầu.

— Tôi không tìm anh ấy.

— Không tìm người ta. Không hỏi

người ta. Làm sao có ý-kiến của người viết tiểu-thuyết nhanh nhất, nhiều nhất của nước mình, đã từng được thanh nam thanh nữ một thời nhiệt liệt hoan nghinh. Phỏng vấn kiểu anh thì rồi... Hay là anh định nằm nhà đặt tuồng húng thì nói ?

Tôi để tay lên bụng, chẳng nói gì, làm anh bạn thân chung của chúng tôi có mặt ở đó phát cáu lây :

— Hèn chi có một người bạn già rất trung thành của Bách-Khoa đã viết thư « xin kính chúc ông mãi Ngu. .. »

Tôi phì cười, nheo mắt một cách ngu ngơ : « Bí mật nhà nghề ! », và tôi già từ anh với cái tòa soạn trăm khoa ấy.

*
* *

Ba kì báo ra, ba kì báo có đăng bài trả lời của một số anh chị em nhà văn. Và một buổi trưa nọ, bóng cao của anh hiện ở cửa ra vào. Tôi bắt tay anh, kéo ghế, rót nước, chẳng một lời nào. Tôi không tìm anh, thì phải giữ y lời với anh Thư-kí tòa soạn, không hỏi anh. « Dám xa xôi mặt mà... »

Anh vừa thở, vừa chậm mồ hôi ở trán, vừa quan sát căn nhà nhỏ của tôi. Rồi anh nói :

— Đệ chờ huynh đến nhà để phỏng vấn đệ, mà không thấy huynh đến, nên hôm nay đệ đến. Lần thứ ba đấy. May lần này gặp huynh.

« Mà này, mấy câu huynh phỏng - vấn ra sao, chép cho đệ, về nhà đệ viết gởi tới hầu huynh. »

Tôi cười. Và vì anh đã hỏi, thì tôi phải thưa, thưa rồi sẽ hỏi vậy.

— Có vì đâu mà anh phải viết với lách. Ta nói qua nói lại, rồi tôi ghi. Anh đỡ mất công mà tôi đỡ tốn... thì giờ chờ.

— Được rồi. Mọi sự tùy huynh. À, huynh cho miếng giấy để đề văn điều thuốc lã.

— Giấy dày, mỏng hay vừa vừa ?

— Giấy vừa vừa... Cảm ơn huynh. Huynh tử tế quá. À, có lửa cho đề xin với...

Qua khỏi thuốc anh phà một cách khoan khoái, gương mặt anh càng đượm vẻ tươi tụy, xanh xao .. Bước thời gian đã để dấu rõ ràng ở khoé mắt, ở vầng trán, ở tóc anh; mà bệnh tật cũng đã in vết.

— Nước trà nhà huynh ngon lạ. Đề đã sẵn sàng.

— Tác phẩm đầu tay của anh có phải là « Trước cảnh hoang tàn Đế-Thiên Đê-Thích » ?

— Không phải đâu huynh. Chính là quyển « Một người cha »

— Thế à ? Tôi cứ tưởng...

Vì tôi nhớ mang máng, bảy năm về trước, lúc cộng tác với tờ « Phương Đông » anh có nói với tôi anh viết tập truyện ngắn « Trước cảnh hoang tàn Đế-Thiên Đê-Thích » trước nhất. (1)

— Vì sao anh lại nâng bút ?

Mắt anh sáng lên, tuy yếu ớt ; tay mặt anh đưa lên khỏi bàn, xoè ra, giọng anh tuy run run mà có vẻ cứng cỏi :

— Sau mấy năm ở ngoại quốc, tôi trở về quê hương, ở Bắc lúc đó, thời Châtel. Vắng mặt lâu, về, tôi thấy người thấy việc

lúc bấy giờ mà tởm. Có cái gì sôi nổi trong tôi, phải la phải hét, phải đập (hai tay anh cùng dơ lên, nhưng rồi chỉ hạ cách mặt bàn một gang tay), phải làm một cái gì, làm bất cứ một cái gì, không thể làm thình được. Làm thình là hèn. Tôi mới nắm lấy bút, viết, viết. Mười hôm sau « Một người cha » hoàn thành. (2)

(1) Xin xem lại báo « Phương-Đông » ngày 8-8-1954, mục « Gia-dình văn-nghệ ».

(2) Tiện đây, chúng tôi xin sao lại một đoạn trong bài chúng tôi phỏng vấn anh, cách đây bảy năm (báo Phương-Đông, 8-8-1954, mục Gia-dình văn nghệ) để bạn đọc rõ thêm vì sao Lê-văn-Trương làm văn nghệ.

« — Anh gấp đi ăn cơm là vì cái dạ dày nó đói còn anh viết văn nhiều thế, là bởi cái gì nó đòi ?

.....
« — Có thể nói rằng tôi đã « giác ngộ » về kiếp con người trước cảnh hoang tàn của Đê-Thiên Đê-Thích. Đây, Đê-Thích tan tành, đâu kia Vạn - Lí trường thành san phẳng... Những công trình « vĩ đại » xây bằng mồ hôi, nước mắt và máu của dân lành rồi cũng sụp nát, cũng đổ vỡ, cũng tàn phai... và chỉ gọi cho người sau những gì là bất công, là áp bức, là bạo tàn. Thế thì sánh với cái « kì quan » đang tan rã trước mắt tôi, có nghĩa lí gì cái sự nghiệp của tôi, mà có lúc tôi tự hào : những cái đồn điền « vậy vậy ».

« Vậy thì, nhà cao, đất rộng, vợ đẹp, con ngoan, thuốc bổ mua từ Nga, ô tô tậu ngay Mỹ, toàn là những trái bóng... bột xà phòng. Có thật, và may còn lại về sau, còn nguyên vẹn, là những gì xây dựng trong lòng người, chứ chẳng phải trên mặt đất, là chân giá trị của con người, là khi phách của kẻ làm trai, là chí dã phá bao bất công, bao xấu xa, bao giả dối, bao độc ác để dựng lên cái gì đẹp hơn, thật hơn, lành hơn... »

Anh ngưng nói. Mồ hôi lại lấm tẩm trên trán, trên mép, dưới cằm và ở cổ anh. Tôi mời :

— Anh uống nước.

Và anh uống nước.

Anh dựa vào ghế, có vẻ mệt, nhưng mà vui.

— Anh viết tiểu-thuyết hoàn toàn tưởng tượng hay...

Anh cướp lời tôi, đòi mất tròn vo.

— Không có gì tưởng tượng trong các sách của tôi. Không đời tôi thì đời bạn bè, đời người quen hay kẻ lạ. Tôi thêm thắt thì có, chớ bịa thì chẳng khi nào. Tôi có trên hai trăm quyển in rồi và có ba mươi quyển chưa xuất bản, truyện nào cũng do đời cung cấp nhân liệu, vật liệu cả.

— Viết nhiều thế, có bao giờ anh... anh... phóng tác một cuốn truyện ngoại quốc không ?

Anh bắt bình ra mặt. Tay anh vung lên nửa chừng.

— *Jamais de la vie !* Không bao giờ ! Không bao giờ. Làm gì mà đi ăn mày thế ! Nước ta có bốn nghìn năm lịch sử, dân tộc ta sống nhiều, sống mạnh, sống dài, biết bao nhiêu là truyện, hay có dở có, buồn vui có, li kì rùng rợn mê li đều có cả. Đại gì mà cóp của thiên hạ ! Đời dân tộc ta đó, ta theo « *une tranche de la vie* », một miếng thịt đời, đủ lắm rồi, cần gì nhờ ai, bắt chước ai.

— Thế thì muốn sáng tác, nhà văn cần phải sống nhiều...

— Vâng, huynh nói phải. Phải sống đây sống đó, sống lây sống lắt, sống hùng sống mạnh, để hiểu cả mặt phải mặt trái cuộc đời ; rồi phải học, phải đọc, phải đi, nghĩa là phải sống cho ra sống.

— Thế nhà văn có cần chơi bời không, anh ?

— Đứa nào nói thế là thằng láo ! Sống nào phải chơi bời. Chơi bời tự nhiên nó đến, thì để nó đến. Chớ nhà văn chân chính, nhà văn cho mình một sứ mệnh, không bao giờ chủ trương phải chơi bời mới viết văn sống, văn hay.

Và tác-giả « *Cố Tư-Thung* » mím môi lại.

— Vậy anh viết có khó không ?

— Chẳng khó tí nào cả. *J'écris automatiquement ce que je pense* (1). (Và anh chỉ lên đầu). Tôi nhìn, tôi ghi trên giấy, tôi nhớ trong óc, tôi dựng cốt truyện, tôi chờ nó lắng xuống rồi một hôm nào đó, tự nhiên nó trào ra, tôi chụp lấy bút, viết, viết...

« Có khi, tôi đem đốt cả tập nốt dày thế này này, bởi tôi không muốn chúng ảnh hưởng đến tôi lúc cầu tứ hành vân ; chỉ còn có gì nó lưu lại trong này (anh chỉ đầu anh), mới là thứ thật, thứ quý ; tôi chỉ dùng những thứ đó thôi. Có đôi bạn ngăn tôi đừng đốt các tài-liệu sống ấy, không được, phát khóc.

— Xin lỗi anh. Người ta có kể hai việc về anh, mà tôi cho là hai giai thoại... bịa ; việc đầu tôi đã có lần hỏi anh, nay nhân tiện cũng xin hỏi lại.

(1) Tôi viết một cách máy móc những gì tôi nghĩ.

— Huynh cứ nói.

— Thời tiền chiến, khoảng 1942, trên một tờ báo trong Nam, có người viết, đại khái : nếu đọc sách anh mà có thấy mạch văn không đều, hoặc có chỗ non kém, thì bạn đọc đừng lấy làm lạ, đó là « nhị vị phu-nhân »... của anh góp phần vào sự nghiệp của đức phu-quân ; anh vốn thích viết về đêm, mệt, anh gọi « Dì hai ơi ! ra viết tiếp giùm anh ». Dì hai ra, anh vào buồng ngủ lấy sức. Rồi anh ra viết tiếp. Một chập, mệt, anh gọi : « Dì ba ơi ! ra viết tiếp giùm anh ». Dì ba ra, anh vào buồng ngủ lấy sức. Và cứ thế cho đến sáng... Việc này, năm 1954, anh Nguyễn-Vỹ cũng có nhắc lại trong báo « Dân ta », bảo rằng do Lan-Khai kể lại. Có đúng phần nào không anh.

Anh chỉ lắc đầu một cách mệt mỏi.

— Và cách đây không lâu, có người tiết lộ (trên giấy trắng mực in... rônêô) anh đã sáng-tác theo kiểu Alexandre Dumas cha : anh thuê một vài nhà văn nghèo nào đó, viết, anh xem lại, sửa, rồi để tên anh, đem xuất-bản.

Anh lại lắc đầu.

— Ngược lại, cái này thì có.

Rồi anh tâm sự với tôi : thời Nhật-thuộc anh ẩn ở Lao-Cai..., rồi dặn : « Nói riêng anh biết vậy thôi. Chớ anh đừng công bố. Việc chẳng đẹp gì, mà trong số đó có vài anh hiện sống tại đây. Vả lại đó cũng là cảnh ngộ « cùng tắc biến ».

Thấy mắt anh chớp nhiều, và mồ hôi càng rịn, tôi hỏi dồn dập :

— Anh viết tiểu-thuyết chắc là để cho anh, cho hả một cái gì ăm ức trong anh.

— Cho tôi mà cũng cho người ta nữa chứ. Hai cái này nó liên hệ mật thiết với nhau.

— Thế thì anh sáng tác vừa cho bây giờ vừa cho mai sau ?

— Chính thế. Bây giờ mà có giá trị, thì sống đến mai sau.

« Tác giả thì nhắm cái hiện-đại, mà tác phẩm ăn về mai hậu. »

— Tác phẩm chót của anh chừng nào mới cho chào đời đây ?

« Tôi nghe anh em nói đến nó nhiều. »

— Chưa gặp thời, huynh ạ. Cuốn « Những người có sứ mệnh » của tôi đây, dày tới ba nghìn sáu trăm trang vẫn còn trong bản thảo. Tôi đã viết nó với tất cả bầu nhiệt huyết, với cả cái lương tâm của tôi. À, anh biết trên đời có bốn hạng người nào mà cần phải có « đại lương tâm » không ? Không có, thì loài người chẳng phải loài người. Tôi ngáp ngừng. Anh vừa lau mồ hôi, vừa thúc :

« Anh cứ nói ! »

— Theo chỗ tôi biết, thì đó là : nhà giáo.

— Huynh nói đúng.

— Nhà văn...

— Huynh nói phải. Nhà văn và nhà bác.

— Nhà... ơ... người thầy thuốc.

— Huynh nói chẳng sai. Còn hạng thứ tư ?

Tôi chịu thua. Anh xòe hai bàn tay ra :

— Nhà tu.

Im lặng.

— À, có khi nào anh viết vì một áp lực gì không? uy quyền ép buộc hay... thần cùng xui giục...

— Không bao giờ. Đệ thà chết, chứ không gì bắt buộc đệ viết khi đệ không muốn. Và khi tôi viết, tôi thấy như những người đã chết và những người sắp đến đang đứng nhìn tôi.

Rồi anh hỏi: «Huỳnh không còn gì để hỏi đệ nữa chứ? Không, thì đệ có chút chuyện này nói với huỳnh.» Rồi anh nghiêng mình, nói nhỏ...

Đưa anh ra cửa, tôi sức nhớ, vỗ vai anh: «À quên, anh thích nhất tiểu thuyết nào của anh?» Anh đáp ngay: «*Ông Hoàng một đêm*», tôi thích nó nhất vì truyện chỉ nói đến một người đi chơi nhà thổ mà nói lên được tình Thương, cái tình mà tôi cho không có nó, thì trái Đất không còn là trái

Đất nữa.» Tôi hỏi anh câu cuối: «Người ta cho rằng những anh hùng anh tạo là những anh hùng rơm chỉ có tài nói huênh hoang. Anh có giận không?» Anh lắc đầu, tỏ vẻ không thừa sức đâu mà giận: «Những người đó họ sống ít, sống hẹp, sống cạn, chứ thật ra, những người anh hùng ngoài đời mà tôi được gặp họ còn có những hành vi cử chỉ anh hùng gấp mười lần những anh hùng trong tiểu thuyết của tôi.» Và người cha dễ thuyết... người hùng bước đi, chậm, yếu, bóng nghiêng nghiêng.

NGUYỄN-NGU-Í viết lại

Trong những kì sau:

Vi-Huyền-Đắc, bà Thu-Vân, Thạch-Hà, Doãn-Dân, TchyA, Phạm-Việt-Tuyền, Hoàng-Khánh, bà Tùng-Long, bà Ái-Lan, Đông-Xuyên, Hợp-Phổ, Thiên-Giang, Bút-Trà...

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tổ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



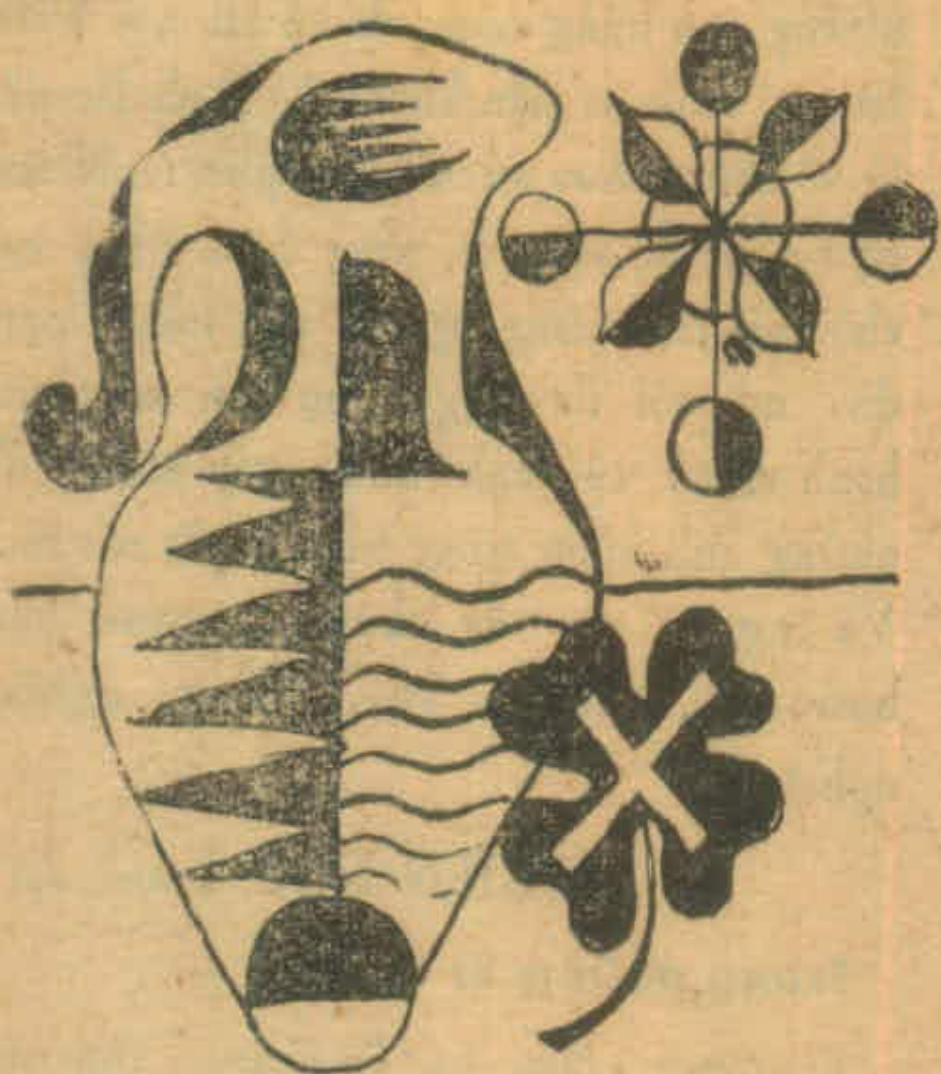
Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.



SINH-HOẠT

★ NHÂN-THỂ ★

Lại trả lời ông Thu-Giang

Năm ngoái ông Thu-Giang có xuất bản quyển sách *Một nghệ thuật sống* trong đó trình bày một quan niệm sống theo cái triết lý vô vi của Lão Trang. Trên tạp chí *Bách-Khoa* số 96 ra ngày 1-1-1961, tôi có phát biểu một ít cảm tưởng về sách ấy, đại khái cho rằng trong hoàn cảnh chúng ta đang sống nhiều lúc khó lòng ứng dụng được cái triết lý kia, và tôi có nêu lên vài ba trường hợp mà tôi cho là khó xử. Trên *Bách-Khoa* số 98, ông Thu-Giang bảo rằng ông theo tam nguyên còn tôi theo nhị nguyên nên ông không biện bạch, vì như thế vô ích, ông chỉ lên tiếng để nêu mấy điểm mà ông cho là tôi « cắt

xén đoạn mạch » văn ông để xuyên tạc ông thôi. Tôi tự xét không thấy có ý định ấy nên đã trình bày lại trên *Bách-Khoa* số 99 cho ông Thu-Giang rõ rằng tôi không hề xuyên tạc văn ông. Ông Thu-Giang ngâm nghĩ ít lâu (độ chừng non ba tháng) rồi không hiểu sao bỗng lại gọi tôi ra minh xác lần nữa trên nhật báo *Tự-do* từ số 1220 đến số 1225.

Đọc suốt sáu số báo *Tự-do*, tôi không thấy ông Thu-Giang nhắc tới chuyện « con chiên ăn cỏ » tức là điểm mà ông cho là quan trọng nhất trong sự xuyên tạc của tôi, cũng không thấy ông Thu-Giang

nhắc tới chuyện cách ngôn của ông T-G nào đó nữa. Ông bảo rằng đó toàn là « những chi tiết vụn vặt do tiểu khí gây ra » cả. (Nào tôi có gây thêm ra cái gì đâu, tôi chỉ gỡ từng điều mà ông Thu-Giang buộc cho tôi đó thôi) Tuy vậy tôi an lòng. Bởi vì ông Thu-Giang đã không nhắc đến tất là không còn có gì để nhắc nữa, chứ nếu còn thì ông Thu-Giang là người « hành động theo cái Đạo nơi con người » của ông, lúc nào cũng chăm lo « lập lại sự công bằng » không chịu « dung tha » những thiên lệch, lẽ nào ông lại bỏ qua. Do đó nhận thấy lần này trong bài minh xác của ông Thu-Giang « điểm quan trọng nhất » biến hóa thành ra « chi tiết vụn vặt » và được tạm gác bỏ, tôi thầm phục rằng ở đời ít người có được cái độ lượng khoan hồng khôn ngoan như ông Thu-Giang.

Duy còn một điểm về chỗ ông Thu-Giang có thích hay không thích văn minh cơ giới là ông có nhắc lại. Cách nhắc của ông có chỗ đặc biệt mà tôi tưởng nên trình bày ra đây để độc giả nhận xét. Nguyên ông Thu - Giang trách tôi xuyên tạc vì đã cho rằng phần phụ lục sách *Một nghệ thuật sống* của ông chống đối văn minh cơ giới, trong khi ý ông là chứng minh cái luật quân bình vũ trụ. Trong bài trả lời, tôi bảo rằng ý ấy tôi đâu có bỏ qua, trái lại tôi đã nêu ra trước rồi ; nhưng ngoài ý ấy ra, lời lẽ và hơi hám hành văn của ông trong phần phụ-lục còn để lộ mỗi ác cảm đối với văn minh cơ giới, nên tôi lại nêu thêm một ý nữa đó thôi, thế không gọi được là xuyên tạc. Trên *Tự do* số 1223,

ông Thu-Giang trích một đoạn văn của tôi trên *Bách-Khoa* số 99 thế này : « Phần phụ-lục của ông cốt nói về cái lẽ quân bình vũ trụ, lẽ ra có nói thì tôi chỉ nên nói đến chỗ chính yếu đó thôi, chứ không nên nói tới cái sự yếu hay ghét văn minh cơ giới là điều thứ yếu, là điều chỉ đoán qua hơi-hám hành văn của ông. Ông trách thế tôi chịu. » Rồi ông Thu - Giang reo lên : « Như vậy, sự trách cứ của tôi rằng ông đã « cắt xén văn mạch » bài văn ấy của tôi là đúng hay sai ? » Tôi đành thừa rằng « sai », mặc dầu như thế có thể làm mất cảm hứng của ông Thu-Giang đi nhiều lắm. Bởi vì làm thế nào khác được, rõ ràng ở đoạn vừa trích dẫn tôi chịu trách là nói thêm điều thứ yếu, ông Thu-Giang lại muốn hiểu là tôi chịu sự « cắt xén văn mạch ». Nói thêm một điều thứ yếu thì có gì là tội lỗi đâu, có dính líu gì đến sự « cắt xén văn mạch » đâu mà ông Thu-Giang lại ghép hai việc làm một ? Vả lại trong bài phê bình trên *Bách-Khoa* số 96 tôi có trích câu nào của bài phụ lục *Một nghệ thuật sống* đâu mà bảo tôi có thể làm cái việc « cắt xén văn mạch » của ông được ?

Còn về phần ông Thu - Giang trích văn tôi ở *Bách-Khoa* số 99 vừa rồi, thì xin độc giả biết cho là sau câu : « Ông trách thế tôi chịu », còn một câu nữa thế này : « Nhưng thực ra chỗ chính yếu tức là việc quân bình giữa Phải Quấy, Lợi Hại, Thiện Ác... tôi đã có đề cập tới trong đoạn nhận xét trên rồi, chứ không có khinh chính mà trọng thứ. » Có câu sau đó thì tôi không khinh chính trọng thứ, không có câu đó thì có thể hiểu là tôi khinh chính trọng thứ : cái lỗi ông Thu-

Giang cất văn người nó đặc biệt như thế đấy. Cất văn thế nào để cho một ý này hóa thành ý khác, đó gọi là xuyên tạc, tức thì là một *thủ đoạn thô thiển và bất lương*. Mà ở trên đời này không ai ghét những *thủ đoạn thô thiển và bất lương* hơn là ông Thu-Giang, cho nên tôi nhất định tin rằng việc đã xảy ra ấy chẳng qua là do một lần lộn nào đó, một « chi tiết vụn vặt » rất đáng « tạm gác bỏ. »

Nhân đây tôi cũng nói qua về thái độ « tạm gác bỏ » của ông Thu-Giang. Trong loạt bài trên nhật báo *Tự do*, sau khi đã bỏ qua cái « điểm quan trọng nhất » trong sự xuyên tạc của tôi là chuyện « con chiên ăn cỏ », ông Thu - Giang không đưa ra bằng chứng xuyên tạc nữa mà cứ cách một đoạn văn ông lại kêu lên về sự xuyên tạc của tôi một lần, day nghiêng tôi mãi. Tôi biết gán cho người những điều xấu xa không có chứng cứ ấy là cách vu cáo bất lương mà ông Thu-Giang chẳng bao giờ chịu làm, nhưng dầu sao cũng phải chịu rằng bầy chuyện một người khó tính như ông Thu-Giang thực là khổ cực.

*
* *

Ở trên tôi nói « không hiểu sao » ông Thu-Giang lại minh xác, bởi vì cái lý do độc nhất khiến ông lên tiếng là việc cắt xén văn mạch đã không còn nữa (hay là đã biến ra vụn vặt), còn việc quan điểm khác nhau giữa kẻ nhị nguyên người tam nguyên thì « biện bạch hẳn là vô ích » như chính ông đã nói ; thế thì còn có gì đáng nói nữa ? Xem lại toàn loạt bài trên nhật báo *Tự do* của ông thì phần chính lại đúng là chuyện nhị nguyên với tam nguyên.

Nhưng về vấn đề này trong khi tôi chỉ ngại cái Phải của ông Thu-Giang khó đem ra ứng dụng trong hoàn cảnh sinh sống hàng ngày của chúng ta, thì ông Thu-Giang lại mãi miết lo biện minh cho cái Phải tam nguyên của mình, thành ra cuộc đối thoại diễn ra theo một chiều hướng ngộ nghĩnh, có thể tóm tắt như sau :

Ông Thu-Giang : Lão-tử nói... Trang-tử nói... Tăng Xán nói... Đạo Tín nói... Ram Linssen nói... Carlo Suarès nói... Khoa sinh-lý nói... Khoa vật-lý nói... Vậy đừng thiên hân về một bên nào của đòn cân Thiện Ác, Phải Quấy, đừng lấy Phải trừ Quấy, đừng phản động lại cái lầm.

Tôi : Nhưng khi cái Quấy, cái Lầm, cái Ác nó lăm lăm hại ta, như cộng-sản đối với nước ta, như thực-dân đối với Algérie, như Nga-sô đối với thế-giới tự-do hiện giờ... thì làm cách nào để khỏi phản động lại cái lầm ?

Ông Thu-Giang : Quân Trọng nói... Keyserling nói... Pascal nói... Mẹ tôi nói... Anh tôi nói... Tôi nói... Khoa tâm-lý nói... Khoa vật-lý nói... Vậy đừng thiên hân về một bên nào của đòn cân Thiện Ác, Phải Quấy, đừng lấy Phải trừ Quấy...

Tôi : Nhưng trong những trường-hợp cụ-thể ở đời mà cái Quấy nó lăm lăm hại ta, như cộng-sản ở nước ta, như thực-dân ở Algérie v.v...

Ông Thu-Giang : Tôi bối rối !

Tôi : ... ?

Ông Thu-Giang : « Nếu ông bạn (..) chịu nhận quan-niệm về nhân-sinh của tôi đã trình-bày thì việc giải-quyết mâu thuẫn

giữa những sự Phải Quấy ở các nơi đây có gì là khó hiểu »... (Tự-do, số 1224).

Ấy chết ! Ông Thu-Giang đã bối rối thì tôi làm quái gì mà hiểu nổi !

Điều tôi ao ước ấy là có thể mang được triết-lý trong sách vở ông Thu-Giang ra để sống ở đời, chứ tôi nào có muốn nghe hết ông này nói đến ông kia nói (nhất là có ông nói đi rồi dẫn lại nhiều lần như ông T.G.) những điều lý-thuyết xa vời. Mà tôi tưởng điều ước ao của mình cũng không trái với bản ý của tác-giả *Một nghệ-thuật sống* nếu căn-cứ vào cách ông đặt tên cho tác-phẩm. Ông Thu-Giang hứa bày vẽ cho người đời một nghệ-thuật sống chứ đâu có phải một nghệ - thuật làm trọng tài giữa các cuộc xung khắc trong vũ-trụ, hay là một nghệ - thuật ngắm nghĩa cuộc sống ? Thế mà đọc xong sách, tôi càng dò hỏi ông về cách sống trong những trường hợp cụ thể thì ông càng lùi ra, không ! càng thăng lên cao, nhấn tâm bỏ rơi tôi lại, linh-quýnh với những phiền toái gay go mà thiết thực của cuộc đời. Tôi càng thiết tha nài ông nhìn xuống những việc thiết thực, ông càng trở tài đăng vân giá vũ trên chín tầng mây thăm thẳm. Từ trên đó ông nhấn xuống : « Đạo chủ-trương và bao trùm vạn vật, cho nên không thể thu hẹp hành-động mình trong khu vực của một lẽ Quấy hay lẽ Phải nào, trong một cái Nóng hay cái Lạnh nào, thì người sống theo cái Đạo nơi mình cũng sẽ là kẻ không thể thu hẹp hành-động cùng nhơn quan mình trong vòng eo hẹp của một quốc-gia hay dân-tộc nào. Cái nhìn của họ là cái nhìn bao quát, trùm lấp cả nhơn-loại, vạn vật, chứ không bị

hạn định vào ranh giới của một quốc-gia hay dân-tộc nào cả Lòng yêu thương của họ cũng không thể dừng nơi một khu vực nào, trong một ranh giới nào, mà lan tràn cùng vũ-trụ muôn loài, không phân biệt màu da đen trắng nữa. » (Tự-do số 1224)

Như vậy cái nhìn của « người sống theo Đạo nơi mình » chiếu xuống vạn vật giống như thể cái nhìn của đấng Tạo-hóa. Thú vậy thay ! Ai chẳng ao ước được có cái nhìn ấy ? Nhưng khốn nỗi mỗi người trong chúng ta đều bị buộc sống vào một hoàn-cảnh cụ-thể, và khi phải suy-luận cùng hành-động thì lại không thể làm với tư cách người vũ-trụ mà tùy trường hợp phải xử sự hoặc với tư cách một phần tử trong gia-đình, hoặc với tư cách một công-dân trong quốc-gia, hoặc với tư cách một viên chức trong sở v.v... Những khi ấy muốn biết sống cho có nghệ-thuật thì phải khu xử ra sao, hỏi đến ông Thu-Giang, thì ông phàn nàn rằng đừng có « kéo » ông về những vấn đề thiết thực, ông không muốn có một sự níu kéo như vậy, nhất là kéo về thiết thực. Nhưng « những khi ấy » chính là tất cả cuộc đời của những người tầm thường chúng ta, ngoài ra chúng ta khó mà tìm được cơ hội để suy nghĩ hành-động mà không bị những hoàn cảnh sinh sống cụ thể giới hạn. Đứng ngoài vòng, làm một kẻ trọng tài mà lập thể quân bình giữa Nóng Lạnh, Thiện Ác thì hay quá, nhưng khi trong gia đình vợ ta tư tình với kẻ khác thì giữa ta với kẻ gian phu thực khó lập nên một thể quân bình, hoặc khi trong quốc gia chúng ta cộng sản đến dấy lên một lực lượng quấy phá như hiện nay mà bảo đừng phản động mạnh, hãy se se, « nó

cao thì ép nó xuống, nó thấp thì nâng nó lên », cho yên một thể quân bình, thì cũng lại thực khó nữa.

Ấy, mỗi bản khoản của tôi chỉ có như thế, ngay từ *Bách-Khoa* số 96 tôi đã nói rõ ; thế mà mãi đến sau này trên *Nhật báo Tự do* ông Thu Giang vẫn mãi lo trích dẫn lời ông Thu-Giang để giảng cái Phải tam nguyên của mình mà không thêm đếm xỉa ngó ngang gì tới nó. Bởi vậy lời minh xác của ông mới đưa câu chuyện đến một chiều hướng ngộ nghĩnh như trên. Dầu sao, cái ý muốn minh xác của ông Thu-Giang thì không còn hồ nghi gì nữa, cho nên tôi tự bảo nên nén lòng chờ đợi, biết đâu không có lúc ông Thu-Giang lại chẳng minh xác cách khác, đúng vào đề tài thảo luận ?

*
* *

Vả lại chờ đợi như thế cũng có thể là điều hay. Vì kể ra từ *Một nghệ thuật sống* cho đến bài minh xác trên *nhật báo Tự do* lời lẽ ông Thu-Giang đã có khác đi ít nhiều. Trong *Một nghệ thuật sống* ông phản đối cả sự chọn lựa, vì « đã là còn chọn lựa, tức là còn cho một cái gì phải hơn một cái gì, tức là còn nô lệ một bảng giá trị nào mà ta cho là phải hơn là một bảng giá trị nào khác mà ta không thích » ; trên *Tự do*, số 1.225, ông bảo người sống và làm theo Đạo đâu phải là kẻ « không dứt khoát với điều Thiện lẽ Ác. » Đã dứt khoát chắc chắn là lần này có sự chọn lựa rồi. Trong *Một nghệ thuật sống* ông cho rằng dù chỉ thiên về bên Phải hay Quấy, Thiện hay Ác « một hào ly thôi, cũng đủ làm cho Trời Đất chia phân. » và ông cho phản động lại cái làm cũng là làm ; trên *Tự do* số

1.225, ông lại nói « người sống và làm theo Đạo đâu phải là kẻ « ám ở lưng chừng », không làm Phải, không chống Quấy... Họ làm phải, nhưng đến mức độ nào ; họ chống quấy, nhưng cũng đến mức độ nào » Tôi đoán dù cái mức độ ấy có ngắn hẹp đến đâu cũng vượt quá một hào ly và cũng được gọi là một phản động rồi đấy.

Sự « khác đi ít nhiều » ấy cũng nằm trong thông lệ dịch-biến của vạn vật ở đời đó chẳng ? Hay là theo ngôn ngữ tam nguyên hai cách nói khác nhau có thể vẫn là một ? Không thể biết rõ được, nhưng cứ theo cái đã đổi thay đó, nếu khéo chờ đợi hẳn nài biết đâu chẳng có ngày tôi được cái vinh hạnh thấy ý mình giống ý ông Thu Giang ? Ông Thu Giang chẳng đã bảo rằng cái Phải nó thường vượt Trung mà biến ra Quấy, cái Quấy biến ra Phải, Phải Quấy Quấy Phải biến hóa lẫn nhau được đó sao ?

Nhưng « người sống và làm theo Đạo » lần này đã bảo mình không ám ở lưng chừng, đã chống Quấy, thì ta hãy cứ xem người ấy chống Quấy đến cái mức độ nào, tại sao lại ngừng ở mức độ ấy. Theo chỗ tôi hiểu thì ông Thu Giang bảo chống Quấy vừa vừa thôi, vì một lẽ là nếu chống mạnh thì « vật cực tắc phản », vả lại không thể diệt Quấy nổi bởi âm cô thì dương tuyệt, dương cô thì âm tuyệt, « Trời Đất Vũ Trụ bấy giờ sẽ nổ tung như quả bom nguyên tử ». Nghe ông Thu Giang nói khiếp quá ! Tôi có thói liên hệ lý thuyết đến thực tế, nghĩ ngay

(*Tự do*, số 1221). Hoan hô hay đã đảo đều đại cả, vì đều có thể làm trò cười cho thiên hạ. Vậy đành chỉ có *cười tường* là khôn hơn cả ! Đó là lời nhún nhủ của ông Thu - Giang (tức thị một triết gia « thông minh »).

Tôi nghĩ đến thái-độ quả cảm của một số ký giả, trong cuộc chống đối với cộng-sản, trước những biến cố ở Cuba, ở Lào v. v..., họ luôn luôn ủng - hộ một chính sách cương-quyết, làm mạnh. Nhớ khi nghe tin phe tự-do chịu điều đình với cộng-sản về Cuba và Lào, ông Hà-Thượng-Nhân phản nộ :

« Hội-ngập bao giờ mở ?

Đề năm châu bực mình ! » (*Tự do* số 1224)

Lại nhớ cái đạo luận về thái-độ của người văn-nghệ, ông Hiếu-Chân cực lực đã kích sự hèn nhát của kẻ cười tường. E rằng những thái-độ của các ký - giả ấy không hợp với triết - lý, không có nghệ-thuật, nhưng tôi tin đó là thái-độ ích lợi đối với sự tiến hóa của xã-hội.

Lịch-sử không phải đã tiến bước, đời sống nhân-loại không phải đã mỗi ngày một sáng sủa tốt đẹp thêm lên là nhờ ở thái-độ tích-cực của những kẻ thấy Quấy chịu trừ, thấy Phải chịu hết lòng ủng-hộ, thấy Ác có gan chống triết để, thấy Thiện chịu phát huy đó sao ? Không phải chỉ ủng-hộ cái Phải bằng một tiếng « hoan hô » mà đã sợ là quá hăm hở, đã lo một ngày kia có thể « làm trò cười cho thiên hạ » đâu ! Họ còn hăm hở đến cái mức đem mạng sống của mình ra mà hy-sinh để cho lẽ Phải thắng lợi. Cuộc đời không phải được đến như ngày nay

do những kẻ chu đáo khôn ngoan đến cái mức không hoan-nghênh mạnh không đã đảo mạnh để khỏi lo ngày sau bị lỗ tàu, mà là do những người biết giận cái Ác, biết yêu say mê cái Phải, biết khóc biết cười mà không sợ lỗ bịch, biết liều mình vì chính-nghĩa mà không sợ bị chê là đại. Nói thế, không phải bảo rằng cái nghệ-thuật của ông Thu-Giang người đời không công nhận đâu : trước khi *Một nghệ-thuật sống* ra đời vẫn có chán vạn người sống có nghệ thuật rồi đấy chứ, nhưng có điều họ lạng lẽ khôn ngăm, họ ngượng mồm ngượng miệng không đem ra truyền bá nghệ thuật. Ông Thu-Giang hơn người ở chỗ đem cái nghệ thuật ấy ra nhún nhủ với bạn bè, rồi làm sách dạy cho cả thiên hạ. Nhưng sống như lối ấy mà gọi là nghệ thuật e là một lối gọi không chính danh, gọi là thủ đoạn, là mảnh lới có hợp hơn chăng ?

Ông Thu-Giang không hăm hở hoan hô Phải, vì lo Phải nó biến ra Quấy. — Thì lúc đó ta lại hăm hở đã đảo Quấy chứ có sao ? Tôi lại tự kéo mình về chuyện thiết thực : hồi năm 1945 một bên Việt-Minh kêu gọi toàn dân kháng chiến với một bên thực dân Pháp chiếm đóng nước ta, giữa « cặp đối địch » ấy người tam nguyên có lẽ nâng bên thấp ép bên cao cho nó quân bình, nhưng kẻ « hăm hở » tưởng cứ mạnh dạn thiên hẳn về một bên mà hoan hô đi. Rồi thì đến lúc Việt-Minh nó hón ra Cộng-sản, đối địch với phe quốc gia, người tam nguyên có lẽ cũng vẫn nâng bên thấp ép bên cao cho nó quân bình, trước sau như một, thiên hạ không cười vào đâu được, nhưng kẻ « hăm hở » lại tưởng cứ có thể quay ra thiên hẳn

rằng thế thì lực lượng quốc gia ở nước ta hiện giờ khó đối xử với lực lượng cộng sản lắm lắm : Làm cho âm cô đi thì dương ắt tuyệt, dương cô đi thì âm ắt tuyệt, vậy phe quốc gia phải cẩn trọng gìn giữ sự tồn tại của phe cộng sản như gìn giữ vận mạng của mình chẳng ? nếu vận nhất mà phe cộng sản có mệnh hệ nào thì, âm cô dương tuyệt, phe quốc gia cũng đời luôn chẳng ? Vậy thấy nó « cao thì ép xuống thấy nó thấp thì nâng lên », điều chỉnh thế quân bình cho thật cân nhau giữa cộng sản và quốc gia mới đúng với Đạo chẳng ? Ông Thu Giang lại tiên tri ra cái chuyện « Trời đất Vũ trụ nổ tung như quả bom nguyên tử » để dọa mọi người, phòng chúng ta đừng có lơ dại nhè cái Quấy, cái Ác, cái Lắm mà trừ đi.

Nghe vậy tôi đã thực kinh sợ lắm rồi, nhưng tôi tự hỏi cách đây một trăm năm ở Hoa kỳ có một phe chủ trương duy trì chế độ nô lệ một phe chủ trương giải phóng nô lệ, « cặp đối địch » ấy giằng co nhau gây thành cuộc Nam Bắc phân tranh, ông Lincoln không sợ dương cô âm tuyệt, không sợ Trời Đất nổ tung, không điều chỉnh thế quân bình, ông ta cứ thiên hẳn về một bên để trừ hẳn một bên, cứ vậy mà sao quốc gia lại thống nhất, dân tộc lại tiến bộ ? Gần đây hơn, trên thế giới cũng có một phe dân chủ với một phe phát xít Đức Ý Nhật sòng đôi nhau thành một « cặp đối địch » rất nên cân xứng, giá để yên cho người tam nguyên chiếu cái nhìn « bao trùm vạn vật », tỏa cái lòng yêu thương « lan tràn cùng vũ trụ muôn loài » xuống cảnh ấy thì cặp đối địch ấy chắc vẫn còn song song bên nhau mãi. Nhưng phe dân

chủ không ngần ngại, không sợ người tam nguyên mắng cho là « độc tài kém thông minh », họ cứ nhè phát xít tiêu diệt bừa đi, cứ thế mà nhân loại thanh toán được một cái nhục, sao Trời Đất không nổ tung ?

Ông Thu-Giang vẫn xưng rằng quan niệm của ông là một thứ quan niệm động, tôi không hiểu sự biến-hóa theo ông có thể xảy ra cách nào nếu đối với mỗi cặp đối địch ông đều nâng bên này đỡ bên kia cho giữ yên mãi một thế quân bình. Thứ quân bình đó không phải là cái quân bình tĩnh đó sao ? cái quân bình của sự yên nghỉ, đưa về cái chết đó sao ? Muốn có biến hóa chẳng phải một khi có xung khắc giữa cặp đối địch thì có thể làm tan vỡ một thế quân bình để tiến tới một thế quân bình mới sao ? Luôn luôn lập ra những cặp đối địch, nhưng thế quân bình trong vũ trụ, đó có thể là định luật của tạo hóa, nhưng tất cả hoạt động của con người không phải là để giúp Thiện thắng Ác, giúp Phải thắng Quấy, phá vỡ thế quân bình này để tiến lên thế quân bình kia, dần dần tiến hóa sao ?

Vẫn theo ông Thu-Giang, còn một lẽ nữa khiến ta phải chống Quấy vừa vừa thôi, ấy là mối lo cái Quấy có thể biến ra Phải, mà cái Phải biến ra Quấy. Theo cái Phải hằng quá tới ngày nó biến thành Quấy hay chống cái Quấy hằng quá tới ngày nó biến thành Phải, ông Thu-Giang đều sợ gặp cảnh lơ tầu, cho nên ông cẩn thận lo xa. Ông lo cho thân ông rồi, ông còn khuyên bạn bè : « Tôi thường nhấn nhủ bạn bè đừng quá « hăm hở » quá nhiệt-liệt « hoan hô » để rồi khi sự việc vượt quá mức « trung », lại cũng chính mình « hăm hở » nhiệt-liệt « đả đảo » mà làm trò cười cho thiên hạ ! »

về phía khác mà đã đảo mạnh Cộng-sản chớ có sao ?

Trước một thời cuộc cụ thể như vậy, thái độ người tam nguyên thế kia mà gọi được là « ăm ớ lưng chừng » ư ? Ông Thu-Giang bảo sai, ông có lý. Trong trường hợp ấy « ăm ớ lưng chừng » là cái tiếng kỳ nhất, không nên dùng đến. Cũng như đối với người hồng mắt thì tiếng kỳ nhất là tiếng *đui*, hãy nên nói người ấy *tối*, đối với kẻ râu quặp thì kỳ nhất là tiếng *sợ vợ*, hay nói kẻ ấy *nể vợ*. Trong trường hợp vừa kể, không phải là « ăm ớ lưng chừng » mà phải nói « chống quấy đến một mức độ nào ». Danh từ của giới nhị nguyên thường vấp phải cái khuyết điểm là sống sượng.

*
* *

Trên *Bách-Khoa* số 98, ông Thu-Giang có nói người nhị nguyên « là người không thể quan niệm rằng trong đời này còn có cái Phải nào ngoài cái Phải theo ông (người nhị nguyên) quan niệm, và người ta không thể nào vượt lên trên sự Phải Quấy của ông (người nhị nguyên) để suy nghĩ khác được » (trang 149). Thì ra người nhị nguyên họ cố chấp hẹp hòi quá lắm. Còn người tam nguyên ? Ông Thu-Giang bảo : « ...tôi không có ý cầu mong gì được phần phải về mình cả, vì tôi không tin rằng có cái phải nào là cái phải chung cho tất cả mọi người được » (trang 150). « Tôi » ấy tức thì là ông Thu-Giang, một người tam nguyên đó. Như vậy ai hằng cho rằng người tam nguyên phóng khoáng rộng rãi khác đời ? Như thế những điều ông tranh luận để bênh vực ấy là

cái không Phải không Quấy đó chăng ? là cái vừa Phải vừa Quấy đó chăng ? và lại trong cuộc thảo luận tôi chưa bao giờ cho ông Thu-Giang là sai, chỉ than thở rằng đem cái nghệ thuật của ông ra sống e không tiện, thế thôi; còn ông Thu-Giang thì ông quyết rằng tôi cũng như phần đông người đời ngày nay đều sa vào cái lằm, và lằm lớn, bởi vì bị « cái lằm trước kéo đến cái lằm sau » (*Tự-do*, số 1222), ông lại quyết rằng phải hiểu cái luật quân bình như ông đã tuyên bố, còn « hiểu khác hơn là nguy hiểm vô cùng vì đã hiểu sai rất xa sự thật » (*Tự-do*, số 1222).

Cái việc một người đứng ra bênh vực quan niệm của mình không có gì đáng lạ lùng. Nhưng sao ông Thu-Giang không bảo thẳng ra rằng mình cũng giống như mọi người, mình cũng sẽ bênh vực cái mà mình cho là đúng, là chân lý, cái Phải của mình, như thế có phải giản dị không ? Ban đầu ông lại đi cao giọng giới thiệu một mẫu người tam nguyên như là một bậc siêu-phàm đứng trên mọi lẽ phải quấy. Thế rồi càng lâu càng rõ ra thì là người tam nguyên... cũng chẳng khác gì người nhị nguyên (theo cái mẫu ông Thu-Giang đưa ra). Nghĩa là cũng cho chỉ có mình là phải, cũng công kích cái phải của kẻ khác mà mình coi là quấy. Sự thực về người tam nguyên chỉ có vậy, mà thái độ ồm ồm của ông Thu-Giang làm cho nó rắc rối thêm biết bao nhiêu !

Bởi vậy một lần nữa, tôi lại ồm ồm hy vọng rằng nếu mình khéo nén lòng chờ đợi biết đâu chẳng có ngày mình lại không được cái vinh hạnh giống ông Thu-Giang thêm về một phương diện nữa ?

Cũng trên *Bách-Khoa* số 98, ông Thu-Giang có viết : « Lẽ ra tôi không cần biện bạch dài dòng » (trang 149). Lẽ ra ông Thu-Giang không biện bạch mà rồi ông Thu-Giang lại biện bạch. Biện bạch xong, ông Thu-Giang lại biện bạch nữa, và rất dài dòng trên sáu kỳ báo *Tự-do* (mà không phải là vì tiểu khí đâu nhé)

Vì sao mà lẽ ra ông Thu Giang quyết không biện bạch ? Ông có nói rõ, vẫn trên *Bách Khoa* số 98 : « vì tư tưởng của nhà phê bình của báo *Bách Khoa* là lối tư tưởng của nhị nguyên. » (trang 149). Người tam nguyên không muốn biện bạch với kẻ nhị nguyên, thế rồi người tam nguyên lại biện bạch, mà lại biện bạch chính về cái chỗ nhị nguyên với tam nguyên ! Gớm ! Sao mà bất nhất rắc rối lắm vậy ? Đó cũng lại là cái lẽ dịch biến nữa đó chẳng ?

Dẫu sao tôi cũng rất lấy làm ân hận về chỗ đã khiến ông Thu Giang cứ theo đòi tự làm trái ý mình mãi, mà không vì tiểu khí.

Trên *Tự do* số 1220, ông Thu Giang có thuật rằng cách đây 25 năm, có xảy

ra một cuộc bút chiến « vô cùng nhiệt liệt » giữa ông một bên và cả nhóm mác-xít do Phan-Văn-Hùm cầm đầu một bên, diễn ra trong 6 tháng. Tôi tiếc mình sinh sau đẻ muộn, không được chứng kiến cuộc bút chiến khủng-khiếp ấy, nếu được thấy có lẽ tôi đã đâm hãi mà không dám lao đầu vào cuộc bút chiến với một người có thành tích ghê gớm như ông Thu Giang. Tôi nghĩ tới con dê thứ bảy của ông Seguin, trốn chuồng ra núi gặp sói, nó nhớ lại một bậc đàn chị của nó đã cầm cự với sói suốt đêm tới sáng mới bị ăn thịt, và nó cũng cố sức cầm cự, chỉ chờ cho chóng tới sáng để kiêu hãnh nằm dài xuống cho sói ăn. (Cổ nhiên, về một phương diện, không thể hiểu ông Thu Giang là sói mà ông Phan-Văn-Hùm là dê). Sự nhớ ra từ ngày bài đầu tiên của tôi nói về ông Thu Giang đăng trên báo *Bách Khoa* tới nay đã quá năm tháng rồi, tôi giật mình : hạn kỳ ông Thu Giang tiết lộ gần chằm dứt ! Mình sắp phải nằm dài ra rồi sao ?

NHÂN-THỂ

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài thơ Quỳh hoa của Quách-Giao đăng ở số này xin các bạn sửa dùm chữ **Giòng** ở câu thơ thứ hai ra là **Dòng**.

Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và tác-giả vì sự sơ sót trên.

B. K.

HỘP THƯ BÁCH - KHOA

Những bài đã nhận được :

Mơ về xứ Thượng (V.B.) — Triết-học Nietzsche ; Tự-ngôn của Zaza-thoustra (Lê-Hữu-Thái) — Người ký-giả già (Minh-Hương) — Nhớ (Đỗ-Vũ Nguyễn - Huy - Phước) — Mưa Hè (Đông-Xuyên) — Tình cảm (Bách-Nguyên) — Minh con bướm lượn (Phan - Huy - Doanh) — Khi người đẹp lên Thiên-đàng ; Một chút tình (Chiều-Thiên-Thương) Bách quý ; Ly biệt ; Mảnh tình quê (Luu-Thăng)



Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng thì trường hợp đặc biệt có thư riêng thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

SÁCH MỚI :

Chúng tôi vừa nhận được :

- « Cổ - đô Huế » (Lịch sử, cổ tích, thắng cảnh của Ông Thái-văn-Kiểm, Nha-văn-Hóa xuất bản, do tác giả gửi tặng — Sách dày 342 trang có riêng phần tranh ảnh gồm 53 bản đồ, họa đồ và hình các thắng cảnh của Cổ-đô Huế
- « Kỹ Yếu » (Tân Sử — 1961) của nghiệp đoàn nhà in, nhà buôn giấy, vật-dụng văn-phòng, nhà sách, nhà xuất-bản Việt-Nam — Sách dày 208 trang giá 20\$.
- « Đời sống đạo » : Đặc-san Khánh-đản của Phật-học-Viện Nha-trang, 76 trang, giá 20\$.
- « Văn-hóa Việt-Nam với Đông-Nam-Á » của Nguyễn-Đăng-Thục do Văn-Hóa Á-Châu xuất-bản và do nhà xuất - bản gửi tặng. Sách dày 182 trang in trên bản đặc-biệt.

Trân-trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất-bản và xin ân cần giới-thiệu cùng bạn đọc.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ - DO

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP



Một tặng phẩm giá trị và trang nhã



LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG



Cigarettes
VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUYNH-VAN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn:

160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn
Dây số : 25.589

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$